

NEUROTONIC

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đọc: NGUYỄN-VỸ



Muốn chiếm bằng vàng

Thành công thương mãi

Mau tìm thần dược

Bồi bổ trí nhớ

Tăng cường sinh lực

chỉ có

NEUROTONIC

THUỐC BỔ ÓC HAY NHƯ THẦN

CORNELL
UNIVERSITY
FEB 7 1969
LIBRARY



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN-HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN-HOA DONG TAY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25861



NĂM THỨ X số 210 ★ 1-7-1968

1.— <i>Mình ơi!</i>	N.V.	4 — 10
2.— <i>Con vật mang số 35 qua ca dao</i>	Thanh-v-Thanh	11 — 18
3.— <i>Đâu chẳng phải là vong quốc thồ</i>	Đông-Tùng	19 — 23
4.— <i>Quê hương tôi (thơ)</i>	Liên Phương M.H	24 — 25
5.— <i>Lạc điệu cầm ca</i>	Ái-Lan	26 — 32
6.— <i>Phan-Khôi</i>	Phạm-văn-Son	33 — 47
7.— <i>Cần-Thơ và lần sẽ về (thơ)</i>	Phù-sa-Lộc	48 — 53
8.— <i>Đoản văn: Hoa-Hồng.</i>	Hồng-Diệp	54 — 57
9.— <i>Chùa Thiên-mụ Huế</i>	Thế-Lan	58 — 61
10.— <i>Văn hào Dostoisky</i>	Trần-tử-Thuận	62 — 66
11.— <i>Mùa mưa tháng tư (thơ)</i>	Thùy An	— 67
12.— <i>Hồn ma</i>	Quốc Khương	68 — 70
13.— <i>Như máy đồng hồ.</i>	Lưu Bằng	71 — 75

14.— Saigon lai rai.	Hoàng Thắng	76 — 79
15.— Trăm đồ bỏ láo bạo lên Inchon.	Mạnh-Phy	80 — 84
16.— Mây trên đỉnh núi	Thùy An	85 — 89
17.— Giấc mơ Thần tiên (thơ)	Nhật Huyền Thanh	90 — 91
18.— Hồ xuân Hương.	N V.	92 — 95
19.— Không mái nhà.	Mặc Tường	96 — 102
20.— Trái đắng	Kim Hải	103 — 109
21.— Thơ lên ruột.	Diệu Huyền	110 — 114
22.— Làm gì cho lấm tiến trong lúc này ?	Trọng Tấn	115 — 119
23.— Tuổi trẻ và chiến tranh.	Thu Mai	120 — 130



✕ Chúng tôi hoàn toàn không chịu trách-nhiệm về bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

■ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

✕ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

■ Cấm trích, dịch, phỏng đặng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproductions même partielle, réservés pour tous pays.

✕ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

HÌNH-BÌA : CHIM BỒ-CÁU HÒA-BÌNH
(ĐỀN THÁNH PIERRE, LA-MÃ)

Mình ơi!

★ Diệu-Huyền

HÒA - ĐÀM Mỹ - Bắc-Việt



L.B. JOHNSON



HỒ-CHÍ-MINH

**sẽ đi
tới đâu
?**



VÕ-NGUYỄN-GIÁP

Đến phút chót, ông Tú và bà Tú cũng xách gói đi tản cư như trăm ngàn người khác, vì xóm ngoại-ô này đã trở nên hoàn toàn bất an ninh.

Dọn ở tạm trên một gác ván, sàn ván gỗ-ghè, cửa lớn đóng bằng bìa, cửa sổ chắn bằng giầy kẽm, ông Tú sung sướng nằm dài trên chiếc võng nylon của chị chủ nhà đã treo sẵn, chọn hết giữa căn gác. Bà Tú vút gói sách và gói áo quần trong xô, trải chiếc chiếu cạnh võng, ngồi nói chuyện với ông Tú, sau khi làm hai ly nước đá chanh đường uống cho đã khát.

— Chiến tranh này đến bao giờ mới hết, mình nhỉ? Bà Tú hỏi với một giọng thật chán nản,

Ông Tú chăm một điều thuốc :

— Chẳng ai tiên tri được trong tình thế này.

— Nhưng em nghĩ : Không sớm thì muộn chiến tranh cũng phải nhường chỗ cho Hòa bình.

— Dĩ nhiên. Nhưng Hòa bình không thể đến sớm, như nhiều người mong-mỏi. Từ Paris là nơi khởi điểm, con Rùa Hòa bình còn phải bò đúng đỉnh, ít nhất cũ ng ba bốn năm nữa, mới tới Saigon !

— Nếu là con Bò câu trắng, chắc nó bay nhanh hơn chứ ?

— Rất tiếc, con Bò câu trắng của Hòa bình chỉ là con Bò câu giấy ! Sức mảy mà nó bay nổi !

— Thế thì tại sao có Hòa đàm Mỹ-Bắc-Việt ở thủ đô Pháp? Có Hòa-đàm, tức là có hy vọng thương-thuyết kết-liều chiến tranh chứ?

— Đa số người Việt, có thể nói là đại-đa-số đồng-bào, miền Nam cũng như miền Bắc, chưa hiểu rõ những lý do tại sao Mỹ đơn phương đề nghị Hòa đàm, và tại sao Bắc Việt cũng chấp nhận Hòa-đàm? Hiểu sâu xa những lý do đó và lập trường của hai bên, thì mới thấy hy-vọng hòa-bình rất là mong-manh. Phải

nhìn thẳng vào những thực tế trầm trọng của vấn đề ở bên này cũng như bên kia.

— Thế thì tại sao, hả mình, có cuộc Hòa đàm Mỹ-Bắc Việt? Hòa đàm hiện tại có mục đích gì thực tế? Và trong lúc chiến tranh vẫn còn đe dọa nặng nề, Hòa-đàm sẽ có thể bị bẻ tắt không? Hay nó sẽ có lối thoát như thế nào không? Mình hãy dùng những tài liệu đích ác để giảng giải thật rõ ràng và thật khách quan cho em nghe.

— Tài liệu đích xác, về phía Việt Cộng, liều hết là những tài liệu bí mật, tiết lộ lập trường chính thức của Hà nội.

Tháng 8 năm 1966, trong một hội nghị mật tại Nam Vang có mặt đông đủ các sĩ quan cao cấp Bắc Việt chỉ huy các bộ đội Việt Cộng và chính quy ở các mặt trận Miền Nam, Thiếu tướng TRẦN ĐỔ, nhân viên của Trung Ương đảng bộ ở Hà nội và được đảng phái vào Nam làm Phó Tổng Ủy Chính trị của Việt Cộng, có thuyết trình như sau đây :

« Nhiều đồng chí có yêu cầu tôi cho biết lập trường của Đảng và Chính phủ về một cuộc hòa đàm có thể xảy ra với Mỹ. Tôi xin trả lời : Chủ trương căn bản của chúng ta là chiến thắng quân sự. Chúng ta phải kết-liều chiến tranh bằng những thắng lợi quân sự chứ không phải bằng hòa đàm.

• Hòa đàm chỉ là một hình thức đấu tranh ngoại giao... Chúng ta phải thu hoạch những chiến thắng quân sự cả trước khi nghĩ đến đấu tranh ngoại giao. Chúng ta phải tiếp tục chiến đấu quân sự, chúng ta phải thường xuyên nỗ lực thu hoạch thắng lợi quân sự, nếu chúng ta muốn có thắng lợi ngoại giao.

« Chúng ta càng cương quyết sử dụng vũ lực, tránh mọi ý nghĩ về viễn ảnh hòa bình, hơn nữa, càng phải cương quyết chủ trương chống mọi ý nghĩ hòa bình.

« Người Mỹ kêu gọi ngoại giao, kêu gọi hòa đàm, nhưng thật sự họ chỉ bịp bợm lừa gạt chúng ta... »

Đồng thời, trả lời câu hỏi : « Bao giờ sẽ hòa đàm ? », một sĩ quan cao cấp khác, Trung tướng NGUYỄN-VĂN-VINH, chủ tịch Ủy ban Thống nhất của Bắc Việt, giảng giải về « Quyết nghị số 12 » của Trung Ương Đảng Bộ Hà nội như sau :

« Thời gian chúng ta chưa có đủ sức mạnh, tình trạng vừa chiến đấu vừa hòa đàm chưa có thể được. Phải liên tục chiến đấu cho đến tình trạng cả hai bên đều bất phân thắng bại... Bấy giờ mới vừa đánh vừa hòa đàm, và bên nào đánh mạnh hơn sẽ buộc bên địch chấp nhận điều kiện hòa đàm.

« Hiện nay, tình trạng chưa chín mùi để khởi sự hòa đàm... Chiến lược của chúng ta là liên tục chiến đấu đến một lúc nào mà chúng ta có thể vừa đánh vừa hòa đàm... Trong lúc hòa đàm, chúng ta vẫn tiếp tục đánh địch càng quyết liệt hơn..

« ...Như thế chúng ta sẽ tạo thắng lợi trong lúc hòa đàm, đồng thời đẩy mạnh chiến thắng quân sự và đấu tranh chính trị... »

Trên đây, là hai lời giải thích rõ rệt mệnh lệnh và đường lối chủ trương của Trung Ương đảng bộ Cộng Sản Bắc Việt, do thiếu tướng Trần-Đỗ và Trung tướng Nguyễn-văn-Vinh, phổ biến cho các cấp chỉ huy của cái gọi là « Mặt trận giải phóng Miền Nam », trong cuộc hội nghị bí mật hồi tháng 8-1966,

Lúc bấy giờ Hà-nội chỉ mới bắt đầu chuẩn bị đường lối hòa đàm chứ chưa sẵn sàng, « tình trạng chưa chín mùi để khởi sự hòa đàm » theo lời Trung tướng Bắc Việt Nguyễn-văn-Vinh.

Bà Tú ngắt lời ông Tú :

— À thế bây giờ em mới hiểu tại sao trong thời gian hai năm 1966 và 1967, các chính khách Mỹ, và quốc tế, Anh, Ấn, Đức Giáo Hoàng Paul VI, Tổng thư ký L.H.Q.v.v... rộn rịp

động hòa đàm nhưng Hà nội cứ một mực nín thinh. Không phải tại Cộng sản Bắc Việt ngoan cố như nhiều người tưởng lầm cũng không phải tại họ có dư sức tiếp tục chiến tranh cho đến thắng lợi như nhiều người lo ngại, mà chính là tại họ « chưa tạo được tình trạng khả dĩ vừa đánh mạnh vừa hòa đàm » theo Quyết nghị số 12 của Trung Ương Đảng Bộ.

— Đúng thế, ông Tú nói tiếp. Quyết nghị số 12, và chủ trương của Đảng Cộng sản Bắc Việt (Đảng Lao Động) lúc bấy giờ (mùa Thu 1966), cả Thế giới và Mỹ đều không hay biết tí gì. Cho nên, Tổng thống Mỹ Johnson mới gởi cho chủ tịch Bắc Việt Hồ-chí-Minh một bức thư, đề ngày 2-2-1967, và trao cho đại sứ Bắc Việt tại Moscou ngày 8-2-1967, như sau đây :

« I am prepared to order a cessation of bombing against your country and the stopping of further augmentation of U.S. forces in South Vietnam, as soon as I am assured that infiltration into South Vietnam by land and by sea has stopped.

« The proposal I have made would be greatly strengthened if your military authorities and those of the government of South Vietnam could promptly negotiate an extension of the Tet (Buddhist holiday) truce »

Bức thư ấy gởi cho ông Hồ-chí-Minh trong lúc Hà nội đang cố gắng thu hoạch một vài chiến thắng quân sự để « tạo tình thế vừa đánh vừa hòa đàm ».

— Mình dịch bức thư cho em nghe.

— « Tôi sẵn sàng ra lệnh ngưng ném bom xuống lãnh thổ của ông và ngưng mọi sự tăng gia quân lực Huế Kỳ tại miền Nam Việt Nam nếu đồng thời tôi được đảm bảo rằng sự xâm nhập vào miền Nam Việt Nam bằng đường bộ và đường thủy cũng sẽ ngưng hẳn.

« Đề nghị của tôi sẽ càng được thực hiện mạnh mẽ nếu các vị chỉ huy quân sự của ông và của chính phủ miền Nam Việt Nam có thể điều đình nhanh chóng một

cuộc hưu chiến khoáng đại trong dịp Tết (lễ Phật-giáo).
Johnson không nhận được một thư trả lời nào của Hồ-chí Minh.

Bỗng dưng, ngày 23-3-1967, Đài phát thanh Hà Nội phổ biến bức thư của Tổng thống Johnson, đồng thời thư phúc đáp của chủ tịch Hồ như sau đây :

« Nếu chính phủ Mỹ thật sự muốn thương thuyết, trước nhất họ phải ngưng oanh tạc vô điều kiện trên lãnh thổ Bắc Việt, và chấm dứt tất cả các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... »

« Chính phủ Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam tất cả quân đội của Mỹ và của chư hầu, nhìn nhận Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, và để nhân dân Việt Nam tự giải quyết những việc nội bộ của họ »

Ông Hồ-chí-Minh không có phúc đáp trực tiếp ông Johnson bằng thư riêng, mà chỉ trả lời chính phủ Mỹ qua đài phát thanh Hà Nội. Thái độ làm cao đó chứng tỏ Hà Nội tìm mọi cách hạ uy tín của Mỹ, và tỏ vẻ như không mấy quan tâm đến đề nghị hòa đàm của Johnson. Đó là một đòn tâm lý có tác dụng tuyên truyền hơn là một đáp ứng ngoại giao. Cũng nên biết rằng Hà Nội trả lời cứng rắn không phải vì Hà Nội mạnh hơn mà trái lại, chính vì Bắc Việt chưa có đủ điều kiện chấp nhận hội nghị, và họ chỉ mới bắt đầu chuẩn bị ráo riết đề thực hiện « Quyết nghị số 12 »: là tìm chiến thắng quân sự để đạt đến thắng lợi ngoại giao, và vừa thương thuyết vừa đánh lớn, đánh mạnh. Đồng thời, Cộng-sản Bắc-Việt quyết lợi dụng tinh thần bối rối sợ sệt của Mỹ, (t. e. psychosis of fear), do sự ngây thơ ngớ ngẩn của đa số người Mỹ nhất là của một số đồng chánh trị gia Mỹ, đã thổ lộ ra trong nhiều trường hợp. Cộng-sản đánh mạnh vào chỗ yếu đó của người Mỹ. Bằng đủ cách tuyên truyền hăm dọa, mưu kế, họ làm lung lay đoạn tinh thần của dân chúng Mỹ, của các chính khách Mỹ và Tây phương để làm áp lực.

— Mình nè, thời kỳ 1966-1967, Mỹ đang chiến thắng và đang nắm thế chủ động cả về quân sự lẫn ngoại giao, thế tại sao ông Johnson lại cứ kêu gọi thương-thuyết hòa bình, y như là KẾ BẠI TRẬN MUỐN CẦU HÒA vậy? Sự chuyển hướng chủ hòa của Tổng thống Mỹ phải chăng là một ước cò cao, hay là một triệu chứng nhượng bộ thật sự vì mệt mỏi, hay vì một lý do nào khác?

(Xem tiếp trang 126)

NHỚ VỀ THỂ CHIẾN - QUỐC

Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược
chi thư ;

Tức cỡ nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý.

DỊCH :

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ...

(Bình Ngô Đại cáo. LÊ - THUẬN-
THIÊN -- NGUYỄN-TRÃI phụng thảo)

MỘT nhu cầu tinh thần của thời đại : luận thuyết về chính trị, tìm hiểu các phương lược quân chính xưa nay. Nghiên cứu về thời xưa, suy nghiệm việc thời nay, kẻ sĩ nào có lòng với đất nước đều không thể thờ ơ trước những biến cố dồn dập trên thế giới. Thế giới hiện giờ đang diễn tiến như cuộc điện Chiến Quốc thời xa xưa. Nước Tần rũ nước Tề cùng xưng đế hiệu, ấy là Đông Tây nhị đế.

Đông Đế là Tề, Tây Đế là Tần. Sao mà giống như hai siêu cường quốc Nga Mỹ và thuyết sống chung hòa bình quá vậy? Có lẽ cuộc điện thế giới bây giờ còn rất nhiều tấn tuồng gay cấn, mưu lược của các chính khách còn nhiều thủ đoạn thần sầu qui khốt vượt hẳn thời xưa! Không biết đó là tiến bộ hay thoái bộ?

Nói cho đúng, cái thế Tân

chiến Quốc khai diễn từ lúc các nước Tây Phương thi đua đi lấy thuộc địa, và đến thế kỷ thứ XX này, hai cuộc đại chiến làm chết mất gần 60 triệu người, càng ngày chúng ta càng thấy cái cảnh :

*Cá vược, chim rừng, ai khiến
đỡ đời,
Núi xương, sông huyết, thảm
đầy vơi.*

Nhân loại nôm nớp lo sợ một cuộc chiến tranh thứ ba, theo lời nhà tiên tri nước Đức là Ubrich de Wayence đồng thời với Nguyễn Bình Khiên, cuộc chiến tranh này sẽ xảy ra vào năm 193-.

Sống trong thời Tân chiến Quốc, đọc lại chuyện Chiến Quốc nước Trung Hoa, bình luận các nhân vật, lý thú tinh thần đem lại nhiều cảm hứng.

Tuy nhiên, có điều chúng ta nên chú trọng là bình luận và phê phán, chúng ta nên căn cứ vào *sử thực* chứ không nên tin vào những sự việc chỉ có trong trí tưởng tượng của người đời sau.

Đông châu Liệt Quốc là

một bộ lịch sử ký sự được phê bình rộng rãi trong xã hội Việt Nam. Các chính khách, các văn nhân nước Việt thường liay vận dẫn điển tích trong bộ sách này để chứng minh cho lập luận, lý thuyết của mình, y như những chính khách, văn nhân Tây Phương đề cập đến những sự việc, những nhân vật thời cổ Hy Lạp, La Mã.

Lịch sử ký sự khác với lịch sử tiểu thuyết. Ký sự thì chỉ ghi chép những sự việc có thật, không có quyền bịa đặt ra, đâu là bịa đặt một vài chi tiết nhỏ. Còn lịch sử tiểu thuyết thì người cầm bút chỉ cần mượn khung cảnh lịch sử mà thôi, ngoài ra họ có quyền bịa đặt đủ thứ sự việc. Tuy bộ *Đông Châu Liệt Quốc* không phải là tiểu thuyết nhưng vì thiếu sự phê phán tài liệu (Critique des documents) nên vô tình, các tác giả đã ghi chép rất nhiều sự việc sai lầm.

Chúng ta nên căn cứ vào *chính sử, sử thực*, mà nghị luận.

Năm 771 trước T.L. vợ Khuyển Nhung vào cướp phá

Cảo kinh. Vua U Vương nhà Chu bị giặc giết. Năm sau, năm 770 T.L. con vua lên ngôi là Bình Vương dời đô về Lạc Ấp, tức là Lạc Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam) để tránh oai võ Khuyển Nhung hay dùng chó trong việc săn bắn và chiến trận, khác với Sơn Nhung, Tây Nhung v.v.. Nhung là dân tộc hay bô lạc của một dân tộc biết dùng giáo mác và áo giáp. Nhà Chu (châu) dời đô về phương Đông thì đất Kỳ, đất Phong là đất khởi nghiệp ở Thiểm Tây phải sa vào tay giặc. Vì không muốn nó sa vào tay giặc nên vua Bình Vương đem cho nước Tần. Nước Tần tu chỉnh binh lực, chỉ trong 3 năm đánh cho vợ Khuyển Nhung tan tác tơi bời. Từ đó, nước Tần càng ngày càng mạnh thêm lên.

Nhà Chu dời về phương Đông không còn đủ uy lực chế ngự chư hầu. Nước lớn đánh chiếm nước nhỏ, nước lớn nào cũng muốn mở rộng cương thổ, hy vọng nắm quyền thiên tử, thay thế nhà Chu.

Sử hiệu đời Xuân Thu rất đầy đủ, chỉ có sử hiệu đời

Chiến Quốc mới có nhiều chỗ lu mờ đến nỗi sử gia đời Tây Hán là Tư Mã Thiên chỉ xa cách đời Tần chưa đầy trăm năm mà đã than thở về cái nạn không biết tra cứu vào đâu cho xác thực được. Đời Xuân Thu trước đời Chiến Quốc, tại sao lại có sự việc nghịch lý là sử hiệu thời xưa hơn lại tưởng tận hơn ?

Nguyên do như thế này. Năm 221 trước T.L. Tần Vương là doanh chính hoàn thành việc gồm thâu 6 nước (Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, Tề, Sở) (thống nhất cõi Hoa Hạ thời chiến Quốc cáo chung. Doanh chính tự cho rằng công nghiệp của mình vượt hẳn Tam Hoàng và Ngũ Đế thời xưa nên tóm thâu cả hai chữ hoàng và đế mà xưng là Tần Thủy Hoàng Đế. Thủy là số một, hất số một là số hai, rồi số ba, số bốn, cứ thế mà tiếp tục cho đến muôn đời, khởi phải đặt tên Thủy, mở đường nghị luận cho các triều thần phê bình công nghiệp nhà vua!

Trong thời Chiến Quốc nhất là từ năm 361 trước T.L. cho đến năm 221 trước T.L. trong

khoảng 140 năm ấy, nước Tần tranh hùng với 6 nước lớn Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, Tề, Sở, sử sách 6 nước này chép về nước Tần có nhiều chỗ không đẹp ý Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng liền ra lệnh đốt hết đi cho tiện việc! Tiện việc cho Tần Thủy Hoàng khi muốn che dấu những việc xấu xa của tổ tiên nước mình nhưng lại rất bất tiện cho các sử giả đời sau.

Khi viết bộ sử ký, chính Tư Mã Thiên đã đi khắp nước Tàu, khảo sát tài liệu tận chỗ, thu góp nhiều tài liệu sống mà vẫn cứ thấy còn thiếu sót, chưa được chính xác. Thế thì làm sao các nhà bình luận chuyện xưa thế kỷ thứ hai mươi này lại nói chuyện đời Chiến Quốc với đầy đủ chi tiết được?

Chính bộ Đông Châu Liệt Quốc có nhiều sai lầm mà mãi đến giờ giữa thế kỷ thứ III sau Tây Lịch, người ta mới khám phá thì sử gia Tư Mã Thiên đã qua đời trên 4 trăm năm đời Tần Vũ Đế, niên hiệu Thái Khang. Tìm được mà vua Tương Vương nước Ngụy ở huyện cấp. Trung mà có những bộ

sách bằng tre. Phải dùng đến 75 xe mới chở hết được. Những sử hiệu vô cùng quý giá ấy bị tản lạc vì năm 311, rợ Hung Nô vào cướp Lạc Dương, vua Hoài Đế nhà Tần bị bắt, năm 316, rợ Hung Nô lại hãm thành Trường An, vua Mẫn Đế nhà Tần ra hàng. Miền Hoa Bắc bị tàn phá dữ dội, sử sách thiếu tàn trong đám lửa hồng. Nhưng cũng nhờ một số ít sử liệu khai quật từ trong mồ vua Ngụy Tương Vương mà người ta có thể đính chính nhiều sự việc sai



lầm của bộ Đông Châu Liệt Quốc.

Điều sai lầm to lớn nhất là *tung ước của Tô Tần*.

Cứ theo sách cũ thì tung là chiều dọc, hình thế 6 nước Yên, Tề, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy dài nên gọi là *tung*. Hợp tung là hợp cả 6 nước quay về

phương Tây, chống lại nước Tần. Trái nghịch với thuyết hợp tung là thuyết liên hoành của Trương Nghi. Hình thế nước Tần nằm ngang nên gọi là hoành. Liên hoành là khuyên 6 nước nên cắt đất dâng cho nước Tần để giữ hòa hiếu.

Đông Châu Liệt Quốc và sử cũ đều ghi rằng Tô Tần lập tung ước trên sông Hằng Thủy, đứng trên 6 vua, tự mình làm tung ước trưởng. Tung ước lập thành, quân Tần khiếp oai, 15 năm không dám đem binh ra khỏi cửa Hàm Cốc, xâm lấn một nước nào cả! Tô Tần mang tướng ấn 6 nước, vinh hiển nhứt trên đời.

Sự thực thì không bao giờ có tung ước cả. Tô Tần là người Lạc Dương, thường đi lại ở hai nước Yên, Tề, bày mưu lập kế cho cả hai vua, làm cái công việc của một gián điệp nước đôi (agent double) như tiếng chính trị thời nay thường gọi. Đương thời Tô Tần, nước Tần đầu đã đủ mạnh để mưu việc thôn tính thiên hạ mà Tô Tần phải nhọc công đi liên kết 6 nước làm chi?

Xét lịch sử nước Tần thì năm 361 trước T.L. Vệ Ưởng thuyết phục vua Hiếu Công, sửa đổi chính trị, áp dụng các phương lược *quản quốc chủ nghĩa*, mưu việc phú quốc cường binh. Quân quốc chủ nghĩa chú trọng vào việc khai khẩn đất hoang, dự trữ lương thực cho nhiều, huấn luyện binh sĩ cho đông chờ cơ hội thuận tiện mở rộng biên cương, tranh quyền bá chủ. Bá nghiệp của nước Tần chưa thành thì nước Sở đã hưng thịnh. Năm 334 trước T.L. nước Sở đã diệt được nước Việt, mở rộng bờ cõi về phía đông Nam. Dân nước Việt phân tán từ Phúc Kiến qua khỏi Tây Giang do đó phát sinh ra danh từ Bách Việt.

18 năm sau khi nước Sở diệt nước Việt của con cháu vua Việt Câu Tiễn, nước Tần mới lập được một chiến công tương tự như nước Sở. Năm 316 trước T.L. nước Tần diệt được nước Thục (đất Tứ Xuyên ngày nay), con cháu vua Thục chạy sa g nước Sở, nương náu ở đất Đền Trì. Trong việc nước Tần diệt nước Thục, Tư Mã Thố có

công lớn còn Trương-Nghị không có công gì cả. Trương-Nghị khuyên vua Tần nên đánh nhà Chu, Tư Mã Thố bác thuyết Đông tiến của Trương-Nghị vì đánh nhà Chu không có lợi. Đánh nước Thục, mở đất ở phương Tây, việc này mới đem lại ích lợi thực tế cho nước Tần. Nước Sở dám dung nạp kẻ thù của nước Tần là tự liệu mình có đủ sức chống với nước Tần vậy. Con cháu vua Thục chạy sang nước Sở há lại không có ý muốn mượn binh Sở mà mưu đồ khôi phục hay sao? Tô Tần và Trương-Nghị là bạn đồng song với nhau. Tô Tần đã không xướng được thuyết hợp tung thì Trương-Nghị cũng khỏi mất công tính kế liên hoành đề đối chọi.

Tần diệt được nước Thục, thế lực bắt đầu mạnh nhưng chưa lần hẳn được nước Tề. Lúc bấy giờ Thất Hùng (6 nước và nước Tần) đều xưng hiệu vương. Tần muốn xưng Đế cho oai nhưng e ngại công luận quốc tế phản xưng cho có bạn. Đó là đề nghị *Đông, Tây nhị Đế*. Lúc đó, Điền Văn làm tướng quốc nước Tề, được phong làm Mạnh

Thường Quân. Đối với đề nghị xưng đế của nước Tần, Mạnh Thường Quân khuyên vua Tề cứ nhận đi, nhận nhưng mà không xưng, cứ để nước Tần xưng trước, xem phản ứng của các nước ra sau rồi sau sẽ liệu. Nước Tần xưng Đế được vài tháng thấy nước Tề không hưởng ứng thiết thực với mình nên sợ mà bỏ hiệu Đế.

Đề nghị này xảy ra vào năm trước 293 trước T.L. Nếu nước Tần quả là vô địch, mạnh đến nỗi 6 nước kia phải liên minh quân sự trong hiệp ước Hăng Thủy thì việc gì còn phải đi rủ nước Tề cùng xưng đế với mình?

Đương thời Tô Tần còn sống, nước Tần cũng chưa mạnh hơn nước Triệu bao nhiêu. Năm 316 tr. T.L. Tần diệt Thục thì năm 307, vua nước Triệu là Triệu Vũ Linh-Vương thay đổi quân chế nước Triệu, bỏ chiến xa, thành lập các đoàn kỵ mã thiện chiến như kiểu rợ Hồ. Các danh tướng nước Triệu như Triệu Xa, Liêm Pha, Lý Mục thường đánh thắng

quân Tần để cứu nước Hàn hay để tự vệ.

Đó là thời kỳ Tần — Triệu tranh hùng. Việc tranh hùng kết thúc bằng sự thảm bại của nước Triệu vào năm 160 trước T.L. Lúc này, uy thế nước Tần mới thực mạnh, nhưng Tô Tần chết đã mục xương rồi, còn ai đâu mà đề xướng thuyết hợp tung? Nước Triệu thua trận Trường Bình vào năm 260 là vì vua Triệu dùng lầm Triệu Quát làm tướng. Trong trận này, Triệu Quát dẫn quân vào tử địa, bị quân Tần vây khốn, tuyệt lương mà phải đầu hàng. Tướng Tần là Bạch Khởi sợ 40 vạn quân Triệu làm phản thì không sao chế ngự được nên sau khi đã cho quân Triệu đầu hàng, liền bày yến tiệc cho quân Tần, quân Triệu đều ăn uống no say rồi nửa đêm ra ám hiệu cho quân Tần giết sạch hàng binh. *Trận Trường Bình là trận lớn nhất và khốc liệt nhất trong lịch sử Chiến Quốc.* Các nước Tề, Sở nghe tin đều rúng động.

Như có minh ước phòng ngự quân Tần (hợp tung) thì phải lập vào lúc này, chứ không

phải lập từ sáu mươi năm về trước. Tuy thắng trận Trường Bình (năm 260 trước T.L. là năm 55 đời Chu Noon Vương) nhưng nước Tần không dám tiến binh vây kinh đô nước Triệu để diệt nước Triệu vì vua Tần lúc bấy giờ là Tần Chiêu Tương Vương sợ các nước hợp binh lại chống cự với mình.

3 năm sau, năm 257 trước TL nước Tần lại đánh nước Triệu, Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỵ, em vua nước Ngụy chỉ đem có 8 vạn quân Ngụy mà đánh quân Tần toại bời, giải vây cho thành Hàm Đan. Ấy, lấy một nước Triệu đại bại 3 năm về trước, chưa phục hồi sinh lực, mà chỉ liên minh với nước Ngụy đã đủ đánh lui quân Tần thì đương thời nước Triệu cường thịnh nếu có việc hợp tung, chắc là nước Tần cũng phải chạy qua các nước Tây Nhung mà lánh nạn.

Năm 257 tr. T.L. nước Tần thua liên quân Triệu — Ngụy, nhưng năm sau thì diệt được nhà Chu.

Năm 246 tr. T.L. Tần Doanh Chính lên ngôi (sau này xưng là Tần Thủy Hoàng Đế). Doanh

THẾ CHIẾN QUỐC

Chính diệt nước Hàn vào năm 230, 2 năm sau mới diệt được nước Triệu, 3 năm sau nữa, diệt được nước Ngụy.

Năm 224, vua Tần góp binh lực toàn quốc được 60 vạn, giao cho Vương Tiễn đem đi đánh nước Sở. Lấy nước Tần đã diệt xong 3 nước Hàn, Triệu, Ngụy mà khi đánh nước Sở, phải xuất toàn lực mới mong chiến thắng thì vào khoảng năm 316—289 chẳng hạn, nước Tần đã đủ sức mạnh làm cho thiên hạ khiếp phục đâu!

Năm 289 trước T.L là năm Mạnh Tử qua đời (4 năm sau đề nghị Đông, Tây nhĩ Đế) Mạnh Tử cũng đi du thuyết các nước nếu quả có đề nghị hợp tung mà kẻ xướng xuất là Tô Tần, sao vua Ngụy, vua Tần không vua nào đem việc này hỏi Mạnh Tử cả?

Chuyện Tô Tần hợp tung, mang tướng ấn 6 nước, chỉ là chuyện bịa đặt của người đời sau. Xét quân hình, binh thế của Thất Hùng thời Tô Tần, Trương Nghi (cuối thế kỷ IV, đầu thế kỷ III trước Tây Linh) thì việc hợp tung không thể nào có được.

Làm luận thuyết, nhất là luận thuyết quân chính, mà thiếu cơ sở *sử thực* thì đâu có hùng biện như sông Hoàng Hà treo ngược đi nữa, e cũng chỉ đủ làm vui tai đẹp ý người nghe trong chốc lát chứ chắc là không làm cho phương lược có giá trị thiết dụng bao nhiêu.

LAM-GIANG



Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐPDC

PHIÊM LUẬN

CHÀNG

NÀNG



và... con vật mang số 35
qua CA-DAO

★ THANH-VIỆT-THANH

CA - D A O trào phúng Việt-Nam là một kho tàng văn học bình dân vô giá khai thác khôn cùng. Tự nó, có đầy đủ tính chất trào lộng rất sâu sắc, không kém gì văn chương bác học, không kém gì những mẫu chuyện hài hước của Trạng Quỳnh, của Ba-Giai, Tú-xuất, không kém gì những bài thơ rêu đời, hồn thể của Hồ-xuân-Hương, của Nguyễn-Khuyến, của Trần-tế-Xương, của Học-Lạc...

Chỉ nhìn qua một khía cạnh nhỏ, rất nhỏ, trong phạm vi « đũa dzai » giữa « *Chàng, nàng và con vật mang số 35* » thôi, cũng đủ làm bạn phải phì cười, phì cười vì cái nét châm biếm rất ư là duyên dáng của nó.

Như ta biết, người con gái, dù ở « nhà quê » hay ở « thị thành » trước khi lên « xe hoa » về nhà chồng, ít nhất cũng đã hơn một lần... « bị » chàng trai nào đó... « chọc ghẹo », hay nói một cách khác « nôm na » hơn,

lả thả mồi... 35, con dê xôm ra
để « dụ khỉ » nàng !

Đĩ nhiên, nếu chàng vừa mới
thả « máu dê » mà nàng đã sốt
sắng bắt lấy và « dâng hiến »
trộn trái tim nàng cho chàng,
thì câu chuyện hẳn sẽ không có
gì lý thú, đáng nói cả. Ngược lại
tất nàng sẽ mắng :

*Anh kia đẹp mặt đẹp mày
Tánh hay dê hoai nên xấu
tánh danh !*

Và trong trường hợp gặp phải
một anh chàng « cù lùn » ăn nói
vô duyên, khờ khạo, tất nàng
cũng sẽ không tiếc lời mà ví
von này nọ :



Máu bò khắc vôi tiết dê

*Thà làm thứ thiếp hơn... bê
chồng khờ !*

Nhưng nếu chàng là một
người ăn nói hoạt bát, cao tay
ấn hơn, hẳn chàng sẽ tìm cách
« bám sát » theo nàng, nói gần
nói xa, phân trần hơn thiệt :

*Thà rằng nuôi chó huyền đẽ
Nuôi gà ăn móng, nuôi dê
chứa đàn*

Còn hơn đi tắt về ngang

*Đi ngược về dọc xóm làng
cười chê !..*

Nàng nghe được chàng hạ giá
mình, « bêu xấu » mình như vậy,
bèn nổi cơn lên hậm hực,
nguyên rủa :

*Chim quỳn ăn trái xao-chê
Ông thần không vật mảy
thằng... dê cho rồi !..*

Nhưng dù nàng có « chạy mồi »
có « chưởi bới » nặng nề bao
nhiều đi nữa, khi chàng đã
quyết... dê cho được nàng, thì

chàng vẫn cứ vờ phớt tỉnh theo
kiểu « ăng lê » để tìm cách
khen đôi nàng :

Phải em như vợ vua Tề

*Mắt Chung-vô-Diệm anh...
dê làm gì ?*

Thấy « xài xê » thế nào, chàng
vẫn không chịu « buông tha »
cho nên nàng giả vờ... « thuận »
để đặt với chàng một lô điều
kiện thật khó khăn đầy « thách
đố không tưởng này :

Thương em thì hãy cưới em

*Đáy là điều kiện xe duyên
làm chông*

Cưới em chín chĩnh mặt ong

*Mười mâm xôi trắng, mười
nông xôi vô*

Cưới em tám vạn trâu bò

*Bảy vạn dê lớn, chín vô
rượu tăm*

Lá da mặt nguyệt đêm rằm

*Răng nanh thẳng cuội, râu
cảm thiên lôi*

Gan ruồi, mỡ muối cho tươi

*Xin chàng chín chục con dơi
góa chồng*

Thách thêm mới thỏa lòng mong

*Chàng mà lo được, thiếp
cùng theo chân !..*

Chàng lắc đầu « ngán ngẫm »
Nhưng trót lỡ « leo lưng cọp »
trót lỡ « quăng dao đuôi mồi »
thì phải cố bám sát theo « cò-
ke bót một thêm hai » :

— Em không... thương anh
sao mà đặt điều kiện... ác ôn
quá vậy ? Chỉ còn vài lễ mọn
như « Răng nanh thẳng cuội, râu
cảm thiên lôi » hoặc « gan ruồi,
dơi góa » thôi, anh cũng không
tài nào kiếm được, huống chi
đến những « một lô » sinh lễ
dài lê thê, lượm thượm như
thế ? Thực tế hơn, « với bảy vạn
dê lớn » có là « mèo » mới mua
được, chứ anh mà « sực mảy »..
Và em hãy nghĩ lại xem ở cái
đất « giao chỉ » bé nhỏ nhưng
lại lắm chuyện, lắm trò « múa
may quay cuông » của chúng
mình đây, làm gì có lời được
« một phần ba mươi lăm » số dê
mà em đòi ? Em quá tình em
có thương anh, thì xin em « hạ
giá » lại cho anh nhờ ! Anh
xin đề nghị : « Chỉ nói phần dê
và chỉ đúng một trăm con dê.

thời, em nhé ». Nếu em ưng vậy thì anh :

Sẽ về thưa mẹ cùng thầy
Sắm sắm lễ vật dè bày
trăm con !..

Nàng coi bộ chàng đã « xuống nước nhỏ » đã... chịu thua rồi bèn « gút-bay » chàng giọng đầy mỉa mai, trêu chọc :

Au ơ... A ở .:

Bảy lâu nghe thiên hạ đồn ơ..

Đồn rằng dè đực khỏe thay

Bát ách lên cây nó lại
phá ngang !..

Chàng nghe hát, tức giận cầm gan, nhưng không biết phải làm sao, đành đứng trơ như... phỏng đá, nuốt nước bọt mà nhìn bóng nàng dần dần dần xa...

oOo

Thời gian trôi qua...

Tuổi xuân chồng chất...

Chẳng may trời « trả báo » người con gái « kiêu căng » kia lại trở nên... ế chồng, vì không ai thêm ai « hỏi » nàng cả !

Và, tự bây giờ nàng mới bắt đầu... bị ném mùi « đay nghiến

trả đũa » của chàng khi chàng hấy nàng « nhón nhao »... muốn chồng « dòm ngó » trai tơ :

Dè đực thì tốt trong chuồng
Lạ thay dè... cái chạy tuồng
vô hoái

Rồi sẵn đà, chàng lại bắt chước cái « giọng hát nghẹn ngào » của nàng ngày xưa. Hát rằng :

Au ơ... A ở...:

Trời mưa ướt ngập bờ đê

Lỡ thời những muốn mua...
dè cưới chồng

Nhưng cưới chồng mà chồng
không cưới

Gâm duyên phần tức tối
ông tơ

Tức ông tơ thờ ơ xe mới

Biết chồng đâu cũng tới
mà mua

Đem về bậu bạn sớm trưa...

Và rồi trong một lần khác khi thấy nàng đứng nép mình bên hàng giậu, thêm thường trông đăm cưới người ta đi ngang nhà chàng lại cất cứ trêu :

Đêm nằm vượt bưng mơ...
chồng

Chồng, người ta cưới hết,
chồng mộng kêu gào

Gào rằng đất rộng trời cao

Sao không bỏ thí cho tôi
chút chồng ?...

Thế nhưng rồi « trời sinh voi, trời sinh cỏ » đến một ngày kia nàng cũng đã kiếm được cho mình một tấm chồng, dù chỉ là... « chồng lẽ ». Nàng nói để tự an ủi mình :

Không duyên lớn, thôi đành
duyên bé

Cũng đỡ rồi phận lẽ loi xưa !

Nhưng « oái oăm » thay và cũng thù vật thay, khi nghe được tin nàng « làm bé » người ta, đã chẳng thương hại thì thôi, chàng lại còn « nhân tâm » « rà rà », đến tìm cách chế nhạo thêm một lần nữa cho « đã nư giận » :

Có kén chồng lấy ông có vợ

Vợ lớn vào, vợ nhỏ lộn ra

Ai đời mặt đẹp như hoa

Mà đi « ăn vụng » chồng
người ta thế này !

Sáng sáng chị gọi : Ở Hai

Bảy giờ trở dậy thái khoai
đám bèo

.....

Tối tối chị giữ mất buồng

Cho em ôm chiếu nằm suồng
chuồng bỏ

Mong chồng, chồng chẳng
xuống cho

Đến con chồng xuống, gà o
gáy đồn

— Cha mẹ con gà kia sao
mày vợ gáy đồn

Mày làm cho tao thất bát
kính hồn về nỗi chồng con!...

.....

A ha, phận lẽ chịu lòn

Muốn ăn trứng nhận phải
lòn hang mai...

Giá xưa chịu lấy anh đây

Thì đâu có cảnh chồng mày
chồng tao !..

Câu chuyện phim trào lộng giữa : « Chàng, nàng và con vật mang số 35 » còn dài, nhưng nay làm bản báo nhiều đó cũng đã tạm đủ. Có dịp, xin sẽ nói nhiều hơn.

THANH-VIỆT-THANH
(KBC : 4091)



Quê hương tôi

— Gửi đến những người bạn trẻ hải ngoại

★ LIÊN-PHƯƠNG

Đất nước tôi,
Sinh nhằm ngôi sao xấu
Nằm giữa khung trời đen tối âm u,
Thân bơ vơ,
Lạnh lẽo tựa màu mù.
Chịu tang tóc qua 100 năm chinh chiến,
Ai gây nên cảnh,
Đất nước tôi nhuộm đầy máu lửa?
Ai làm cho thù hận ngập ngàn sôi.
Cho dân quê tôi,
Chua xót tràn môi.
Cho hồn tử nghẹn ngào dâng lên cổ?
Rồi cũng chính nơi đây,
Suốt 20 năm dài đạn bom găm thét
Bốn góc trời đổ rục ánh hỏa châu
Cho đất mẹ tôi chân chửa u sầu
Cho tâm tối trần về vùng đá sỏi
Nhưng không,
Đất mẹ tôi quyết không gục đầu mòn mỏi..
Khi có những thằng con
Lơ mang một dòng máu kiêu hùng
Óc đã thấm

Ý chí đấu tranh, của vạn anh hùng muốn thuở trước
Nên chúng không thể nhìn đất nước
Nhìn quê hương bị tan nát điêu linh
Nên lũ con yêu đồng loạt vùng lên
Rồi súng bom đạn găm,
Từng đưa con ngã gục
Từng thấy người ngạo nghệ bắn tung lên
Cho máu này tràn ra
Thấm sâu vào lòng đất mẹ
Đem chất ngọt ngào nuôi dưỡng đất quê hương
Cho lá hoa tươi tốt
Cho quê hương này trở lại màu xanh
Nhưng Thượng-đế hỏi!
Sao màu xanh chẳng đến,
Con chỉ thấy cao dần từng ngọn núi xương khô
Đất hoang vu ngang ngựa những năm mờ
Dòng sông Cửu giờ hôi tanh mùi máu
Con khẩn cầu Người
Nếu quê hương con ngày xưa gây nhiều tội lỗi
Thì cúi xin Người thôi, hãy xót thương
Vì hàng chục năm nay
Trong đau khổ đoạn trường
Dân con đã nhận quá nhiều nước mắt!

LIÊN PHƯƠNG MH.
Saigon, những ngày khói lửa

Đầu chằng phải là

VONG QUỐC THỒ

* ĐÔNG-TÙNG

Trên giốc Bến-Ngự, cạnh chùa Từ-Đàm ; một khoảnh đất rộng độ 4 sào Việt-Nam, trước đây trên 20 năm, người ta thấy trong đó một túp lều tranh tiêu tụy, nếu nói theo kiểu viết chuyện cổ Tàu, thì cũng có thể gọi được là « thảo-lư ».

Vì không có gông cùm xiềng xích, lính gác, cai tù, nên người ta không thể gọi là một trại giam, nhưng quang cảnh vắng vẻ, điu-hiu, ít thấy bóng người. Ai đi qua cũng chẳng dám dừng chân trông vào.

Thì người ta không sợ sao được? Xung quanh túp lều bí mật ấy, bao giờ chẳng có mắt tà, thám tử của Cụ Sô(1) rải ra như rươi.

Bạn là công chức ư, hôm nay bạn vào nhà này, ngày mai bị «phút-la-căng ra khỏi sở.



Bạn là học sinh ư, buổi sáng bạn vào nhà này, buổi chiều người ta đuổi bạn ra khỏi trường.

Bạn là thường dân ư, nếu bạn cả gan vào nhà này, thì tên tồi bạn được ghi vào bảng đen của nhà đương-cuộc Đại Pháp, và thường khi bạn hân hạnh được Cụ Tổng Giám đốc Liêm Phóng

VONG QUỐC THỒ

Trung Kỳ mời tới sờ sạt hạch, và thường được châu tằm quất của những bàn tay lạnh nghề nhất của Cụ.

Có kẻ lấy nơi đây làm nấc thang danh vọng: cũng có người dùng nơi đây làm phương tiện báo oán trả thù.

Thì có gì đâu, chỉ một cái «ráp pò» rằng bạn đã vào nhà này, thì thăm, nhỏ to với chủ nhân ông điều gì đó có vẻ là quan trọng, nhưng tiếc rằng nghe không rõ, thế là đủ làm bạn oan-gia rồi.

Cụ Sô, Tổng thanh tra Liêm-phóng Trung-kỳ (2) sau phi phê vào hồ-sơ ông chủ túp lều: «Theo dõi sát nút vấn đề chính trị» (À surveiller de près pour les questions politiques) rồi ông đã triển dụng hết biệt tài dùng người trong việc dò la theo dõi. nên những cheo lưới nan đào của Cụ dụng để bao vây túp lều này là những cheo lưới sắt.

Chủ nhân túp lều chỉ có thể đón tiếp những khách đã được hân hạnh Đại-pháp cho đi du lịch tận Côn-lôn, Lao-Bảo, Guy-An về, như loại Huỳnh thúc

Kháng, Mai Lão Bạng, Hoàng đình Hạnh, Nguyễn hữu Tuệ, những người mà ai cũng biết không bao giờ trung thành với «mẫu quốc» Pháp lang-Sa, và họ cũng tự bảo: chỉ đến ở tù là hết... không làm được gì hơn. Lại cũng có thể có bọn người khác nếu không phải là vàng lệnh Cụ Sô tới đây để dò xét chủ nhà thì là những đứa con cưng của «Mẫu Quốc» mười phần Tày đã tin chắc cả mười» như loại: Nguyễn Thượng Huyền, Trần đức Quý (3) Nguyễn bá Trác, Nguyễn phong Di, Hà văn Ngoan v.v... ngoài bọn người phản bội ấy ra thì ai dám bén mảng nhất là các quan lớn... đã chịu ơn vua, ơn nhà nước bảo hộ.

Có phải là người ta đã quá dè dặt chăng? Không phải. Năm 1940, sau ngày cụ Phan-bội-Châu tạ thế được 7 hôm, Cụ Phan thúc Ngô, chánh quán ở Thanh Chương, làm án sát Quảng Bình bị thả hỏi vì tội bưng bình với quan trên Mẫu quốc, là một học trò của Cụ Phan, khi hay tin thấy

(1) Sogny, Chánh-mật thám Trung kỳ, ở Huế, thời Pháp.

học chết mà không dám đến Huế để đưa đám vì được tin riêng rằng: đám ma của Cụ Phan có rất nhiều Mả tà tham dự, có đích thân cụ Sở nữa.

Đề tỏ lòng mến tiếc ông thầy học, đồng thời là một nhà chí sĩ ái quốc, 7 hôm sau với một lễ mọn sinh sớ gồm một bao nển, một bao hương, một ve rượu, cùng một câu đối viết trên một tờ giấy trắng, cụ Phan-thúc-Ngô phải chun ngõ sau mà vào, khi gặp ông Phan-nghi-Đệ, thứ nam cụ Sào-Nam, Thúc-Ngô vừa khóc bập bệu vừa nói: xem chừng họ trước cửa! có tên mật thám nào lảng vảng ngoài cửa không? Câu đối ấy tới tấp, chúng tôi vẫn còn nhớ:

« Tiên sinh tương hà chi? Sơn hồ vị tất đồi, mộc hồ vị tất nuy, tang hải ba đảo tam biến hậu ».

« Tiểu tử tội đại hỹ, bệnh bất năng cập sàng, tang bất năng cập phát sư sinh tâm sự của thiên trung! ».

Chúng tôi tạm dịch nghĩa:

Tiên sinh vội đi đâu? Núi sao vội lở, cây sao vội tàn, mưa gió bề đầu chi với dục;

Tiểu tử tội lớn lắm! Thầy đau không thăm, Thầy mất không táng, sư sinh tình nghĩa có trời soi.

Ôi! Tình nghĩa thầy trò, của con dân nước Việt, đã bị ngăn cách bởi mạng lưới Mật thám Thực dân, rồi các cụ chỉ biết cảnh rặng, gửi lên cho ông trời soi thấu họ!

Hôm nay ông chủ tập lều, cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu vừa viết xong cuốn « Tư-Phán ». Đây là một tập hồi ký có tính chất kỷ sự và tự phán xét lấy mình Trước hết cụ ghi chép theo niên biểu về thân thế, sự nghiệp của cụ. Cụ ghi chép tỷ mỉ từ

(2) Liêm phóng: danh từ chính thực, dưới thời Pháp thuộc, nay gọi là Công an, Mật thám.

(3) Nguyễn thượng Huyền, đậu cử nhân, rất giỏi Anh văn, làm cộng tác viên cho Pháp, một đôi với Trần đức Quý, cả hai người đã giúp Pháp bắt cụ Phan (xin xem lại Tư Phán bản chữ Hán của cụ). Huyền là cháu của cụ Nguyễn thượng Hiền, bạn đồng chí của cụ Phan.

nhỏ cho tới lớn, khi học khi thi, khi đậu; và cụ phát sinh tư tưởng cách mạng bởi động cơ nào? Vào Nam ra Bắc như thế nào? Qua Tàu, qua Nhật ra sao? 20 năm hoạt động Cách-Mạng ở hải ngoại ra làm sao? Mãi cho tới khi cụ bị Pháp bắt như thế nào? Cụ kể tỷ mỉ đầu đuôi vụ hai tên mật thám tay sai của Pháp là Nguyễn Thượng Huyền và Trần đức Quý đã bố trí bắt cụ như thế nào? Cụ không quên than phiền rằng: Cụ thiệt không ngờ Nguyễn thượng Huyền là cháu nhà Đại Cách mạng Nguyễn thượng Hiền, lại có thể bắt cụ cho Pháp được? (Xin coi lại cuốn « Tư Phán » bằng Hán văn của cụ, để khỏi lầm lẫn).

Cụ mãn mê từ tờ một, như trên tấm màn ảnh từ từ diễn ra trong ký ức cụ như một cuộn phim dài.

Này đây: những bước chân rầm rập oai hùng của những đội sĩ tử Cần Vương, năm 1886.

— Nối chi Phan đình Phùng, võ trang khôi phục thành Vinh (1901).

Những bước đường gian lao

đi tìm gặp Hoàng-hoa-Thám (Đề Thám) ở đồn Yên Thế.

Này, vào tận miền Nam gặp những nhà cụ cách mạng Cần vương, tới Châu Đốc gặp Trần nhất Sơn; tới Sa Đéc gặp Nguyễn thân Hiến, rồi lại ra Trung, tìm gặp Kỳ ngoại hầu Cường đê, và các nhà ái quốc chí sĩ tại vùng Bình, Trị, Thiên Nam, Ngãi, Bình, Phú, vào những năm 1903.

Này, gầy dựng phong trào Đổng du năm 1904.

Này, gặp Lương Khải Siêu, Khuyến dưỡng Nghị, năm 1905.

Này, gặp Tôn trung Sơn, (Tôn Văn), Liêu trọng Khải, những nhà đại cách mạng Trung Hoa năm 1907.

Rồi đây này, Chính phủ Lâm thời Việt Nam ở hải ngoại năm 1908.

Rồi bị Phong kiến Phủ Tang phản bội trục xuất, do sự giao thiệp của Thực dân Pháp. Tới đây, cụ bồng cuốn « Tư Phán » xuống gầm giường, lầm bầm:

— Quân cướp nước chỉ có thể lợi dụng những đứa bán nước

làm tay sai, chứ không khi nào lại đủ lòng thương tới người ái quốc và vong quốc, trong việc bảo quốc và phục quốc, thiết là ta với những đồng chí ta đã sai lầm to khi muốn lợi dụng phong kiến Nhật bản để làm Cách-Mạng phục quốc, vì chính phong kiến Nhật cũng là một tên cướp nước kia mà ! Chứng cứ là họ đã cướp Triều Tiên làm thuộc địa. Nhưng thua keo này thì ta đã vật keo khác. Nói vậy, rồi cụ lại cầm lấy cuốn sách đọc tiếp :

Bạn thân ở Phi Chít (Thái Lan) năm 1911, với những nét cương nghị của mấy đồng chí Đặng Thúc Hứa, Võ Trọng Đài, Đặng Tử Kính, Lê Cao Nghĩa, bây giờ có ai còn nữa không ?

Rồi Việt Nam Quang phục hội năm 1912, tiếp đó là những cuộc võ trang khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục quân, vào những năm 1916, 1917.

Và tinh thần lâm liệt của những ông Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn thúc Đường, đã hiển mình cho tổ quốc từ năm nào cứ hiện về như đục giã làm tâm hồn Cụ thao thức.

Rồi lại Phạm Thành Tích

(Phạm Hồng Thái) ném bom giết hụt Toàn quyền Merlin ở Sa điện ngày 19.6.1924 :

Rồi lại này : Ngày 11.5, năm 1925, ngày anh hùng mất lộ.

Ôi ! 40 năm đấu tranh không ngừng cho giang sơn nòi giống ! từ ấy tới nay trên cái gốc Bến Ngự này :

« Gầm một tiếng gầm hờn trong cũi sắt.

« Ta nằm dài cho ngày tháng trôi qua!

Những nét mặt hào hùng cương nghị của những đồng chí Cách-Mạng củ đã về cõi bất tử như Ngự Hải, Tùng nham, Tiểu Trọng Mậu, lại lần lượt hiện ra, trong tâm trí cụ, như chế diểu, như oán trách :

« Ông Sào nam ơi ! Sao ông không chết quách đi ? Sống làm chi cho tủi nhục, thằng Tây không giết ông không phải nó thương, nó sợ gì ông đâu, nó để ông sống là một thủ đoạn rất xảo quyệt đấy ».

Cụ Phan đang phau vau nghĩ ngợi, ông Ký (4) chạy vào thưa :

— Thưa bác, có chị nào lạ vào đây.

Cụ Phan ngược mặt trông ra thì một thiếu phụ tới gần :

— Thưa bác, cháu là vợ Kim Phong ở Thanh chương, chắc bác biết Kim Phong chứ ? Cụ Phan rầu hần mặt vì xúc động :

— Ô, Kim Phong (5) bác biết lắm chứ. Cụ vừa nói vừa trông thiếu phụ như để truyền cảm và cũng như để tìm hiểu... Cụ trông chị Kim Phong một hồi lâu rồi hỏi tiếp :

— Kim Phong là cái hiệu, còn chính tên anh là Nguyễn Sĩ Sách, cũng như Đệ, con bác, người của đảng Việt nam Thanh niên đồng chí hội, anh qua huấn luyện ở Quảng đông, trở về nước hoạt động, bị Pháp bắt đây Lao Bảo một lần với Oánh và Đệ, rề và con của bác, rồi anh bị Tây bắn chết ở đó.

Cụ nói xong thì đôi mắt sâu thăm quắc lại, có lẽ vì cảm thù, đoạn cụ trông vào chị Kim Phong và hỏi tiếp :

— Con vào trong này để làm gì?

Chị Kim Phong nghẹn ngào trong nét mặt cương nghị :

— Thưa Bác ! Nước mắt, hồn phận anh Kim Phong cũng như

mọi người công dân khác, khi nhận ra hồn phận của mình là phải làm Cách mạng để cứu nước, cứu nước rồi chết vì nước, cái chết ấy không có gì là oán thán cả. Chớ nên khi con được tin anh ấy bị Tây bắn chết ở Lao Bảo rồi thì con đã để ra hai việc mà con phải làm, đó là :

1) Lấy vợ lẽ cho cụ Hàn, cha của anh, để lo việc tự tục, vì Cụ Hàn chỉ được một mình anh mới có một chút con gái, theo luân lý Á Đông như thế là Cụ Hàn chưa có cháu trai nội. Việc đó con đã làm rồi và anh Kim Phong cũng vừa có em trai.

2) Xin phép đi Lao Bảo mang hài cốt của anh về quê quàn, việc đi Lao Bảo, ở Nghệ an người ta bảo : ở Nghệ không có thẩm quyền, phải đi Huế mới xin được. Vậy lần này con phải vào Huế để xin giấy đi Lao Bảo nhân tiện ghé vào hỏi ý kiến bác. Vì việc đem hài cốt anh Kim Phong về, ở Nghệ có hai ý kiến khác nhau :

a) Chủ trương đem hài cốt về làng.

b) Chủ trương xây mộ rồi lập mộ chí ở đây.

VONG QUỐC THỔ

Con chưa dám có ý định giết
khoát, vậy xin hỏi ý kiến Bác.

Cụ Phan buồn sầm nét mặt
xuống, một chiếc Cụ lại ngưỡng
đầu lên trông vào chị Kim Phong
rồi nói với một giọng ái ngại :

— « Theo ý Bác, ở Lao Bảo hay
Thanh Chương, đâu chẳng phải
là vong quốc thổ ! Nhưng việc
muốn đem về, hay để đó, hoàn
toàn tùy thuộc ở Cụ Hàn, cha
anh và con, theo ý nguyện tình
cảm,

Nhớ lại chuyện cũ, nay kẻ
viết bài này nhắc lại câu : «Đầu
phải là Vong-quốc-thổ » của cụ

Phan bội-Châu, để làm bài học
ngẫm nghĩ cho Thế-hệ ngày
nay vậy.

(4) Ông Kỳ : tên thường gọi
của một người chính trị phạm ở
Côn Lôn về ở với cụ Phan ở Huế.

(5) Kim Phong, biệt hiệu của
Nguyễn sĩ Sách, khi được huấn
luyện ở Tàu. Nguyễn sĩ Sách
chưa có con trai, mới sinh được
một người con gái Khi Sách
chết rồi, ông Đặng-thái-Mai đem
đưa con gái ấy về nuôi.



★ Danh ngôn

Thuận theo cơ Trời, không bằng tùy theo địa lợi. Tùy
theo địa lợi không bằng thuận theo lòng dân.

(Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa)

MANH-TỬ

Dũng midol
 Vị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BVT/99DC

PHAN-KHÔI

từ lập trường Dân-Chủ

đến lập trường Nho-Giả

★ PHẠM-VĂN-SƠN

Tại khoảng giữa Trung Việt ba
tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi,
Bình-Định, đã nổi tiếng là có
nhiều tay cách mạng, và lãnh
tụ chánh trị rất đáng để ta
nghiêng mình bái phục. Dưới
thời Càn Vương chống Pháp, có
Mai-xuân-Thường, Nguyễn-Hiệu,
Trần-quy-Cáp, cũng khoa bảng
lớn lao chẳng thua ai, sức trí
gà không nổi mà dám đem ngọn
bút lông chống nhau với súng
đồng, tàu chiến của đoàn viễn
xâm thực dân Pháp. Đầu thế kỷ
20, tỉnh Quảng-Nam lại có cụ
Tây-Hồ Phan chu Trinh, một
con người có tư tưởng chánh
trị rất sáng suốt nghĩa là đã
phát cáo ngọn cờ dân chủ chống
đám vua quan hủ bại, bán nước
hại dân. Đáng tiếc cho tiên sinh
là chủ trương đúng những thời

không thuận nên cái mộng mang
lại cho đồng bào dân sinh, dân
quyền tan ra mây khói sau suốt
cả một đời, nay Côn-đảo mai
khám đường (Santé) từ Á
qua Âu.

Với những người chống Pháp
bằng súng, bằng đạn, Pháp sợ ít
bởi súng đạn của một dân tộc
lạc hậu về khoa học sao có thể
đối kháng được với cơ giới của
một nước tiên tiến lúc đó đang
tràn đầy nhựa sống nhưng trước
miệng lưỡi của ông già Quảng-
Nam là cụ Tây-Hồ, Pháp sợ nhiều
hơn. Lý do : tinh thần quốc gia
của người Việt-Nam là một ngọn
lửa vô cùng nguy hiểm nếu
được gió bốc lên. Cụ Tây-Hồ
chính là người có thể khơi cơn
lốc. Phải chi, ngày trở về có

hương (1) được kéo dài cho Cụ thêm thời gian vận động cách mạng thì nền tảng của bọn Tây thuộc-địa cũng khó tránh nổi sự ngửa nghiêng.

Nếu chúng ta nhớ những lời cụ Tây-Hồ viết trong thư gửi cho Chánh phủ Bảo hộ thời tên Beau làm Toàn quyền (1906) thì thư đó là cả một bản án đối với chế độ Tây thuộc vì cụ đã công kích Tây nuôi dưỡng bọn quan lại sâu mọt làm tay chân, Tây đã thi hành chế độ thuế má sưu dịch nặng nề để bóc lột người Việt đến xương tủy, Tây đã áp dụng thủ đoạn ngu dân và bài trừ những nhà ái quốc rất dã man, cuối cùng là Cụ đòi cho đồng bào mọi sự cần thiết về dân sinh dân quyền để được tiến bộ.

Năm 1922 vua Khải-Định qua Pháp dự cuộc đấu-xảo quốc-tế, ăn mặc, cử chỉ lỗ lã thành trò cười cho nhân dân Pháp trên phương-diện quốc thể, Cụ không nén được sự bức bối, ngoài ra tuy lúc này Cụ đã xa xứ-sở 12 năm Cụ vẫn dò tin tức về sự mục nát của triều-đình Huế nên gặp dịp Khải-Định qua Pháp, Cụ liền gửi cho ông vua bù nhìn này

một bức thư vừa đề đuôi về nước vừa trách cứ 7 điều :

- 1) Tôn bậy quân quyền,
- 2) Lam hành thường phạt,
- 3) Thích chuộng những sự quý lạ.
- 4) Ăn chơi xa xỉ quá độ.
- 5) Y-phục không phải lối (mặc áo thêu rồng có gù vai kim tuyến, đội nón trâm vàng v.v...)
- 6) Tử sắc bê tha.

7) Trong vụ đi Pháp có điều ám muội (bị nghi tới Ba-lê ký một Hiệp định gì bất lợi cho dân ta)

Một điều khác đáng chú ý là từ cách hành văn trong thư từ đến lời ăn tiếng nói ngoài dân chúng (trong các buổi diễn thuyết của Cụ) ta thấy giọng Cụ rất là bộc trực nghĩa là Cụ nói thẳng đến vấn đề, không nói dè dặt, xa xôi bóng gió gì hết và lời công kích của Cụ có tinh cách dao to búa lớn gần như chưởi bới xỉ vả, dầu những kẻ bị xỉ vả có thể lẹc đến đâu. Nói cho đúng Cụ đã coi thường cả chánh quyền

(1) Cụ Tây-Hồ hội-hương vào tháng 6 năm 125 và mào đầu 24-3-1962.

Pháp-Nam bấy giờ thì còn biết kiêng nể gì ai.

Qua đến ông Tú Phan - Khôi, người kế tiếp Cụ trên cái tinh thần dân chủ ấy, ta cũng thấy những cử chỉ thái độ, hành động tương tự. Đó là cái sắc thái riêng biệt của các văn thân, các nhà cách mạng tỉnh Quảng-Nam chẳng? Tôi lại nghĩ rằng : cái sắc thái này thật là đẹp có khi khiến cho kẻ bị mắng chưởi cũng lấy làm thích thú nếu biết phục thiện.

Ở Phan-Khôi tôi cũng mến hai điểm : 1) Dưới thời Thực dân ông không sợ đề lộ thái độ cách mạng trong lời ăn tiếng nói và cả trên các văn từ. Việc phải làm thì làm, nhà Nho không sợ tù, không sợ chết, không cần úp mở.

2) Là nhà Nho nhưng họ Phan là thứ Nho giả cấp tiến, thời còn trên bình diện chánh trị ông luôn luôn tranh đấu cho chủ nghĩa dân chủ, ông bài xích bọn phong kiến, ông công kích cả tông-tổ đạo Nho là Khổng-Tử đã tỏ ra có một tinh thần độc lập aren mọi lãnh vực.

Khoảng 1936 Chánh phủ Pháp

thấy dân ta khắp nơi chống chế độ quan trường, chế độ thuộc địa qua báo chí, qua nhiệm vụ biểu tình, mít tinh đòi thực hiện chế độ dân chủ khiến nguy quyền Pháp phải mở cuộc trưng cầu ý kiến của các Dân biểu. Một cuộc bỏ thăm đã được lập ra tại Viện dân biểu Trung-Kỳ, tuy không hoàn toàn chánh thức để biểu quyết cho Lập-hiến hay Thực trị. Lẽ tất nhiên bọn Tây thuộc địa vẫn muốn duy trì chế độ vua quan thì chế độ lập hiến vẫn dễ chịu cho chúng hơn nghĩa là chúng vẫn được tiếp tục sử dụng bọn tay chân tôi tớ cũ và cái màu mè dân chủ là nước sơn phủ ngoài chẳng tai hại gì. Còn như phải thi hành thể chế trực trị thì dân Việt xử lý quyền lợi của dân Việt, bọn chúng khó mà đứng vào một địa điểm nào. Rồi chúng có bày trò ma trong cuộc trưng cầu này hay không điều này ta đã hiểu.

Kết quả trong 49 dân biểu có 22 lá thăm ngả về trực trị đã thua 27 lá thăm ngả về lập hiến. Ông Phan không công kích cái trò ma của thực dân vì dĩ nhiên ông tìm đâu được bằng cứ, ông xoay ra chỉ trích đám nhà-Nho

trong cái Nghị viện Trung-Kỳ bất kể dừt giây động rừng và đánh chó phải ngó chủ (Dưới chế độ thực dân đó là một cái « Dững » rất hiếm người có).

Tại to mặt lớn ở cái tập đoàn ma trơi, bù nhìn này có Hà-Đảng là Nghị-trưởng, Ngô-văn-Khai, Nguyễn-đơn-Quế, Phan - triệu - Khanh, Ngô-Đạm, Đấng cao Đệ... v.v.. thầy đều là Cử nhân, Tú tài Hán học. Theo ông mỗi kẻ này lại có năm ba đồng chí thì « linh hồn nhà Nho đã thành linh hồn của Viện » vậy phe dân chủ góc đầu làm sao được !

Rồi không những ông đã phá đám nhà nho đời bấy giờ, ông còn tấn công luôn cả vị vạn thế sư biểu, ông nói :

—« Đừng lấy làm lạ. Từ hồi nào đến giờ, chúng ta chưa hề có một phen nào bạo dạn và mạnh mẽ tuyên truyền tư tưởng mới, đánh đổ tư tưởng hủ bại của nhà nho ; thứ tư tưởng này nó đâm rễ mọc mầm trong đầu người ta đã sâu rồi thì tự nhiên nó còn vững chãi lắm, dẫu là khi nho giáo đã điêu linh. Lại còn hồi cái nguyên nhân di truyền nữa , trong đám nghị

viên có người theo Tây học mà vẫn ôm tư tưởng hủ bại ấy là vì tiền nhân họ vốn là nhà Nho, tư tưởng hủ bại.

Các bạn muốn biết vì sao nhà Nho không dung hợp được với Dân chủ, hai cái lại còn là cừu thù với nhau ? Phải là người Việt Nam ở thế kỷ này nếu còn chưa biết điều ấy thì nguy hiểm cho cái đời chánh trị của mình lắm; phải biết mới được !

« Tổ nhà nho là đức Khổng tử, thì ngài đã nêu ra một cái tiêu biểu quá đáng về sự thờ vua. Trong sự đó hình như có quan hệ với nhân cách, ta rất nên chú ý. Lại làm sao, cũng đồng là giáo chủ mà các đảng kia uy nghiêm hách dịch bao nhiêu thì đức Khổng tử lại xù xì lụm thụt bấy nhiêu ! Kia, Thích Ca xưng mình : « Trên trời dưới đất, một mình ta là lớn »; Jésus Christ bảo mình là « con của Đức Chúa Trời »; Mahomet, một tay cầm quyền kinh, một tay cầm thanh kiếm. Trước mặt ba vị đó, Khổng chương mình ra, trông rất là thảm hại ! »

« Khi vào cửa nhà vua, ngài cúi xuống dường như chẳng lọt... Vén gấu áo bước lên đền, ngài cúi mình xuống, nín hơi dường như chẳng thở ». Đương thuở đó, lay vua, người ta đều lay ở trên đền; một mình ngài lay ở dưới. Ngài nói rằng : « Lay ở dưới mới phải lễ, nay lay ở trên là kiêu ». Mặc dù trái với phần đông, ta cứ việc lay ở dưới. Những cử chỉ đó được chép trong sách Luận ngữ là sách đáng tin.

Tôi chẳng biết ngài làm chi cho khỗ thân đến thế ! Chắc lúc ấy cũng có người đã chỉ trích cho nên có lần ngài phải tự giải rằng : « Thờ vua hết lễ, người ta lại cho là đua nịnh » Theo con mắt chúng ta ngày nay, sự đua nịnh chẳng biết có hay không nhưng hai chữ « hết lễ » thì thật chẳng biết đến đâu là giới hạn. Lễ gì lại có lễ : đã lay, còn phải lay ở dưới đền, tức là ngoài sân.

Đối với vua, đức Khổng-tử đã như thế, cho nên về sự lập thân hành đạo, ngài cũng trông ở vua chứ không dám cậy ở mình. Ngài thường nói « Nếu có ai dùng » thì ngài sẽ làm thế này,

thế khác. Dùng mới làm, không dùng thì thôi, cái thái độ ấy thật không dùng được chính thể dân chủ.

Thế rồi đến đối với dân, cố nhiên ngài chủ trương cái chính sách ngu dân. Đức Khổng nói rằng . « Dân, có thể khiến chúng noi theo, chứ không thể khiến chúng hiểu biết ». Câu này còn có hai lối cắt nghĩa khác nữa, song giống theo cả hai học thuyết của Khổng thánh, thì duy có cắt nghĩa như thế mới phù hợp với nhau mà thôi.

Xem một thực-sự ngài đã làm, càng thấy đức Khổng chẳng những ưa dùng ngu dân chính sách mà còn đến thẳng tay chuyên chế hay độc tài là khác nữa ! Ấy là việc ngài mới lên làm quan tòa có bảy ngày mà đã giết một viên quan ở triều là Thiệu chính Mão

Theo ngài lên án thì viên quan ấy chỉ có tội : 1) ở đầu đồ đảng (theo đó : 2) nói ra chúng hay nghe ; 3) trái với lễ phải, một mình một thế.

Ấy chính là lập hội-kết xã tự do, ngôn luận tự do, tư tưởng

tự do vậy ! Chỉ có thể mà bị tội, dù thấy ở dưới trị quyền của Khổng tử, các quyền tự do dân chủ là quyền mà người Việt Nam chúng ta đương nài xin, đều bị bóc lột. Trên kia nói nhà nho với dân chủ cứ thù nhau, là thế.

Cái giáo dục của đức Khổng Đại tuyệt nhiên không phải là bình dân giáo dục nữa. Coi như sách Đại học, ngài chỉ dạy những việc tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, là việc của vua và các quan mà thôi, trong sách của ngài chưa hề nói đến phân sự làm một người dân phải thế nào. Bất đời đến cái vấn đề dân sinh ngài cũng không thêm giảng đến nữa. Có bản đệ tử của ngài là Phan Tri xin học cấy lúa, làm vườn, ngài đều không bảo cho. Khi Phan-Tri ra khỏi, ngài kêu tên tục ông ấy mà mắng rằng : « *Thằng Phan Tu thật là tiểu nhân thay ! Người trên ưa lễ thì dân chẳng ai dám chẳng kính; người trên ưa tin thì dân chẳng ai dám chẳng dụng linh. Được thế thì các đạo ở bốn phương đều công mạng con, cái nó mà đến, lo phải cấy lúa làm chi ?* » Tôi dẫn đoạn sách đó vào đây để làm chứng

chắc chắn rằng đức Khổng chỉ dạy cho một hạng người chực làm... « *người trên* », còn việc dân sinh như cấy lúa, làm vườn thì trời mặc, quả là hợp với cái ngu dân chính sách của ngài. Điều này cũng trái nhau với chủ nghĩa dân chủ nữa, vì theo chủ nghĩa ấy, trước hết phải lấy sự giáo dục công dân làm gốc.

Khổng Tử là thế, nhà nho là thế ! Hạ mình một cách thái quá trước mặt vua, và khinh miệt một cách thậm tệ sau lưng dân. Chính ông giáo chủ đã tỏ bày ra cái thái độ như vậy, và cái thái độ ấy rất rõ ràng trong các sách.

Bên Tàu từ xưa có ba cái đạo đã thành lập, tức là : Khổng, Lão, Mặc, Đạo Lão ít thịnh, còn đạo Mặc đã diệt vong rồi, là tại không có cái thái độ như đạo Khổng Khổng-giáo thịnh hành ở Trung-quốc hai ngàn năm nay chẳng có cơ gì khác hơn là vì nó làm lợi cho nhà vua nên nhà vua tin dùng nó. Dù kém uy nghiêm hách dịch, nhưng được vinh quan trường cửu, cái mảnh khỏe ở đời cũng khôn khéo lắm, chứ phải chơi đầu !

Khổng-giáo với dân chủ đã thế, không lẽ nào tin đồ của nó lại chịu làm trại giáo nghĩa đi mà thỏa hiệp riêng. Bởi vậy, dăm ba mươi năm nay, từ ngày cái chủ nghĩa dân chủ ở phương Tây truyền sang phương Đông, nó chẳng những không được nhà nho hoan nghinh mà còn luôn luôn bị họ phản đối và cự tuyệt.

Ở bên Tàu đã nghiệm thấy đều đó trước nhất. Trong lúc Tôn-văn lập những Hưng-Trung hội, Đồng minh hội, Cổ xúy cuộc cách mạng Cộng hòa thì thầy trò Khang-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu lập Bảo hoàng hội để duy trì cái ngôi vua của nhà Mãn. Mở lý lịch họ ra mà xem, Khang là tiến sĩ, Lương là cử nhân, đều nhà nho đặc, thì còn đợi gì nữa mà chẳng bài xích cái chủ nghĩa dân chủ của Tôn-trung-Son, học sinh tốt nghiệp ở trường y học Thái tây?

Phải chi công việc Khang, Lương làm đó mà thành, thì ta có thể bảo họ chẳng qua tùy thời để lập danh. Nhưng họ đã thất bại mỗi người đã bị rao mua cái đầu đến mười vạn bạc,

lấn lút ra ngoại quốc mới khỏi chết. Điều ấy chứng tỏ rằng họ đã liệu mình theo chủ nghĩa, theo tư tưởng; Bảo hoàng mà đến chết là họ cũng bảo hoàng ! Chẳng vậy mà sáu ông nhà nho nữa, gọi là « *lục quân tử* » cũng trong đảng Khang Lương, đã cùng nhau làm hy sinh cho chủ nghĩa, đồng một ngày bị phơi thây ra giữa chợ sau cơn chính biến năm Mậu tuất.

Thế cho biết họ dốc lòng thờ vua, dù có thiệt thòi đến tính mạng cũng lặn vào mà thờ cho kỳ được. nhà nho đã nhiệm sâu cái tư tưởng của đức Khổng mà có cái hội bảo trung thành chân xác như thế, thì họ không có thể thỏa hợp được với chủ nghĩa dân chủ. ta cũng không nên trách họ làm chi.

Ở nước ta, ngoài trường hợp các ông Hà Đăng, còn có trường hợp khác nữa để chứng minh nhà nho với dân chủ là không thể dung nhau. Nhưng tôi thấy lý thuyết ấy đã rõ ràng chắc chắn quá lắm rồi, không cần phải viện thêm ra nữa. Chỉ trừ ra một vài người như ông Phan-chú-Trinh, đã thoát được tư tưởng hủ bại thì mới có khuynh hướng về dân chủ. Trái

lại, một người tây học mà ông cha là nhà nho, thì, như tôi đã nói có lẽ người ấy lại vì lẽ đi truyền mà có cái khuynh hướng bảo hoàng.

Sự lý rành rành ra giữa đó, bây giờ chúng ta nên làm thế nào? Chúng ta nên làm thế nào trong khi các dân tộc khác đều ngã về dân chủ và chúng ta lại thấy dân chủ là có lợi?

Tuyên truyền dân chủ chăng? Một việc đó mà thôi, không đủ, chúng ta phải hết sức tẩy trừ những tư tưởng hủ bại của nhà nho, tức là của đức Khổng-Tử mà trong bài này tôi đã kể ra một mớ. Hề tư tưởng nhà nho còn thống trị các óc mọi người, thì tư tưởng dân chủ không thể nảy sinh ra được.

Chúng ta chớ thấy chữ hán đã bỏ rồi mà tưởng rằng nho giáo không còn có ảnh hưởng nữa giữa người Việt Nam chúng ta. Chính ở giữa xã hội ta ngày nay, hầu hết mọi việc đều chịu ảnh hưởng của nho giáo từ trước. Chúng ta phải chọn ra cái nào hủ bại thì tẩy nó đi *

Trên đây chúng ta thấy không những Phan Khôi công kích lối tôn quân của Khổng Tử còn đã kích cả tinh thần nho giáo trên lãnh vực chánh trị, nghĩa là ông quán niệm Khổng giáo không thuận lợi cho dân chủ, những kẻ học Nho đã đi vào con đường Bảo hoàng rất tai hại cho đất nước và họ đã thường bảo hoàng một cách ngu dại có khi đã chẳng lợi cho mình mà còn hại cho Quốc gia nữa. Ông đem « *Lục quân tử* » thuộc bọn hai nhà cách mạng Khang, Lương qua « *Chinh biên năm Mậu Tuất* » ra làm trường hợp điển hình. Tôi thấy có phần hơi gò ép gần như lập dị quá vì thực ra Khang, Lương đã chỉ dựa vào ông vua niên thiếu đời Thanh Mạt (vua Quang Tự) để phát động một cuộc cách mạng cho Trung quốc mà thôi. Còn nếu hai thầy trò ông thật tâm bảo hoàng như biết bao kẻ phò Tử-Hi thái hậu thì làm gì đến nỗi bị treo giá mười vạn đồng cái đầu của mình. Có coi « *Âm băng thất* » mới có tâm sự của Khang, Lương ngoài ra nhất dân tuyên bố phế bỏ quân, quyền lúc đó là không thực tế cũng

như Phan-bội-Châu và Nguyễn-thượng-Hiền của chúng ta đã lợi dụng Kỳ ngoại hầu Cường đề, đã liên lạc với các sĩ phu phong kiến chỉ là do kế sách mà thôi trong buổi đầu của chương trình hoạt động cách mạng. Đầu thế kỷ XX, tư tưởng dân chủ dân quyền của Tây phương đã lan tràn qua Tàu, qua Nhật, qua Việt Nam, người trí thức nào mà không thấy quân quyền đã lỗi thời, lạc hậu và phong kiến có nhiều tinh chất phản động? Tuy nhiên đưa ngay món dân chủ ra giới thiệu trong lúc quốc dân chưa đạt tới một trình độ hiểu biết thích nghi thì tránh sao khỏi sự bỡ ngỡ, đã vậy chắc chắn sẽ gây mâu thuẫn với đám phong kiến đang có ưu thế có khác gì xưa họ chạy theo địch hay tăng cường thế nghịch đối với Cách mạng

Tôi cũng không hoàn toàn tán đồng ý Phan Khôi công kích Khổng tử quá quy luy trước Vua bởi tôi nghĩ Khổng tử không hèn. Thời ngài tức hai mươi lăm thế kỷ trước người dân Trung quốc đã trải nhiều đời vua, vua hiền như Nghiêu,

Thuấn, Võ, Thang, vua giặc như Kiệt, như Trụ thầy đều có những thái độ rõ rệt như ban ngày, được ghi chép vào sử xanh làm bằng cớ. Khổng - tử Khiến nhượng đặc biệt như vậy với vua là để gián tiếp cảnh cáo vua phải ăn ở, phải lo lắng sao cho xứng đáng với lòng kính mến tuyệt đối của nhân dân. Cái lối cung kính hết lễ đó có ý cảm hóa ông vua chớ đâu phải cung kính theo kiểu bọn dua nịnh để kiếm lợi. Đời Khổng Khâu là cả một chuỗi ngày để hy sinh để tranh đấu cho người đời. Ngoài ra nếu Khổng tử đứng hẳn vào hàng ngũ bọn dua nịnh thì ngài đã đắc thời đầu đến nỗi phải cùng đám môn đồ lang thang hết nước này qua nước khác luôn 13 năm ròng bị hất hủi, bị thất bại cuối cùng phải trở lại với cái nghề mô phạm và ôm cái hận chánh trị đến chết.

Việc giết Thiếu chính Mỗ cũng có lý do đích đáng. Thiếu là một quan to đời bấy giờ. Tên này đã làm cái chuyện « *giang nhân hiệp đảng* » hại dân hại nước quá lâu ngày. Y không khác gì một thứ vi trùng tá đ

sống thêm giờ phút nào càng nguy thêm cho dân chúng. Và mới lên cầm quyền lớn có 7 ngày, ngài đã dám lên án từ một quyền lực hành trị lớn nhất nước bấy giờ là một hành động rất hùng, cổ kim đã có mấy ai « *dũng* » được như vậy. Một người khác hẳn đã nghĩ rằng Thiếu chính Mão bề đảng mạnh, thế lực nhiều, mình vừa mới lên cầm quyền đã ra tay sát phạt, để dầu thắng được bọn chúng. Nhưng Khổng-tử không phải là không tính đến điểm này. Ngài biết có thể làm được là bởi Ngài có hậu thuẫn của nhân dân. Và lẽ phải là một sức mạnh đời nào cũng vậy. Phan bảo cụ Khổng độc tài, chuyên chế thì ta nghĩ nếu vì tránh cái nạn tham nhũng, trừ cái ung độc cho nhân dân phải có một quyết dùng bạo phương trị bạo bệnh thì độc tài hay chuyên chế rất cần thiết, chúng ta chỉ chèn trách nếu cái chuyên chế và độc tài ấy đã dùng vào những chủ trương tham tàn vụ lợi cho cả nhân hay bề đảng.

Họ Khổng đặt chữ « *Nhân* » lên đầu hàng ngũ thường là đã chủ trương ôn hòa, đạo đức, kiêng kỵ, giết người, hại chúng.

Vậy Khổng tử phan bày, bêu đầu Thiếu-chính-Mão ở ngoài chợ để bêu dương lòng. Nhân chăng? Xin nói: *Đấy là trường hợp « hại một người cứu muôn người »*, họ Khổng không có tự mâu thuẫn đâu! Ngoài ra chính tên Thiếu-chính-Mão mới là kẻ độc tài, chuyên chế. Hai mươi lăm thế kỷ qua rồi, toàn thể nhân sĩ, học giả Trung quốc chưa hề có ai buộc tội Khổng-tử giết Thiếu-chính-Mão là làm một điều sai lầm.

Lại nói Khổng-tử chủ trương chánh sách ngu dân. Ở cái mục này tôi thấy Phan Khôi hơi nóng tính. Học thuyết của Khổng-phu Tử gồm hai phần: *Hình nhị thượng, Hình nhị hạ* đã mở rộng kiến văn tri thức cho đủ mọi hạng người. Học thuyết này không là món độc quyền cho tầng lớp cao nhất của xã-hội và bỏ rơi người bình dân. Đến cái đạo Tu, Tề, Trị, Bình cũng vậy. Khổng-tử dạy vua chúa đến thứ dân qua kinh *Xuân-Thu* là một cuốn sách gồm đủ mọi thứ (chính-trị, quân-sự, luân-lý, đạo đức v.v...) Khổng bỏ sót một điều nào nhất là điều cần bản cho việc giáo dục mọi loại công-dân.

Khổng-tử lại giới hạn quyền của mọi lớp người bằng ấn định những bổn phận, nghĩa là có quyền thì phải có nhiệm-vụ, những cái quá lạm đều bị chèn trách. Tỉ dụ ngài nêu tiên vương (Nghịêu, Thuấn, Võ, Thang) làm điển hình là gián tiếp khuyên các vua đương thời tập điều hay của người trước, tránh lối chánh trị phóng tay đối với nhân dân.

Ngài nêu cái trung ngu, trình ngu, hiểu ngu tức là dạy người ta chống lại những cái trọng trách, hiểu, nghĩa không phải đường, do đó đệ tử ngài là Mạnh tử mới tuyên bố không có vấn đề giết vua mà chỉ có việc giết tên thất phu, đuổi tên thất phu Trụ, Kiệt.

Có coi kinh *Xuân thu* mới thấy rõ Khổng giáo không là một đạo bùa yểm trợ vua chúa mà gồm toàn những lời răn dạy có khi mạnh như riu búa nhất là đối với những ai lạm dụng cái quyền chúa tể thần hạ.

Chúng ta nghĩ thế nào khi đọc trong Kinh lễ chẳng hạn câu: « *Quân mệnh thuận tắc thần hữu thuận mệnh; Quân mệnh nghịch tắc thần hữu nghịch mệnh* »

Ngoài ra ta còn thấy Khổng tử nhấn mạnh nhiều đến tư cách tác-phong, đạo-đức của tầng lớp lãnh đạo xã-hội không ngoài mục đích gây cảnh tượng vua quan, cha con, chồng vợ, bè bạn được thắt chặt vào với nhau bằng sự thân ái, sống với nhau vui vẻ, tôn trọng quyền lợi của nhau và không phải dùng hình phạt. Vậy trong cái cảnh tượng đó sao lại nói là không có thái bình và dân chủ? Nó còn đi xa hơn Dân chủ bởi khi con người biết thương yêu, quý mến nhau thì tự nhiên có sự tương nhượng vui vẻ và không phải đem dân chủ dân quyền để yêu sách nhau. Và cũng ở đó tôn ti, trật tự từ gia đình ra ngoài xã-hội đương nhiên sẽ có, không phải nhờ các nhà chánh trị đòi hỏi, đấu tranh bằng xương bằng máu.

Có điều đáng phân nan là người ta đã xuyên tạc tư tưởng của Khổng giáo trong việc trị dân, trị nước để làm lợi cho tầng lớp lãnh đạo tham tàn ích kỷ. Người ta, chúng tôi muốn nói đây là bọn tay sai phong kiến, hay chính cả lũ phong kiến nữa.

Tóm lại Khổng-giáo không phục vụ Phong-kiến mà muốn điu dắt Phong-kiến trong cái đạo giúp dân, thờ nước sao cho xứng với cái địa-vị ăn trên ngồi trước của mình. Khổng-giáo cũng không phản-động đối với nhân dân hay cứu thù với dân chủ chủ-nghĩa. Nó bất thiên, bất ý.

Nó đặt nền tảng của nó trên sự hợp-lý, nó trung dung và trung dung thì tất nhiên phải công bằng như cái cân vậy. Dưới chế độ duy ngã độc tôn Thủy hoàng-để quan niệm vua mạnh dân yếu mà duy trì Khổng giáo át dân chẳng khứng chịu cường quyền nên đã ra lệnh đốt sách nạo giết kẻ học Nho thì càng rõ Nho-giáo có đầu đồng lõa với phong-kiến, còn nói nó trường tồn hơn các đạo khác và được tin dùng là do « cái mảnh khoé ở đời » thì ác quá.

Tôi xin lỗi đã quá dài dòng để tỏ sự bất đồng với Phan-Khôi về vài điểm rất quan trọng bàn về Khổng-tử và Khổng-thuyết, nhưng Phan tiên sinh đã đả-kích kịch liệt đạo Nho theo tôi có nhiều sự sai lầm như vậy mà không có lời đối đáp cũng không

phải. Tuy nhiên ta phải hết sức ngợi khen vị nho giả này đã có sự táo bạo là dám chống lại Khổng-tử từ tác phong, đạo đức, đến hành vi và chữ-trương chánh trị.

Ở Trung-Quốc là nơi phát xuất ra đạo Nho, kẻ học Nho có hàng triệu người luôn trên hai mươi thế kỷ nay lấy Nho-học làm căn bản có một số người chống lại đạo Nho (Tống-nho) ta không lấy làm lạ nhưng người Việt học theo Tàu mà chống lại vị vạn thế sư-biểu của toàn cõi Á-Đông nói chung, của Trung quốc nói riêng thì đã mấy ai? Ở đây tôi không nói, không bàn về chuyện phải quấy về phía nào, duy trên nguyên-tắc học là phải tìm hiểu, lý-luận cho đủ mọi chiều ngược xuôi, ngang dọc để thấu đáo mọi vấn đề trên mọi khía cạnh mới là học và có thể mới đi được đến chỗ uyên bác.

Còn học cái lối nhai vụn nhả chữ, chi, hồ, dã, dã, biết một chẳng biết hai mà Cao-bá-Quát sau khi công-du Tàn-gia-Ba trở về dưới đời Tự-Đức đã than dài (1) thì thật là ưỡng công, ưỡng

cả cơm trời nước sông Càng ngàn năm này chúng ta có những người học trò rất thông minh nhưng lồi lạc thì có mấy? Cái học cồ-hủ của nhà Nho (phần lớn) xưa kia thường đã không tạo nổi những tư-tướng-gia, những chính-trị-gia sâu sắc, trông xa biết rộng để giúp dân cứu đời nhất là trong những giai-đoạn bất thường và nguy biến của đất nước. Tỉ-dụ dưới đời Trần, Mạc Quốc chính rã rời Thượng-hoàng Nghệ-Tông đến vẫn kể Bàng-lỗ tướng công Trần Nguyễn-Đán, vị lão thần vương này trả lời: « Xin bệ hạ thờ nhà Minh như cha, coi Chiêm Thành như con, quốc gia mới yên ổn mà hạ thần có chết cũng được ngâm cưỡi nơi suối vàng » Thì ra người ta không có sách lược nào khác đối với hai kẻ địch hơn là sự quy lụy. Cái thứ chánh-trị tiêu-cực này thực ra không mang lại kết quả nào tốt đẹp vì nhà Minh lúc này vẫn đang rình Việt-Nam như cọp rình mồi, còn người Chăm từ hạ bán thế-kỷ 14 nhất là với Chiêm vương Chế-bồng Nga, hàng năm xông xáo vào thành Thăng long đốt phá cung điện, cướp vàng ngọc gái đẹp mang

về nước như vào chỗ không người. Đàng lẽ vua tôi phải tìm cách khôi phục tình trạng quốc gia để có binh hùng tướng mạnh chống ngoại xâm lại bàn nhau thi hành cái chước lạy van kẻ mạnh. Từ cớ chỉ kim tương quan ngoại giao phải trông vào sức mạnh, không có sức mạnh đủ là tự diệt rồi còn nói gì khác. Các vị trí thức là tầng lớp lãnh đạo đời Trần Mạc như vậy đã đủ làm mất nước Việt Nam rồi còn trách gì Hồ-quý-Ly sau này!

Cũng nhân đây chúng ta nhớ đến Hồ - quý - Ly trên cương vị văn học cũng là một tay phiệt duyệt lồi lạc, không học. Lối học thứ lại, nô dịch... nếu các người đi học thuở ấy có nhiều kẻ như Quý-ly thì đất nước này đã tiến bộ nhiều, đâu có lọt vào tay thực dân Minh cuối thế kỷ 14. Hồ khác người ta ở chỗ nào? Năm Đinh Mão (Xương phủ thứ 11 tức 1387) ông được Thượng hoàng Nghệ Tông ban cờ kiếm đáng lẽ làm thơ Hán để tạ ơn, ông làm thơ Nôm.

Năm Kỷ hợi (Quang Thái thứ 18 tức 1394) ông dịch thiên Vô Dật trong Kinh thư là thiên chép

lời của Chu công ra quốc âm để dạy vua Thuận Tông.

Năm Đinh Sửu (1396) ông dịch xong pho Kinh thư để dạy các hoàng phi, nữ quan và cung nữ. Ông bỏ bài tựa của Chu Hi ở đầu sách, để bài khác thay vào, đại ý nói trong sách đó ông đã có những lời giải thích theo ý riêng của ông. Ông lại soạn ra sách Minh đạo (để làm sáng tỏ đạo Nho) dâng lên vua Nghệ-Tông năm Nhâm thân (Quang Thái thứ 5 tức 1392) đáng kể là một cuốn sách phê bình triết học đầu tiên ở nước ta (sách này gồm 14 thiên khen Chu Công hơn Khổng tử, tôn Chu công làm tiên thánh, Khổng tử làm Tiên sư và nêu 4 điểm đáng ngờ :

A) Khổng tử đến chơi nàng Nam tử.

B) Khổng tử hết lương ở nước Trần.

C-D) Công sơn Phất Nhiêu, Phất Bật với Khổng tử, Khổng tử không muốn đi.

Cũng trong sách này Quý Ly kết tội Hàn Dũ là đạo Nho (ăn cấp tư tưởng của Nho giáo) cho rằng các hiền giả đời Tống như

Chu mậu Thúc, Trình Hiệu, Trình Di, Dương Thi, Lý duyên Niên, La trọng Tố, Chu Tử (tức Chu Hi hiệu Hối Am) học có rộng nhưng tài thường, thiếu thực tế, chuyên cấp lột văn chương, tư tưởng... Vậy họ Hồ có phi thường không?

Trở về với Phan Khôi, ta thấy hình ảnh một nhà Nho không có tự ti mặc cảm, dám ăn dám nói, khác người, có tinh thần độc lập. Cụ Phan-chu-Trình cũng vậy, cả hai đều say mê Dân chủ, chống vua quan lạc hậu, chống những cái gàn dở thoái hóa của nhiều nhà Nho (vụ Hà-Đặng thuở ấy) nhưng tiếc rằng vào khoảng đầu thế kỷ XX các phong trào khởi nghĩa thất bại, tinh thần quốc dân bị kiệt quệ mỗi mòn, mằm cách mạng mấy phen bị thui trột nên việc hô hào dân chủ và cách mạng văn hóa của hai chí sĩ họ Phan chỉ là những tiếng kêu trên sa mạc.

Tôi muốn kết luận bài này bằng lòng hy vọng mai kia đây dân tộc chúng ta, để theo kịp thiên hạ, sẽ có những người học trò ngang tàng lỗi lạc, học hành

sâu rộng, có óc đua tranh, tự tin, tự cường.

Phan Tây Hồ và Phan Khôi tuy xuất thân Nho học mà không hư hại như nhiều nhà nho khác dám chống lập trường của Khổng Tử (phải hay trái ta không cần biết nhưng đó là bằng cớ của một tinh thần độc lập) biết nghịch lại với quân quyền là không a dua, xu thời lại can

dảm nữa. Vì sao? Vì các ông yêu nước, các ông muốn dân tiến nước cường, các ông còn sẵn sàng hy sinh đời mình cho mục tiêu đó (2) Cũng nên nói rằng chính Nho học đã tạo nên những con người phi thường này bởi những con người phi thường đã hay xuất phát không ở nơi nào khác ngoài nơi sản

Trình của Khổng!

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(1) Cao-bá-Quát có mấy câu thơ cảm khái về việc học ở nước ta dưới đời Tự-Đức như sau :

« Nhai văn nhả chữ buồn ta,
Con giun nào biết đầu là cao sấu.
Tân gia từ vượt con tàu,
Mới hay vũ trụ một bầu bao la,
Giật mình nhớ việc nước khi ở xó nhà,
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương trời.
Vùi đầu ăn sách uống đời làm trai...»

(Bản dịch của Trúc-Khè)

2) Sau thỏa hiệp Genève ký ngày 20/7/1954 Phan-khôi ở lại miền Bắc cũng vì vụ Nhân-văn giai-phẩm mà bị CS có lập uất ức mà chết. Họ Phan quá tin tưởng ở phong trào « Trăm hoa đua nở » là phong trào sửa sai của V.C. nên đã càng kích kịch liệt chế độ. Ông cũng như nhiều người nghĩ V.C. thành thực cải thiện chính sách, ngờ đâu đây chỉ là cạm bẫy V.C. bày ra để tiêu diệt những ai bất mãn đối với chúng.

Đúng **midol** Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/B.V.T./ĐD.C



LẠC ĐIỆU CẦM CA

hay là :

Tôi học...
nghề viết vọng - cổ

▼ ÁI-LAN

(Viết theo lời một bạn gái)

Sau hơn sáu tháng thất nghiệp, tôi mới tìm được một chỗ làm, nhờ một bạn gái giới thiệu. Chị bạn ấy đến cho tôi hay với vẻ mặt hào hoan:

— Lan này ! mình có tin mừng cho Lan đây, Lan ơi ! việc này hợp với khả năng của Lan lắm !

Tôi vui mừng hỏi :

— Dạy học hả ? Trường nào đó ?

Vừa ngồi xuống ghế, bạn tôi trả lời:

— Không có dạy ở trường nào hết ! Chỗ này là một hãng đĩa. Người chủ hãng là bà con với mình, đang cần một thợ kỹ

riêng để viết những tuồng cải lương ngân ngấn, thâu vào đĩa. Loại chúng mình thường nghe họ «diễn» trong máy hát ở đài phát thanh mà mình thường nghe trong ra-di-ô đó !

Tôi ngạc nhiên:

—Hồi nào tới giờ Lan đâu có biết gì về loại đó ! Không hợp với khả năng rồi đã !

Chị bạn phác một cử chỉ:

—Sở dĩ mình nói hợp là vì mình thấy Lan viết được văn và thường nghe Lan ước được làm nghề viết văn.

Tôi cười:

LẠC ĐIỆU CẦM CA

— Viết là viết cái gì kia ! Ví dụ như truyện ngắn chẳng hạn, chứ viết cải lương, Lan đâu có hiểu gì mà viết ?

Chị bạn khuyến khích:

— Cứ đến rồi hẳn hay ! Lan có khiếu. Mình tin chắc sau thời gian tập sự, Lan sẽ làm được cho mà xem !

Tôi nể tình thương yêu lo lắng của bạn đối với tôi, nên tôi bảo chị ấy ngồi chờ tôi thay áo để đi với chị.

Chúng tôi đến hãng đĩa, được bà chủ hãng tiếp vui vẻ. Bà cũng khuyến khích tôi, như chị bạn đã khuyến khích tôi vậy.

Tôi nghĩ thầm: Thôi thì rán thử xem !

Bà chủ sai người đem cái máy hát, cùng mấy cái đĩa vọng cổ do Út Trà Ôn ca, quay cho tôi nghe thử. Đó là bản « Sầu Vương biên ải », Bà nói :

—Cô nghe cho kỹ, chú ý những nhịp « song lang », và tiếng chót của mỗi câu theo luật bình trắc.

Tôi lại nghĩ thầm: « Trời ơi ! Từ nào tới giờ mình có chú ý

gì tới vọng cổ vọng hòng gì, làm sao biết đâu là « song lang » đâu là câu dứt ? »

Tiếng hát của Út Trà Ôn vang lên từ cái đĩa đang quay :

« Ôi ! Nhìn trời hiu quạnh, rừng đêm sương gió lạnh, hương què nhà lòng thêm chạnh tủi niềm riêng. Em ơi ! Muốn đậm xa xôi, xin em giữ vẹn hương nguyên, để cho người cô lữ khỏi mang điều tủi hận... »

Tôi bước đến giờ kim lên, cho quay trở lại thêm một lần nữa câu nói lối của Út Trà Ôn lúc này, rồi ghi từng câu. Cứ thế cho hết một mặt đĩa, nghĩa là hết ba câu đầu bài vọng cổ, thay vì sáu câu (2 mặt đĩa).

Tôi đã hiểu được phần nào, và « nắm » được chỗ « song lang » cùng tiếng dứt.

Tôi cho máy dừng lại, rồi đọc những dòng đã ghi:

« Phải có một câu nói lối mới « vô » chỗ này, phải nhớ luôn luôn là dùng chữ có nhớ dấu huyền (bình)thi dụ »:

1.—« Thâu canh hồn ngọc ngân... nhìn ánh trăng soi lặng lẽ giữa đêm ... »

trường (vô) : Cảnh vật mơ màng say giấc điệp dưới trời sương. (Song lang) thêm chạnh tủi lòng người viễn khách cô đơn ngoài biên ải lạnh lùng sâu vương theo ngọn gió. (dứt).

2) Tấm lòng tuy dầu dãi với phong trần nơi lữ thứ, mà hồn quê còn theo dõi mộng gia đình (song lang) nhớ buổi biệt ly lệ thảm tuôn dòng, khúc hận chia lìa khôn tả đặng thành *cầu*. (Song lang) niềm riêng mang nặng canh cánh bên lòng, nhớ bạn khuê phòng vàng võ nét xuân phai (dứt).

3) Giọt sương dưới hàng cây điểm lệ, ngọn gió lay cành lá tả oai, hương quê nhà niềm giá lạnh xa khơi, xót thay đời cô lữ ven (song lang) trời hiu quạnh, còn vọng tưởng người thiếu phụ chong ngọn đèn khuya, mơ hình bóng chinh lang ngoài muôn dặm núi mây ngàn. (dứt)

Bà chủ bước vô phòng hỏi tôi :

— Sao ? Có nghe rồi chưa ? Đầu có gì khó, phải không ?

Tôi e dè :

— Dạ ! Cũng khó chớ ! Nhưng tôi đã hiểu ba câu đầu.

— Vậy có thử đặt ba câu đầu mà cô đã hiểu rồi đó, cho tôi coi thử. Đề tài là một bức thư của một người bạn gái ở Đò thành, tả cảnh đồng quê về mùa gặt hay cấy cũng được. Nhớ phải có bốn câu thơ đề ngậm và một đoạn nói lối mới « vô » nhé ! »



Tôi bắt đầu viết. Nhưng mới có một câu thì bà chủ vào nhắc:

— «Tôi quên cho cô hay luôn là văn chương trong vọng cổ khác hơn văn-chương viết ở sách báo. Dùng nhiều chữ sáo chùng nào càng hay và phải cho mùi.»

Tôi bắt đầu lo và bỏ hẳn đoạn vừa viết. Tôi nghĩ :

— Chết thật rồi ! Hồi nào tôi giờ mình ghét nhất là dùng văn sáo và vọng cổ. Bây giờ « trời trả báo » mình lại gặp thử mà mình ghét, nhưng buộc phải làm thì sao đây ?

Tôi ngồi cắn cần viết mà lòng buồn khôn tả ! Tại sao cái gì mình không thích thì mình lại phải gặp luôn ? Tôi nhớ đến một câu danh ngôn của J.J. Rousseau: « Tôi không làm được điều hay mà tôi làm, tôi lại làm điều dở mà tôi ghét ! »

Tuy vậy, tôi vẫn cố tập viết, vì cơm áo bắt buộc. Có lẽ vì buồn nên tôi viết khá được. Tôi gửi trọn nỗi lòng tôi vào bức thư cho người bạn gái không quen biết đó. Khi tôi đưa cho bà chủ hằng xem, bà hài lòng lắm :

— Đọ ! Thấy chưa ? Tôi nói vọng cổ viết dễ ợt ! Nhất là khi người viết đã biết viết văn và đã biết làm thơ như cô. Bữa nay kể như là ngày chánh thức cô đến làm việc với tôi. Chiều nay cô đến học tiếp ba câu sau cùng của bài vọng cổ rồi viết tiếp cho đủ sáu câu nhà ! »

Khi tiễn tôi ra cửa, bà nói thêm :

— Viết vọng cổ cũng tương tựa như làm thơ, càng ăn văn chừng nào, càng hay hơn.

Chiều lại, cũng như lúc sáng, tôi cũng ngồi quay đĩa để học hết ba câu cuối và viết tiếp cho trọn bài.

Nhưng khi đưa cho bà chủ xem, bà không hài lòng lắm, vì những chỗ đáng lý phải ăn văn với nhau, tôi lại viết ít ăn, vì ép vận.

Tôi lại cố gắng ngồi viết bài khác theo ý của bà chủ là một thanh niên nợ, vì có mộng giang hồ nên ra đi, bỏ người yêu ở lại nhà. Nhân một chiều đông lạnh, chạnh nhớ đến người xưa, hẹn ngày tái ngộ... tựa là « Chim trời bặt gió ». Tôi viết : (Nói lối) Hồi ơi ! Mây đen kín, chơn trời bao phủ kín, bước phiêu lưu ngàn nỗi dặm còn xa. Lòng băng khuàng giữa nợ nước với tình nhà, đối tình, hiệu hai vai ta gánh nặng. Tiếng gió hú qua rừng nghe vắng vắng, như gọi hồn ta đang nện gót phiêu linh ».

1) Đã mấy thu qua, trên con

LẠC ĐIỆU CẨM CA

đường gay gò cát bụi mịn... mở (vô): Trái gót giang hồ lòng bao nỗi ước mơ...

Bà đến xem, cười bằng lòng:

— « Hay rồi đó! Cô sáng trí thật! Mỗi ngày đầu mà cô viết được như vậy, thì sau này cô có tương lai lắm! »

Tôi chào bà ra về mà lòng sao chẳng thấy vui hay phấn khởi chút nào. Tôi tự hỏi nhiều lần: tiến hay lùi, có « tương lai » hay không với vấn đề? Nhưng nhớ đến thực tế: mình đang cần chỗ làm, có tiền để sống, để nuôi một đám cháu mồ côi cha nó đã « đều xong nợ nước » và một bà mẹ già yếu, tôi đành... viết đề mà sống!

Tôi cố quên đi bao hoài bão ngày xanh... Cơm áo đã « tạo » cho con người những nghề bất ngờ và bất đắc dĩ!

Mỗi khi bắt chợt lọt vào tai tôi những lời ca mùi mẫn, vẫn

chương khuôn sáo rướm rả nhưng rỗng tuếch của những bài vọng cổ do tôi « sáng tác » từ đầu vọng lại trong xóm nhà « tồn » lao động, chen chút những kẻ nghèo — trong ấy có tôi đang lo chạy cuống cuống từ cái ăn, cái mặc đặc đở khó khăn. Và thỉnh thoảng tiếng đại bác, bom đạn nổ âm ỉ, rung chuyển, làm những tấm thiếc « bá nập » che làm vách, rung lên như tiếng lạc điệu đối với nội dung, hình thức và âm thanh của những bài vọng cổ kia!

Tự nhiên, tôi lắc đầu lia lia như phác ra một cử chỉ nói lên sự chối bỏ. Và tôi lật đật đưa hai bàn tay lên áp sát vào hai lỗ tai... nhưng âm thanh của nó cứ luôn luôn hết ngày đến đêm, mãi như đinh chui vào tai tôi, bắt tôi phải nghe cái mà tôi đã... « sáng tác »!



Cần-Thơ và lẩn sẽ về

Khi về mình hạc xương mai
Ngỏ thân con gái trong ngày vu qui
Lẽ buồn vui thắm chán đi
Ngỡ kia âu yếm đậm ghi gót giày

□

Rồi đây ngày lun qua ngày
Lang thang phố thị ta rày gặp em
Nỗi buồn lách nhẹ vui lên
Trong câu nói ngọt trong viên mắt tươi

●

Một khi ta bước đi rồi
Đường hành quân có núi đồi bao vây
Hình dung một bóng thân gầy
Em bên tru điện trong ngày chia tay

★

Viễn vọng là chuyện lúc này
Ngày mai ảo vọng ai hay được nào?
Bây giờ chân thấp chân cao
Ta lo từng bữa cơm vào nuôi thân

●

Nhớ em sâu lớn lên lần
Nhớ quê hương cũ buồn dâng tâm thần
Cùng cùng một nước Việt-Nam
Sao ta thương quá con đường đã quen?

P 1Ù-SA-LỘC
(hồn trẻ hai mươi)
KBC 4420

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1560/891/880C

ĐOÀN-VÂN
0000000000000



hoa hồng

HOÀNG-ĐIỆP

Nhìn nét mặt thoáng rạng rỡ của mẹ tôi, tôi nghe lòng mình nhói buốt đau, xót xa ray-rút. Mười năm rồi, ánh mắt, nụ cười xuân sắc của mẹ tôi biến mất, biến nhanh đến nỗi chẳng ai kịp nhận-diện. Mẹ tôi là người đàn bà chịu quá nhiều ảnh hưởng Nho-giáo, những câu giáo-điều đóng khung của sách thánh hiền đã ăn sâu vào tiềm thức mẹ tôi, như vết mực tàu loang trên giấy trắng.

Vì thế khi ba tôi từ trần, dù lúc ấy mẹ tôi chỉ mới ba mươi tuổi, cái tuổi xuân sắc của người đàn bà và cái tuổi cần có một người khác giống đề vờ-về an ủi và chia sẻ mặn ngọt của cuộc đời. Thế mà mẹ tôi vẫn sống âm-thầm chiếc bóng, những gả đàn ông đeo đuổi bà, được bà đem giáo-lý của Khổng-giáo ra làm vờ từ chối. Mẹ tôi được nhiều người khen là người đàn

bà chính-chuyên, chung-thủy. Tôi tuy chưa ý thức được gì, nhưng tôi cũng sung-sướng và hạnh-diện vì má tôi, nhất là bà không bỏ chị em tôi đi lấy chồng như nhiều bà hàng xóm thường nói trêu gheo tôi, tôi hạnh diện là mẹ tôi không như họ nghĩ.

Từ lúc ba tôi mất, mẹ tôi luôn luôn đau bệnh, tôi không rõ lý do tại sao mẹ tôi hay đau, khi còn ba tôi, mẹ tôi là một người đàn bà mạnh-khoẻ, cả năm bà chưa bị cảm xoàng lấy một lần, thế mà bây giờ sự đó ngược lại, tôi không nghĩ là do gian-khờ mà mẹ tôi hay đau, tôi không có lý do gì vững chắc về sự quả-quyết đó, nhưng tôi vẫn tin tưởng là tôi nghĩ đúng.

Sau này, khi đọc được những cuốn sách nói về sinh-lý-học tôi đã hiểu được chứng bệnh của mẹ tôi, nguyên-nhân nào làm nảy sinh ra những chứng bệnh

HOA HỒNG

khó hiểu (đối với tôi). Bây giờ thì tôi hiểu rằng người đàn bà còn tuổi xuân mà bị thiếu thốn về sinh-lý thì trong người luôn luôn có những biến chứng về sức-khoẻ, tính tình trở nên khô khan khó chịu, tâm hồn mất thể quân bình. Hiểu được như vậy, hơn bao giờ hết, tôi nghe thương mẹ tôi da-diết.

Trước kia tôi luôn luôn có ác-cảm với những người đàn bà có hai đời chồng — nhưng bây giờ thì tôi không còn quá khắt khe với sự việc đó nữa — phải tùy trường-hợp mà phán đoán, mỗi sự việc đều có cái lý riêng của nó.

Có nhiều lúc tôi có ý nghĩ — hay là mình tìm cho mẹ một người bạn đường thứ hai? Nghĩa là tìm cho tôi một ông dượng ghê. Ý nghĩ đó càng ngày càng thành hình trong tâm khảm tôi và cứ lớn dần theo thời-gian, nhiều lúc tôi muốn nói ý nghĩ đó cho mẹ tôi nghe, nhưng chẳng hiểu nghĩ thế nào tôi lại thôi.

Một việc xảy ra đã làm xáo trộn cả đời sống con gái của tôi. Tôi đã yêu, vẫn đã yêu đương

đối với loài người quan-trọng và thường sự như chuyện ăn uống hằng ngày, thiếu nó thì chẳng sống được. Nhưng tình yêu của tôi là thứ tình yêu mà giữa thời-đại này bị nhiều người phủ nhận, tôi không ưa và chẳng thích thứ tình-yêu cổ làm ra vẻ tang-thương bi-đát. Tôi cho thứ tình-yêu đó là tình yêu giả-dối, lợi-dụng danh từ tình yêu, nhưng hôm nay tôi đã và đang gặp thứ tình-yêu đó. Thứ tình yêu mà từ trước đến nay tôi đã-kích, phủ-nhận.

Năm nay tôi vừa đúng mười tám tuổi, không, thiếu hai mươi một ngày nữa thì mới đúng mười tám tuổi, thế mà tôi lại đi yêu một người đàn ông lớn hơn tôi những bốn mươi tuổi, nghĩa là lớn hơn mẹ tôi đến mười mấy tuổi. Có thể là thiên-hạ sẽ cho tôi yêu người đó vì tiền. Không, không, hoàn-toàn không, người tôi yêu rất nghèo, nghèo đến nỗi có bữa chàng chỉ ăn một khúc bánh mì chẳng có tí gì trong ruột, giá bốn đồng bạc, số tiền mà giữa thời kỳ này, một đứa bé mua xôi ăn sáng không đủ no.

Thế tôi yêu chàng vì động cơ nào? Tôi không giải-thích được và cũng chẳng hiểu tôi yêu chàng vì nguyên-do nào. Vì tiền, vì tình, vì nghĩa, vì hai tâm-hồn không có sự cách-biệt? Ô! Có thể là tôi yêu chàng vì tất cả những thứ đó. Tôi yêu tất cả những thứ gì chàng đã có và đang có, cả cái dĩ-vãng chàng quá lãng mạn, có lắm người y u à cái tương lai chẳng thấy dấu hiệu vàng son vật-chất. Tôi không cần gì hết, tôi chỉ biết tôi yêu chàng, yêu mỗi mình chàng cũng như chàng chỉ yêu mỗi mình tôi (trong hiện tại) vì ở tương lai, tôi không có gì bảo đảm là chàng sẽ mãi mãi yêu tôi, chàng là một cánh bướm quá đa-tình, một cánh hoa dù đầy đủ hương sắc cũng sẽ khó mà giữ được chàng.

Tôi hay đưa chàng về ở chơi với gia đình tôi. Thật là tai hại khi mọi người nghĩ và bàn tán rằng chàng theo đuổi mẹ tôi, hình như mẹ tôi cũng có nghĩ như thế thì phải? Mẹ tôi có lý và mọi người cũng có lý, không có gì lỗi bịch khi họ nghĩ như vậy cả. Chàng cũng có vẻ xứng đôi

với mẹ tôi lắm, hơn là xứng đôi với tôi. Từ ngày có chàng hiện diện trong gia đình, mẹ tôi vui hơn, thảnh-thoảng tôi bắt gặp mẹ tôi ngắm bóng mình trong gương thật lâu, sửa lại mái tóc, nụ cười. Mẹ tôi cũng đã bắt đầu làm dáng lại đôi chút, bà chỉ làm dáng thật kín đáo, cốt đừng để ai nhận biết — nhưng tôi thì tôi nhận thấy rất rõ. Tôi thấy bà như một cây hoa lâu ngày thiếu nước, thiếu sự chăm sóc của một bàn tay nên nó khô héo, bây giờ cây được tưới nước đầy đủ, vun bón cẩn-thận nên nó trở lại hình thù tốt tươi. Tự nhiên tôi thấy mẹ tôi đẹp hẳn lên, một nét đẹp rất dễ quyến-rũ đàn ông hơn là bọn con gái thân hình khằng khiêu tung to ngọc lép mông đùi bằng phẳng của tôi. Bỗng nhiên tôi lo ngại, tôi lo ngại là tôi sẽ mất chàng, cuộc chiến tranh lạnh đang tấn công dữ dội trong lòng tôi. Tôi càng khổ sở ray-rút khi nhận thấy mỗi ngày mẹ tôi mỗi đẹp ra, trong khi đó tôi vì lo âu, vì sự dấn-vật làm gương mặt tôi thiếu mất nét tươi trẻ quyến-rũ. Có hôm tôi muốn bật khóc khi chàng cau

mày nhìn tôi lo lắng hỏi:

— Ô! Sao hôm nay em có vẻ bơ phờ và xanh xao thế này? Em bị đau à? Anh đưa em đi bác-sĩ nhé?

Tôi oán chàng, tôi trách chàng là một người thông minh lẽ nào chàng lại chẳng nhận thấy nỗi ưu-tư dấn-vật của tôi sao?

Nhìn nét sung-sướng, tràn đầy hy-vọng của mẹ tôi, tôi thoáng có ý-nghĩ — hay là mình nhường chàng cho mẹ? Không! không bao giờ, phải nói cho bà biết chàng là người yêu của tôi, của riêng tôi thôi. Tôi nghĩ vậy — nhưng tôi lại không nỡ làm cho nét mặt n.ư. đóa hồng thắm của mẹ biến mất, trở lại nét mặt già nua cằn cỗi. Hay là mình cứ giữ mãi tình-trạng như thế này.

Nhưng sự việc lại hoàn toàn trái ngược với dự định của tôi. Một hôm mẹ tôi đã trông thấy chàng hôn, một chiếc hôn thật dài, say đắm.

Nét đẹp của mẹ tôi vụt biến mất, biến nhanh như mười năm trước đây, hương sắc của bà đột biến tàn-tạ, khi ba tôi từ trần.

Tôi đau xót đến ứa lệ khi thấy mẹ tôi bắt đầu gắt gỏng với tôi, nhưng nỗi bực dọc của bà đối

với tôi được bà dồn nén, bà vẫn thương tôi, thương thật nhiều, tôi hiểu vậy. Bà cố tránh những việc làm tỏ dấu gắt-gỏng thiếu thân-thiện với tôi, bà vẫn cố giữ tình mẹ con đầm-ấm — nhưng thảnh-thoảng bà vẫn day-nghiến tôi:

— Mày không mắc cỡ với tui bạn mày sao? Trên quả đất này hết con trai rồi hay sao mà mày lại đi yêu một ông già? Thăng Minh, thăng Hùng nó lại kém thua một lão già à?

Dù mẹ tôi có nói gì, tôi vẫn giữ im lặng, không cãi lại một câu, tôi cũng chẳng oán trách bà, tôi hiểu mẹ tôi và tôi thương bà thật nhiều, thương hơn tất cả những người tôi thương trên thế gian này.

Nhiều lúc tôi có ý-nghĩ — hay là mình đoạn-tuyệt với chàng, đừng yêu chàng nữa? Không thể được, tôi chẳng thể sống mà thiếu chàng, tình-yêu là lý lẽ riêng của con tim, không thể đem một sự việc khác xen vào đây được và tôi cứ giữ im lặng, chứ không thể nào là n. gì khác hơn.

Mẹ tôi như một đóa hồng, chỉ nở một lần và sống một buổi sáng rồi tàn-tạ.

Ô! Đáng kính, đáng yêu làm sao những đóa hoa-hồng.

CHÙA THIÊN MỤ HUẾ

MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ



« Gió đưa cành trúc là đà
Tiếng chuông Thiên-Mụ canh gà Thọ-Cương »

Đó là câu ca dao mà người dân bản xứ thường nhắc đến để tả cảnh cổ đô Huế trước khi bình minh ló dạng. Từ Chùa Thiên-Mụ trên đồi Long-Thọ-Cương, văng vẳng tiếng chuông ngân hòa lẫn tiếng gà gáy tạo nên một âm thanh huyền bí, linh thiêng.

◀ THẾ-LAN (Triều - Văn - Tử)

Chùa Linh Mụ (còn gọi là Thiên Mụ) nằm trên gò đất cao ở phía tây Kinh thành Huế, thuộc làng Kim Long nơi nổi tiếng có nhiều gái đẹp. Chùa Thiên Mụ có lối kiến trúc cổ kính, hình tháp bảy tầng. Tục truyền rằng năm Tân-sửu (1601) khi Nguyễn Hoàng đi đến nơi này thấy giữa khoảng đất bằng phẳng nổi lên một gò đất như hình đầu rồng ngoảnh lại, Nguyễn Hoàng liền hỏi những người ở đây, họ trả lời: «Gò đất này rất linh, vào một đêm, một người ở đây

trông thấy một bà già mặc áo đỏ, quần lục, ngồi trên đỉnh gò rồi nói: «Rồi đây có Chúa đến lập chùa ở nơi này để tụ linh khí làm cho bền long mạch», xong biến mất. Từ đó dân chúng gọi gò này là núi Thiên Mụ. Nguyễn-Hoàng thấy đất linh bèn cho xây một ngôi chùa đặt tên là Linh Mụ

Chùa Linh-Mụ trải qua những ngày lịch sử

Năm Ất-tý (1665) chúa Nguyễn Phúc. Tần cho sửa sang lại. Đến

CHÙA THIÊN MỤ

năm Canh dần (1710) chúa Nguyễn Phúc Chu sai đúc một cái chuông nặng hơn hai tấn (3285 cân ta) và còn thân hành làm một bài văn khấn vào chuông. Tháng 6 năm 1714, chúa Nguyễn Phúc Chu cho sửa sang chùa Thiên Mụ rộng thêm. Cuối năm 1715, chúa cho xây trên con rùa đá cẩm thạch một tấm bia cao 2m,60 rộng 1m,20, có ghi lại công đức của chúa trong việc chấn hưng đạo Phật cùng nhiều chi tiết về lối kiến trúc của chùa.

Ngoài ra, trước chùa bên sông Hương, chúa Nguyễn Phúc Chu cho xây một đài để cầu cá gọi là «Điếu ngư Đài». Nhân lúc nhân rồi, chúa thường đến đó cầu cá, uống rượu ngâm thơ. Chúa đã sai người sang Trung Hoa mua Đại tạng Kinh và Luật luận hơn 1.000 bộ về để trong chùa.

Theo ông Bửu Kế, quản thủ thư viện đại học Huế, ngày xưa, chúa Nguyễn Phúc Chu thường hay đến viếng cảnh chùa. Tháng 7 năm 1714, chúa đã mở đại hội tại chùa Thiên Mụ và đã ăn chay trong vườn Côn Da suốt một tháng. Cũng nhân dịp này, chúa đã phát tiền gạo cho những người nghèo đói, ốm yếu, già nua.

—Vào đời Lê Mạc Tây Sơn, chùa Thiên Mụ bị tàn phá rất nhiều.

Những di-tích lịch sử trong chùa Linh-Mụ

Từ ngoài cửa đi vào chùa Thiên Mụ, chúng ta thấy điện Thiên Vương, điện Ngọc Hoàng, điện Đại Hùng, thuyết pháp đường lầu Tàng Kinh.

2 bên cửa chùa có lầu chuông lầu trống, điện Thập Vương Vân thủy, đường Tri Vi Vương Thiên đường, điện Đại Bi, điện Dược sư, và một vài căn nhà của các vị sư.

Sau chùa, một khu vườn rộng nhiều hoa thơm cỏ lạ gọi là Côn Da có nhà Phương Trượng cùng một nhà nhỏ khác dành cho các nhà sư nghỉ ngơi sau những giờ phút tụng niệm.

Lối kiến trúc chùa Thiên Mụ dưới thời Gia Long, Minh Mạng.

Đề cập lối kiến trúc chùa Thiên Mụ, ông Bửu Kế cho hay: trong khoảng từ năm 1815 đến 1831 vua Gia Long cũng như Minh Mạng chú trọng đến việc

CHÙA THIÊN MỤ

sửa sang chùa, kiến trúc cổ kính.

Điện Đại Hùng đã có từ đời Nguyễn Hoàng, ở chính giữa chùa Thiên Mụ gồm «chính đường» có ba gian, hai chái và «tiền đường» có năm gian hợp lại thành một toà. Trong điện thờ nhiều tượng Phật với một khánh đồng do Leon de la Croix, người Bồ Đào Nha đúc năm 1674.

Phía sau chùa có điện Di Lặc, điện Quan Âm, điện Tàng Kinh, mỗi điện có ba gian.

Trước điện Đại-Hùng về phía Đông và Tây, mỗi bên có một điện Thập-Vương, trước mỗi điện có một căn nhà gọi là «Lôi gia».

Ngoài điện Đại-Hùng có một cửa gồm ba gian có lầu gọi là «Nghỉ môn» trên mỗi vách cửa có sáu bức tượng Kim Ô nổi. Bên cửa tả có gác chuông, cửa hữu có nhà trống.

Trước cửa chùa, về phía tả, ngôi nhà lục giác chứa tám bia của chúa Nguyễn Phúc Chu, về phía bên hữu có nhà lục giác khác chứa chiếc chuông lớn đúc năm 1710.

Chùa Thiên Mụ, một trong số 20 thắng cảnh của cố đô Huế

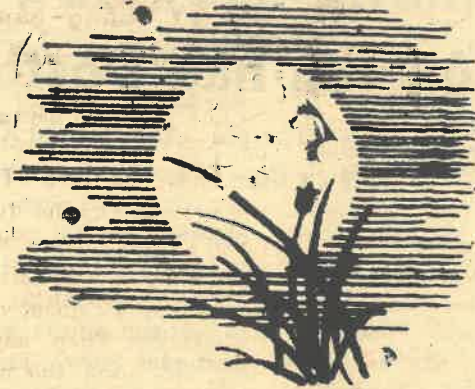
Chùa Thiên Mụ nằm gọn trong bốn bức tường gạch với tám gian lớn nhỏ. Năm 1884 (Thiệu Trị thứ tư) nhà Vua cho dựng thêm ngoài «nghỉ môn» một tháp hình bát giác cao 21m, 24 lấy tên là tháp Từ nhân, về sau đổi Phúc-Duyên. Tháp này có bảy tầng, mỗi tầng thờ một đức Phật, tầng cao nhất thờ đức Phật Thế-Tôn.

Trước tháp, nhà vua cho xây đình Hương Nguyễn gồm ba gian. Trên nóc đình có đặt một bánh xe gọi là pháp luân khi có gió thổi thì bánh xe quay.

Hai bên tháp có hai nhà chứa hai tấm bia, đôi bia cao 1m70, rộng 0m90, ghi việc kiến trúc tháp Phúc-Duyên, đình Hương Nguyễn và một số bài thơ của vua Thiệu-Trị khắc vào năm 1840.

Trong khoảng từ năm 1841 đến 1847, Vua Thiệu Trị đã chia đất thần kinh ra 20 thắng cảnh trừ Đại Nội và lăng tẩm, mỗi cảnh

CHÙA THIÊN MỤ



nhà vua đặt một bài thơ đề ca tụng. Trong đó, chùa Thiên Mụ là thắng cảnh thứ 14.

Năm 1904 (Thành Thái thứ 16) chùa Thiên Mụ hư hại nhiều vì bão lớn. Qua năm 1907 (Thành Thái thứ 19) nhà vua đã cho sửa sang lại. Từ đó điện Di Lặc và điện Thập Vương bị triệt hạ còn đình Hương Nguyễn dùng làm nơi thờ đức Quan Công.

Chùa Thiên Mụ hiện nay

Hiện nay một số di tích trong chùa Thiên Mụ đang được tu bổ như điện Đại Hùng, tháp Phước

Duyên, Quan Âm trong những năm gần đây. Còn một số di tích khác bị tàn phá vì tình trạng chiến tranh và thiên tai.

Chùa Thiên Mụ, là một ngôi chùa công, ngày trước nhà vua dựng lên để thờ cúng cho nên ngày nay muốn sửa sang do ngân sách kiến thiết, tư nhân hoặc Giáo Hội Phật giáo muốn tu bổ cũng không được.

Chùa Thiên Mụ trong những ngày gần đây được đặt dưới quyền điều khiển của Thượng Toạ Thích Đôn Hậu.

* THẾ-LAN.

Những ngày lưu - đày của văn-hào Dostoisky

Tác-giả: Anhem nhà Karamazov
« Bão Tố », đã đóng thành phim

Đêm 24 tháng chạp năm 1849, đúng vào đêm Thiên-chúa Giáng sinh, chàng Michel cùng với văn sỹ Miliokov, được phép vào thăm em là văn hào Dostoisky ở nhà tù trước khi văn hào bị đày sang Tây Bá Lợi Á. Hai anh em gặp nhau. Theo Milionkov người đầu khổ là Michel chứ không phải là con người ở trong vòng lao lý, sắp phải đi khổ sai ở Tây Bá Lợi Á xa xôi. Michel rạn tưa nước mắt khiến cho Dostoisky phải an ủi, dỗ dành anh »

Thật vậy, lúc bấy giờ Dostoisky hết sức bình tĩnh, khác hẳn mấy tháng trước, khi còn tự do, Dostoisky đã tự tạo ra rất nhiều căn bệnh tinh thần, cầu nhau suốt ngày, gây sự luôn luôn vì những lý do không đâu. Bây giờ chàng lại bình tĩnh chờ đơn sự thử thách gay go nhất « chờ lên máy chém » (Dostoisky đã bị xử tử rồi sau đổi tội danh thành khổ sai biệt xứ) rồi đi biệt xứ,

chịu khổ sai, đói rét, hành hạ. Đối với Dostoisky, việc đó cũng chẳng lấy gì làm lạ. Dostoisky là một con người của những tình cảm vượt khuôn khổ. Chàng chỉ thoả mái trong những hoàn cảnh đặc-biệt, chỉ thờ trong bão tố. Trong tác phẩm: « Kỷ ức viết trong hầm tối », Dostoisky viết: « Về phần tôi, tôi chỉ đẩy tất cả đến thái cực trong khi bạn, bạn không dám đẩy nó tới một nửa... »

Đúng đêm ấy, vào lúc chuông rang báo tin Chúa Hải Đông ra đời, cai ngục xích vào chân Dostoisky một chiếc xiềng sắt rồi dẫn chàng ra sân ngục, tại đây, xe ngựa không mui để chở tù đã đợi sẵn. Thế là bắt đầu một cuộc hành trình vô cùng vất vả giữa tuyết, bùn và lạnh suốt 15 ngày từ Saint Petesbourg cho đến Tobolsk, trung tâm phân phối tù đi đày ..

VĂN HÀO DOSTOISKY

Tù đày

Ở Tobolsk, Dostoisky lại còn phải đi 3 ngày nữa mới tới « pháo đài Omsk », nơi mà Dostoisky và bạn là Durov bị gửi đến.

« Pháo đài Omsk », trung tâm lưu đày tù chính trị lúc bấy giờ có một đơn vị gác tù trấn đóng do thiếu tá Krystjov chỉ huy. Krystjov là một con người tàn bạo, ngu xuẩn và rất kiêu ngạo, luôn luôn bị ám ảnh vì quyền hạn vô biên của y đối với tù. Lão uống rượu như một cái thùng không đáy mà vì thế, y lại càng tàn bạo hơn.

Hôm Dostoisky và Durov tới, Krystjov say bi tỷ. Lão khệnh khạng bước vào phòng đợi của tù, mắt đỏ gay, tay lăm lăm một chiếc roi gân bò, sẵn sàng đánh. Ngay lúc ấy, cai ngục gọi hai người đến ra mắt Krystjov. Lão này hét:

— Máy tên gì ?

— Dạ, Dostoisky

— Còn mày ?

— Dạ, Durov

Krystjov ra lệnh:

— Hai sỹ Quan ! Dẫn hai thằng này ra cạo đầu, cạo trắng một nửa đầu, để một nửa đúng theo

lối tù trọng tội. Ngày mai thay xiềng khác cho chúng. Lột hết áo quần của chúng, chỉ để lại cho đồ lót mà thôi... Còn chúng mày, coi chừng... lộn xộn là bị đánh ngay... »

Ngay lúc ấy, thợ cắt tóc của trại tù đến cạo sạch ngay nửa đầu, cạo sạch râu mồm và một nửa râu mép của Dostoisky rồi cai tù phát cho chàng một bộ quần áo: quần xám, áo xám lột có dính một ngói hình vuông vàng sau lưng, mũ vải không lưỡi trai. Về sau, Dostoisky viết trong tác phẩm « **Kỷ niệm trong nhà những người chết** »

« Ở đây không ai lạ ai cả... và cũng không ai được kể chuyện mình cho bạn tù nghe... Chúng tôi chen chúc — như những con cá mòi trong chiếc thùng ton-nô — trong phòng có đốt đến 10 đồng lửa, chúng tôi cũng chẳng thấy ấm thêm được chút nào mà chỉ được « hưởng » khói đến nghẹt thở mà thôi... » Trong thư gọi cho anh là Michel. Dostoisky viết:

« Từ chập tối cho đến sáng, không ai được ra khỏi phòng. Vì thế, người ta phải để cho chúng tôi một cái thùng... để làm gì chắc

anh biết. Suốt đêm tù cứ nhảy mũi rồi ho...khò, bần như heo... Ngủ trên ván, chân không có, chỉ có chiếc áo choàng đắp thừa chân. Vì thế, em gần chết vì lạnh thêm nữa, rệp, muỗi, ác mọtug...»

Thế nhưng chú giám thị rút lui là phòng tù ổn ngay. Tù nhân trở dậy hoặc tùm năm, tùm ba nói chuyện, đánh bài, đánh cờ, chửi bới đấm đá nhau cho đến mệt lử là lăn ra ngủ. Đến chừng 1/2 đêm, người ta chỉ còn nghe tiếng ngáy và tiếng xiềng va vào nhau loảng choảng. Chính trong cảnh sống ấy Dostoisky tìm giấc ngủ, tìm quên lãng. Bên cạnh chàng, anh thường phạm nằm bên đoán chừng chàng đã ngủ, lần tay vào túi chàng...Đằng kia, một người tù lại ho như xé phổi, anh khác lại thùng ù.

Đến gần sáng, một hạ sĩ quan đến mở cửa. Không khí trong, lạnh lạnh buổi ban mai tràn vào gian phòng hời hám, tù nhân nhất loạt đứng dậy. Anh thì làm dấu thánh-giá, anh thì chửi tục. Sau đó, tù lại gần các chậu nước mỗi anh được một ngụm, súc qua trống miệng rồi nhổ ra tay để rửa mặt. Hàng ngày, thức ăn

chỉ có một mẩu bánh nhỏ, và thìa « súp » rau.

Hơn thế nữa, Dostoisky và Derov lại bị bận tù ghét vì cả hai có học, quý phái — kẻ thù của dân nghèo. Tội trạng của cả hai lại không rõ, khiến cho đám tù vô học hoài nghi : Hai thằng này tội gì ? chúng giết ai ? chúng ăn cướp gì?...

Dostoisky ở trong toán thứ hai gồm có một số nô lệ, đặt dưới quyền điều khiển của nhà binh. Toán này được coi là đáng sợ, bị đặt vào tình trạng trừng giới « luôn luôn mang xiềng, luôn luôn phải có người canh... » Hàng ngày Dostoisky phải làm khổ sai. Công việc chàng thích nhất là vác gạch từ lò Irtych đến trại lính « Tôi rất thích công việc này mặc dù tôi gần bị gãy xương sống vì sức nặng »,

Những con người có lòng.

Trong số các nhân viên chính phủ ở pháo đài Omsk có một số hạ sĩ quan, cựu thủy binh ở hạm đội Baltique, bị hạ tầng công tác và bị gởi đi Tây-Bá-Lợi-Á vì cuộc nổi loạn ở trường Hải Quân. Sau một năm, họ lại được thăng hạ sĩ quan và ở lại coi tù. Họ

này thường hay ra ơn cho tù và Dostoisky thường được họ chiếu cố. Một hôm, Dostoisky ở lại trại không phải đi làm, ở nhà để « dọn dẹp » trại. Dostoisky đang nằm chơi thì thiếu tá Krystjov vô tình đi tới. Thấy vậy, lão hét lớn :

— Thế này là nghĩa lý gì ? Tại sao thằng này không đi làm.

Người thủy thủ trực trả lời :

— Nó đau

Krystjov lồng lên :

— Lão ! tao biết chúng mày « cứng » nó ! Vệ binh đâu ! Đem roi đến đây !

Dostoisky bị nọc ra. May thay, một thủy binh báo kịp cho chỉ huy trưởng Pháo đài biết. Chỉ huy trưởng là tướng De Grave thân hành đến tại chỗ và công khai cấm Krystjov không được hành hạ thể xác tù bệnh. Mặt khác, y sĩ của Pháo đài là bác sỹ Trojky cũng có cảm tình với

Dostoisky nhiều lần, bác sỹ cho Dostoisky đi « nhà thương » nghĩa là đi nghỉ. Bà Trojky lại thường cho chàng chè, có kki cho cả rượu, và có khi lại cho chàng mượn tờ báo bằng tiếng Pháp, tờ Le Nord (Miền Bắc)..

Cứ như vậy, cuộc đời lao lý của Dostoisky kéo dài 3 năm, trừ năm thứ 4, năm sau cùng là hơi dễ chịu. Nhờ khôn khéo, chàng quen được nhiều tù, quen luôn cả với các giới nhân viên nữa. Vì thế, chàng đã được phép đọc sách. Về sau, Dostoisky viết : « Khó mà tả được cảm tưởng của tôi khi được cầm đến quyền sách — một tạp chí — sau 3 năm... Tôi dán mắt vào từng chữ, tôi đọc giữa các hàng; tôi cố sức tìm kiếm ý tưởng khó khăn, những ảo vọng của thời đã qua; tôi tìm kiếm những dấu vết của những sự việc — trước kia — đã làm xáo động, đã tác dụng lên tư tưởng con người. Thế nhưng



Vị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VĂN HÀO DOSTOISKY

tôi thất vọng vô cùng vì tôi thấy tôi rất là xa lạ với cuộc sống...»

Đến mùa đông cuối cùng, Dostovsky sắp được phóng thích. Tuy vậy, chàng rất bình tĩnh.

Đêm cuối cùng ở trại tù, chàng đi thăm tất cả: thăm bạn tù, thăm trại giam, nhà bếp, buồn vô kể. Chính ở nơi đây chàng đã chôn vùi tuổi hoa niên, giết chết hết mọi hy vọng. Ra khỏi tù, Dostovsky đã trở nên già, mệt mỏi, chàng tự phải chiến đấu, đấu khổ, sống...để làm gì? cho ai?

Sáng hôm sau, chàng đến xưởng thợ rèn. Một anh tù thợ rèn dơ cao búa lên! Xiềng ở chân Dostovsky đứt. Chàng cầm đoạn xiềng dơ lên xem, ngậm ngùi.....

Dostovsky rời trại giam ngày 15 tháng 2 năm 1854, rồi phải đăng lính, vào làm binh nhì ở Tiểu đoàn 7 Tây Bà Lợi Á, đóng ở Sémipalinsk, tuyết phủ quanh năm.

TRẦN TỬ THUẬN

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm Ngũ - Lão - SAIGON

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
Saigon số 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Mùa mưa tháng tư

Quê hương mình cúi mặt
Niềm đau ngun ngút cao,
Đất gầy lên tiếng nấc
Muôn hoa cỏ úa xào.

Hàng cây buồn xõa tóc
Thành phố đứng trơ vơ,
Sỏi ven đường bật khóc
Đốc cat đầm sương mờ.

Hoang liêu vùng tuổi mộng
Sách vở thong ngáy trời,
Gục đầu trong vô vọng
Nghiên bút nghẹn không lời.

Còn gì nữa cho anh ?
Còn gì nữa cho em ?
Buổi học về mai nữa
Mây gió bủa vây thêm.

Quê hương mình cúi mặt
Lá vàng nước xoáy đi
Như con người thân phận
Như bến bờ chia ly.

Mưa sang mùa sụt mướt
Bên hiên trường thương đau,
Dây ghề dài im lặng
Thời còn gì nữa đâu ?

Chiều mưa thứ bảy 27-4

THÙY-AN
(Sông-vàng)



H Ồ N M A



□ NGUYỄN-QUỐC-KHƯƠNG

VAO khoảng năm 1951. Lao-xá Tiên-Hội, tức trại giam phạm nhân thuộc tỉnh Quảng-nam Đà-nẵng của V.C. nhằm một ngôi đình của xã Tiên-châu, huyện Tiên-phước, có tiếng là linh thiêng. Phía trước là đồng ruộng, sau là xóm làng thưa thớt. Chung quanh có núi non bao bọc. Tục truyền, trước khi chưa lấy làm nhà lao thì nơi đây không ai dám qua lại. Nông dân cây cấy không ai dám xây lưng vào đình. Đêm khuya đồng bào thường thấy

những đồng lửa đỏ rực trong đình. Cũng vì ma thiêng nước độc nên được V.C. đặt làm vị trí giam cầm những nạn nhân chiến tranh Việt-Pháp cũng như các cán bộ đảng phái quốc gia đối lập với C.S. và cũng vì thế mà số phạm nhân đến đây hầu hết là không có ngày về. Ngôi đình có cửa vách kiên cố được giam các tử tội và trọng phạm Hai bên cất thêm bằng tre, tranh để giam thường phạm, ngăn một bên giành riêng cho nữ phạm nhân.

Vchiến tranh càng lan rộng nên

HỒN MA

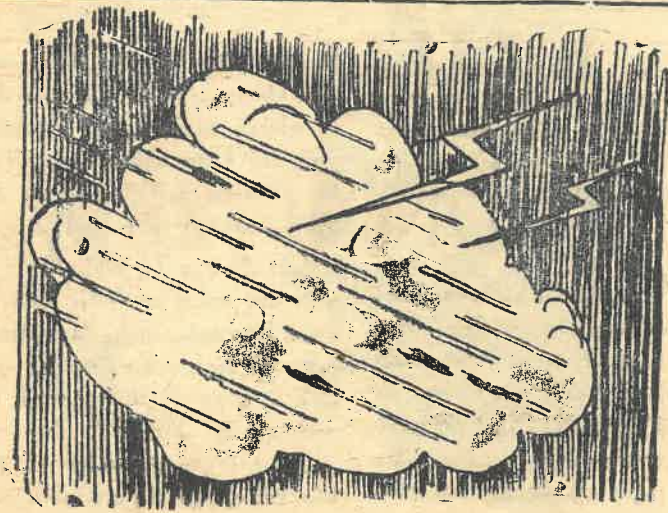
phạm nhân càng vào đông hơn. Nữ và nam, sự chung đụng có nhiều đều khó kiểm soát. Hơn nữa mấy ông công-an trật tự (lính gác) của V.C. ban đ m hay « tiếp xúc » lời thôi ới ữ phạm nhân nên ông Trưc g- hanh, trưởng ban quản trị (Đê-lao) trại giam mở rộng phạm vi nhà lao. Và cũng vì thế, trại nữ được dời xa ra độ cách 500 mét và kho ình đất gần dìa được san bằng rào rộng và xây cất thêm. Nơi đây có hai ngôi mộ vô chủ, khi phát dọn nhiều người trông thấy

Lao trại làm xong, chị em phạm nhân dọn về ở. Tối đến chị em mới tắt đèn đi ngủ thì bỗng thấy hai bóng đen chạy vào! Chị em thất vía, la hét và ngã ra bất tỉnh! Có người trông thấy hai mẹ con, một già, một thanh niên hiện ra. Ban-điều hô trại giam hoạt động cấp cứu ráo riết. Kẻ lẽ gió, người thoa dầu. . . Chị em, kẻ rên, người khóc nham liệt một dãy như ở nhà thương. Anh em thì vòng cẳng khiêng những người nặng đi bệnh viện Cây-Sanh ở Tam-Kỳ chạy chữa. Tình trạng này kéo dài trong 4, 5 ngày đêm. Chị em phải nhin phần cơm để

bán mua dầu thắp đèn chong suốt đêm không dám tắt. Lại một đêulà những bệnh nhân đến bệnh-viện thì khám không có bệnh gì, khi về đến ngõ trại giam thì bệnh muốn trở lại!

Lúc đó ông Tô-Nhĩ, Ủy viên giáo dục trại giam V.C. bèn tổ chức một cuộc mạn đàm tranh-luận để đánh t n tư tưởng ma quái và cũng để chứng minh lập-trường của chủ nghĩa duy vật vô thần. Nam phạm nhân các trại kéo xuống trại chị em, chia làm hai sạp, ai tin tưởng có ma ngồi một bên, ai tin không ma ngồi một bên để bàn cãi. Lúc đầu, phe có ma là một trăm lễ một, phe không ma có một trăm người. Ông Tô-Nhĩ cho phép trình bày những hiện trạng ma quái bằng mắt thấy tai nghe, ông đứng giữa để làm trọng tài

Lần lượt hết người này kể đến người khác kể, cuối cùng phía không tin có ma nhập qua phía tin có ma gần hết, còn chị em nghe kể chuyện ma lại còn thêm sợ! Sau hết, ông Tô-Nhĩ thấy cách trị hiệu « dĩ độc chế độc » không thành công bèn đồng-đạc đứng lên hô to khẩu hiệu:



« Không sợ ma ! không sợ ma ! ». Nhưng chị em lại trả lời : « Sợ ma ! sợ ma ! » Rồi giải tán, anh em trở về trại mình, và chị em cũng trở lại tình-trạng cũ, gây nên cảnh thê-lương nào-nuột...

Bỗng một chiều, gió mây vần vũ sấm chớp tứ tung, bên rào cạnh cầu tiêu sắt đình, một tiếng sét nổ ai nấy đều hốt hoảng... hôm sau thấy một bụi chuối bên vườn đồng bào bị chết và từ đó cảnh chị em chết chóc ma quái cũng không còn và trại giam cũng bị giải tán dời xuống làng Thăng-lãnh thuộc huyện Thăng-binh, nhường nơi này để giam anh em

phạm nhân hạng nặng các tỉnh Nam-Nghĩa, Bình-Phú, tập trung gọi là Phối-sở Liên-Khu V và từ đó câu chuyện ma quái này cũng lui về quên lãng họa chăng chỉ còn ghi sâu trong ký-ức của những anh em « nạn-nhân thời-cuộc » ấy mà ngày nay đã tàn-mác bốn phương như chim đồng-hạt rơi trong cảnh chém giết Trường-Kỳ vô cùng đen tối của đất nước này...

NGUYỄN-QUỐC-KHUÔNG

T.B. Có dịp rãnh chúng tôi sẽ góp thêm về mộng, quê Gia-cát thân-sở, những ứng nghiệm lạ lùng !

NHU MÁY ĐỒNG HỒ

□ Nguyên văn của Howard Breslin
□ Bản dịch của LƯU - BẢNG

Đó là một khung cửa kiếng nhỏ có những mẫu giấy hẹp dán ngang lên giúp cho nó khỏi vỡ những khi có các cuộc oanh-tạ, dữ-dội. Nội khoảng trống nhỏ còn lại chính giữa, một người nhỏ nhắn đeo kiếng đang cẩn-thận bày đồng hồ, thử treo trông lâu thử đeo tay. Ông không buồn chú ý đến nhiều người dân Luân-Đôn đang vội-vàng đi ngang qua, bắt đầu một ngày mới.

Bày hàng xong, người nhỏ thó kia ra khỏi tiệm nhìn chăm chú vào cửa sổ. Ông đã xếp đặt đồng hồ treo và đồng-hồ đeo tay rất là cẩn thận — đồng hồ treo nằm một hàng phía sau, và ở phía trước là một hình bán nguyệt những chiếc đồng hồ đeo tay nằm bẹp đi. Mặt tất cả những đồng-hồ treo được chia đôi ở

giữa bằng hai cây kim chỉ sáu giờ, tất cả những đồng hồ đeo tay, mỏng lần dày, đều chỉ kim thẳng vào ba giờ.

Ông chủ tiệm ra vẻ hài lòng gật gù: Được, hay lắm !

Chỉ một giờ sau, có một hành-khách bước xuống khỏi chiếc xe buýt ở góc đường. Hắn là một người cao lớn, râu mép màu hung, mặc áo tơ dầy và đôi nón đen. Hắn hơi thọt chân và tay cầm cần. Hắn mỉm cười khi cảnh-sát viên ở góc đường cất tiếng chào hắn. Tên của người thọt là Giáp-Hải, và thượng-cấp của cảnh-sát-viên kia sẽ rất vui sướng nếu biết chuyện này.

Giáp-Hải đi chậm, tỉ mỉ lên cây cần. Việc gập gở viên cảnh-sát không khỏi làm cho hắn thích thú và hắn cười thầm sự

ngốc-nghech của người Anh. Giáp-Hải nhìn vào cửa hàng của tiệm kim-hoàn.

Giương mặt hắn không lộ vẻ gì lạ lúc hắn nhìn từ những chiếc đồng hồ treo chỉ sáu giờ sang những chiếc đồng hồ đeo tay chỉ ba giờ. Hắn đã đi ngang tiệm một cách trung-thành mỗi ngày trong hai tuần-lẽ, nhưng hắn không bao giờ bước vào. Giáp-Hải vận lại chiếc đồng hồ tay của hắn rồi xô cửa.

Một người bán hàng đang nói chuyện với ông chủ hiệu kim-hoàn ở tít đằng đầu quầy, nhưng hai người quay lại lúc cánh cửa khép. Ông chủ tiệm, bước tới phía Giáp-Hải và nhìn hắn lom lom. Ông ta hỏi: Ông cần chi?

Giáp-Hải nói: « Cái đồng hồ của tôi dường như ngưng chạy được một tiếng đồng hồ gì đó ». Hắn tháo đồng hồ ra, đặt nằm trên quầy.

Kim đồng hồ chỉ chín giờ. Ông chủ hiệu kim hoàn nhặt chiếc đồng hồ lên.

Giáp-Hải bảo: « Và nhờ ông thay luôn cho giây. Giây này sắp như đến nơi ».

Hắn tựa vào quầy và chờ. Có

một lần hắn nhìn vào căn phòng phía sau, nơi người chủ hiệu kim hoàn đem cái đồng hồ vào.

Không đầy năm phút sau, người nhỏ bé trở lại. Ông trao cái đồng hồ có cái giây mới và Giáp Hải đeo nó vào. Ông chủ hiệu kim-hoàn dặn: « Ông hãy cẩn-thận. Đồng hồ này tốt lắm ».

Giáp-hải đáp hững-hờ: « Phải tôi biết. Và tôi tin chắc bây giờ nó sẽ chạy tốt. » Hắn trả tiền người chủ hiệu kim-hoàn rồi rời khỏi tiệm.

Suốt trên con đường trở về phòng mình, Giáp-Hải cảm thấy được cái giây mới trên cườm tay, nhưng không một lần nào hắn nhìn đồng hồ. Dù sao, trong công tác của hắn, không thể quá thận trọng.

Ngay khi vào trong căn phòng nhỏ nơi hắn cư-ngụ từ khi hắn tới Luân-đôn lần đầu, Giáp-Hải gạt bỏ mọi dáng dấp thọt chân và đi lại trong phòng một cách lẹ-làng vững chắc, khóa cửa và kéo mẫy lăm màn lại. Cuối cùng hắn đốt đèn trên bàn và cời chiếc đồng hồ tay ra.

Hành động nhanh chóng, hắn

tháo sợi giây ở hai đầu chiếc đồng hồ. Rồi dùng một con dao nhỏ, hắn mở mấy cái đầu của sợi giây ra và cuối cùng, từ một đầu giây hắn lấy ra một mẫu giây nhỏ thật mỏng. Hắn trải tờ giấy lên trên bàn, rồi dùng gương hắn bắt đầu đọc bức thư viết bằng mã-hiệu.

Bức thư vắng tắt, vừa đủ, viết như sau: « Quân xa ở công-trường vua Sạt sẽ chờ trung-đoàn 55 sáng nay. Ra tay lập tức. Giáp-Hải khẽ lăm-bấm. « Ra thế » Hắn đốt mẫu giấy trong cái gạt tàn thuốc. Trong một giây phút hắn ngồi suy-nghĩ.

Trước đó hắn đã biết một số quân xe ở công trường Vua Sạt sẽ được dùng để chở binh-sĩ từ Luân-đôn đi ra duyên-hải. Và ở một nơi nào đó trên con đường, xe và binh-sĩ sẽ bị chất nổ làm nổ tung lên từng mảnh.

Giáp-Hải kéo chiếc va-li của hắn từ dưới giường đem mở ra trên bàn. Hắn lấy ra một quả bom cũ thông-thường. Cột bằng điện vào phía dưới một động-cơ xe hơi, bom sẽ nổ khi máy xe nóng.

Hắn quyết-định đem theo

chừng bốn quả bom trong một gói nhỏ. Hắn chỉ có thể lo bấy nhiêu việc trong hai tiếng đồng hồ. Hắn có tin-tức chi-tiết về tất cả những nơi và những ga-ra các quân xa-đậu, và bây giờ, hắn xem lại tài-liệu của hắn về công trường Vua Sạt. Mười hai giờ đêm, tất cả binh-sĩ và thợ máy sẽ bỏ đi: hai giờ sáng, một cảnh-sát viên sẽ ngó qua để kiểm-soát. Giáp-Hải lấy làm tự hài lòng lắm. Nhờ sự vụng về của người Anh, sẽ chỉ có một mình hắn tại chỗ giữa mười hai giờ và hai giờ.

Việc suy-nghĩ đến tầm quan-trọng của thời gian nhắc hắn nhớ và hắn gắn một cái giây mới lên đồng-hồ rồi đeo đồng hồ lên cườm tay. Rồi hắn ngồi thật yên, nhìn trong quảng-trông, trong trí soát lại từng chi-tiết của kế-hoạch.

Giáp-Hải mỉm cười. Tự-nhiên lúc ở bên ngoài tiệm kim-hoàn, hắn vận chiếc đồng hồ lùi lại mười bốn phút để làm hiệu cho người chủ hiệu kim-hoàn. Hắn lại mỉm cười, bây giờ hắn vận chiếc kim chỉ phút của đồng-hồ lên đúng sáu mươi bốn phút. Nhờ không bao giờ quên những chi-

NHƯ MÂY ĐỒNG HỒ

tiết nhỏ nhặt đó nên hắn mới là một tên gián điệp giỏi và hắn biết thế.

Khi đến giờ Giáp-Hải cất bước cẩn-thận qua bóng tối của những con đường không đèn.

Tối con đường sau công trường vua Sạt, hắn dừng lại và nhìn đồng-hồ. Đứng mười hai giờ. Giáp-Hải mỉm cười. Mọi việc diễn ra bộ như mây đồng-hồ. Hắn chờ thêm mười phút nữa. đủ cho chắc bụng.

Giáp-Hải leo qua một hàng rào, tiến cẩn thận dài theo một quảng hẹp giữa hai tòa nhà, và trở ra công-trường Vua sạt, Hắn dừng một lát, đếm những hình dáng đen của những chiếc cam-nhông.

Giáp-Hải tiến đến chiếc quần-xa gần nhất. Hắn đặt cái gói xuống, lấy ra một ít giấy điện và một cây kéo cắt giấy trong túi. Hắn trường mình dưới chiếc xe,

và mò dài theo đáy của động-cơ. Nằm ngửa thật sát, làm việc trong bóng tối, hắn bắt đầu nổ quả bom vào đúng chỗ hắn muốn.

Có người dầm lên cườm chân của hắn.

Chân Giáp-Hải đau nhói, và hắn cắn môi, nín thở. Hắn nghĩ: « không, không thể có ai ở đây. Không bao giờ có ai vào giờ này. Ta đã soát lại nhiều lượt. » Nhưng sức nặng kia cứ tiếp-tục đè mạnh lên chân hắn.

Một giọng nói bảo : « Thôi được rồi bỏ. Ra khỏi đó đi. »

Chiếc kéo cắt giấy rời khỏi tay hắn. Mấy bàn tay chụp lấy chân Giáp-Hải kéo. Trong cơn hoảng-hốt, hắn đã thoát đứng dậy và cầm đầu chạy vụt đi.

Một người la lên. Có người thổi tu-hít. Một hình thù chẳng biết từ đâu nhảy tới, quật hắn ngã xuống đất. Giáp-Hải tổng



một quả dấm vào một gương mặt, hai lần, rút thoát ra, tiếp tục chạy. Hắn chạy ngay vào một bức tường, quẹo làm chỗ. Một ngọn đèn rọi ngay vào hắn. Hắn quay lại, nhưng quá trễ.

— Nó kia, bắt nó...

Giáp-Hải rút khẩu súng lục ra. Trong lúc chạy, hắn nghe họ la lên và càng lúc càng gần hắn.

Có tiếng nổ nhanh của một khẩu súng đằng sau hắn, và có một cái gì trúng vào lưng hắn. Giáp-Hải tự nghĩ : « Không, kế-hoạch tuyệt-hảo mà » Cảm thấy đau điếng người, hắn buột miệng yếu-ớt : « không ». Hắn đã chết lúc mấy binh sĩ tới nơi. Hắn nằm dưới đất, một cánh tay

đưa ra trước mắt chiếc đồng hồ chỉ giờ của hắn.

Một người lính trẻ nói : « Ai ngờ được tên này gan thế. Nó đi ngay vào coi chúng tôi như không có. Đồng-hồ của nó tốt lắm. Nhưng đồng-hồ vỡ rồi lúc nó ngã ».

Người lính thứ hai : « Đồng-hồ nhanh một giờ. Sau thế nhỉ? »

Người chủ tiệm kim-hoàn nhỏ bé còn ngạc-nhiên hơn khi ông đọc tin trên báo hôm sau về cái chết của Giáp-Hải. Ông nghĩ : « Thật không hiểu. Chắc hắn sợ ý chó gì. Phần ta, ta chẳng có làm gì sai cả. Ta lại còn vịn đúng đồng hồ của hắn trước đưa trả tại hắn. »

Đúng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

136C/Đ. N. / Đ. Đ. C.

xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx
tâm sự
 xxxxx

★ Riêng về N.H.T.
 (Pleiku)

Ta ôm chầm thân thể...
 Của linh hồn đăm-mé,
 Trong cuộc đời đau bề,
 Chứng tích đầy đau thương;

20 năm trời đồ lệ,
 Vì mảnh đất quê-hương,
 Mùa Thu từ độ ấy,
 Lá rơi ngập phố phường.

Nhưng thời gian đi mãi...
 Mang theo màu thê-lương,
 Vai tôi sòn áo chiến,
 Và ngập cả bụi đường.

Mira chiều lên đỉnh núi,
 Ai có vời quê hương
 Hoa nở mùa Xuân chét,
 Ai cướp mùa Xuân đi ?

Gieo điều tàn lòng đất,
 Cho nhân-thế cuồng-si.
 Thương bao người lữ thứ,
 Trên bước đường phiên-lưu,

Áo trần chừ tan-tác,
 Vời trông ! Chẳng hẹn về.
 Kia ! Đoàn người sương gió,
 Vời thân hình chân chề

Ô hay ! Còn đâu nhỉ !
 Lấp lánh giọt sương mai,
 Em thơ vui đùa hát
 Ê-a cuối đình làng.

Bác nông-phu cần-mãn,
 Trên cánh đồng bao ta
 Bền luống cây xanh mạ,
 Đòi trâu bạn một nhà,

Bao tháng ngày vất vả,
 Mùa Đông sắp đi qua,
 Nhà nông vui câu hát
 Chung nhau gặt lúa vàng..

Quê hương chừ ! Khói-lửa,
 Cho trẻ già ủ-ê
 Còn đâu ngày xưa cũ,
 Cho ai vẹn câu thề.

XUÂN. TÂM
 KBC 3263



MỘT ĐÊM XA NHÀ

HOÀNG-THẮNG

Thỉnh thoảng tôi có một phút
 bốc đồng, đến thăm bạn, ngồi
 nhậu nhết tán gẫu và cận giờ
 quá — giờ giới nghiêm — tôi đã
 ngủ lại nhà bạn. Tuy cuộc sống
 của tôi vẫn là một cuộc sống đi
 không phải hỏi ai, vì không ai
 hỏi rành, đi lúc nào cũng được
 mà về hồi nào cũng chẳng ai nói
 tới, thật là một cuộc sống rất
 phóng khoáng nhưng tôi vẫn
 phích được trở về nhà dù sớm
 hay muộn. Kẹt lắm tôi mới ngủ
 lại nhà bạn — như trường hợp
 cận giờ giới nghiêm, tuy tôi vẫn
 biết rõ khi tôi phải qua một đêm
 ở đây, sự thoải mái của tôi vẫn
 được giống như ở nhà. Nhưng
 dù có được thoải mái, các sự
 kiện qua một đêm tại nhà bạn

vẫn không được khoáng khoáng
 Chắc là vì thói quen!

Minh ở nhà, từng góc tường,
 từng chỗ đi qua — dù chẳng may
 đêm đó không có điện — minh
 vẫn nhớ. Nó gây cho minh một
 ý nghĩ chắc chắn « nó » là của
 riêng minh !

Sống có nhà, chết có áo quan
 câu nói của các cụ đã tỏ rõ cá,
 ý muốn tư hữu của con người
 Đã hy sinh ra đời, có hiện hữu
 là phải có một mái nhà. Ngay lúc
 mở mắt chào đời là một mái nhà
 của một bảo sanh viện, rồi là
 mái nhà của cha mẹ, sau đó là
 mái nhà riêng của cái tiểu gia
 đình. Rồi tiến xa hơn nữa, tới
 một ngày mà minh đầu bạc răng

long, mình đi về... cõi thọ mình phải có một chỗ để chui vào nằm cho êm đẹp.

Ở thôn quê miền Bắc, nơi những gia đình khá giả, người chủ gia đình thường làm sẵn hai cỗ hòm bằng gỗ vàng tâm, chạm trổ kỹ lưỡng, sơn son thếp vàng, đặt ngay nơi nhà để chuẩn bị cho một trong hai bên kia thế giới.

Người ngoại quốc, một khi không hiểu phong tục tập quán của người dân địa phương, nếu đã chính mắt mình trông thấy cỗ hòm để chính ịch ở trong nhà thì cũng hơi ón và ngạc nhiên. Ai lại, cuộc sống đang phây phây đầy hưởng thụ, lại để « của nợ » đó trong nhà làm chi khi sự hiện diện của nó chỉ là để nhắc nhở tới sự xa lìa, sự cáo biệt.

Có nhiều dân tộc, như người Ấn-Độ, người Cambodge, khi họ đã vĩnh viễn dứt khoát cuộc sống, thân xác họ được đốt thành than, một chút tro được cho vào hũ nhỏ để cúng kiếng, còn bao nhiêu đem rắc xuống sông Gange (như Ấn-Độ). Có bộ lạc ở miền sa mạc đầy cát bỏng lại đem người chết ném ra bãi

hoang cho kên kên rĩa hết thịt.

Người Việt ta quan niệm cuộc sống và cái chết rõ ràng như vậy, nhưng cuộc binh biến đầu Tết Mậu Thân và hiện giờ đã đảo lộn hẳn hoi.

Chiến tranh ác độc đã làm cho bao nhiêu người chết, từ người lính chiến trẻ trung tới cụ già còm cõi yếu đuối. Cái chết đã đến với họ quá lạnh lẽo...

Không thể còn có chuyện: sống có nhà, chết có áo quan được nữa.

Đau khổ thay là những người chết. Nhất là ngoài Huế. Một Huế rất cổ kính. Họ đã bị kẻ thù chôn chung một hố, chỗ mười lăm người, chỗ hàng trăm. Họ chết dồn cục, thân, xác đa kiểu và lẽ dĩ nhiên, trước khi chết, họ đã không có được một chút mát lòng hả dạ.

Còn những người sống? Nhà cửa bị thiêu rụi. Cuộc sống chỉ là những ngày chờ đợi trên đồng tro tàn, dưới ánh nắng gắt gay của một buổi trưa nung nấu hay dưới cái lạnh của một đêm dài có mưa rơi rả rích.

Đâu còn nữa, những hình ảnh

của một : « Hỡi cô tát nước bên đàng, sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi ! », hoặc : « Trong đêm trăng, tiếng chày buồng, ta hát vang trong đêm trường mệnh mang ! »

Giờ đây chỉ là những đêm thao thức, giạt mình vì tiếng nổ chát chúa làm rung chuyển nhà cửa. Những tiếng nổ làm người dân đô thành sốt ruột, khó chịu phá vỡ kinh hoàng và căm giận.

Và cũng vì có sự kiện này mà tôi không dám bốc đồng ở lại nhà bạn ngủ đêm nữa. Dù chuyện đang vui, dù rượu chưa cạn, tôi cũng bỏ ra về khi thấy đồng hồ đang nhích gần tới điểm « giới nghiêm ».

Dù sao về nhà ngủ vẫn hơn. Vì nó là..... nhà mình !



● Tài dân biểu

Một ông dân biểu trẻ tuổi hỏi ông Churchill :

— Theo ông, một chánh khách phải có những biệt tài gì ?

Ông Churchill đáp :

— Một chánh khách tài giỏi phải có thể tiên đoán sự gì sẽ xảy ra ở ngày mai, và ngày sau nữa, và phải biết giải thích vì những lý do gì mà những điều ông tiên đoán đó không xảy ra được.

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/B.V.T/ĐPDC

Hồi ký về chiến tranh Cao-Ly

TRẬN ĐỒ BỘ TÁO BẠO LÊN INCHON

★ MẠNH PHỖ

L.T.S.— Tài liệu này trích trong cuốn « Những trang hướng chưa ai biết về danh tướng Mac Arthur » của tướng Courtney Whitney.

Mặc dầu kế hoạch của mình đệ trình lên Ngũ Giác Đài (Bộ Quốc Phòng Huê Kỳ) về cuộc đổ bộ lên Inchon (Cao Ly) không được cứu xét, Đại tướng Mac Arthur lúc đó đương giữ chức Tổng Tư lệnh quân đội Liên Hiệp Quốc tại mặt trận Cao Ly vẫn tiếp tục phản đối kịch liệt bằng những báo cáo tối mật, tối khẩn liên tiếp gửi về Ngũ Giác Đài.

Sự quấy rầy có lý của vị danh tướng đó đã làm Ngũ Giác Đài điên đầu, các cuộc tranh luận gay go liên tiếp được triệu tập, sau đó đi đến quyết định là phái Đại Tướng Lawton Collins tham mưu trưởng lục quân, Đô đốc Forrest Sherman tư lệnh thủy chiến và các chuyên viên tới

Đông Kinh (Nhật Bản) để khuyên can và tranh luận về kế hoạch đổ bộ táo bạo lên Inchon của Đại tướng Mac Arthur (Inchon cách phía tây Hàn Thành 45 cây số).

Kế hoạch Đông-Kinh

Ngày 23 tháng 8 năm 1950, tại thủ đô của xứ Anh Đào có thể nói là ngày tranh luận gay go và quyết định về trận chiến Cao Ly giữa các nhà lãnh đạo quân sự.

Trước tiên, những chuyên viên Hải quân cho biết là sóng rất mạnh tại biển Inchon từ tháng 9 dương lịch trở đi.

Chung quanh Inchon có nhiều mỏm đá lởm chởm, nếu khi thủy đội xung phong vào bờ, mà chưa kịp rút ra khi thủy triều xuống, hạm đội xung kích sẽ là

TRẬN ĐỒ BỘ

cái mồi cho pháo đội phòng ngự ở ven biển ; và Đô đốc Forrest Sherman nổi lời, kết thúc bằng câu công tố trạng đặc biệt của các Đô đốc danh tiếng trên thế giới !

— « Nếu cần những chứng ngại về địa dư và hải chiến cho một địa điểm đổ bộ, thì người ta sẽ tìm thấy ngay ở bờ biển Inchon

Đại Tướng Mac Arthur mặt thật trầm tĩnh yên lặng hút ống dót.

Đến lượt các chuyên viên lục quân trình bày và cuối cùng là Đại Tướng Lawton Collins tham mưu trưởng Lục quân phát biểu ý kiến :

— « Theo tôi thì Inchon rất xa trận tuyến không lợi cho các cuộc đột kích của chúng ta. Hơn nữa quân số cộng sản Bắc Cao tăng cường chỉ nguyện quân Trung Cộng đông hơn quân số ta* đông rất nhiều rải rác chung quanh thủ đô Séoul (Hàn Thành)



nếu chúng ta không tính toán kỹ sẽ lọt vào ổ phục kích của địch.

Chúng ta nên luôn luôn nhớ rằng địch đã được lệnh áp dụng chiến thuật biển người tại toàn thể mặt trận.

Tôi đề nghị với toàn thể hội nghị, là chúng ta nên thảo một kế hoạch đồ bộ lên một địa điểm tương đối ít chướng ngại hơn Incheon : hải cảng Côn Sơn ở phía cực nam thủ đô Hán Thành.

Sau đó Đại tướng Lawton Collins và Đô đốc Forrest Sherman đồng quan điểm cố thuyết phục Đại tướng Mac Arthur chấp thuận kế hoạch đồ bộ lên Côn Sơn.

Không khí phòng họp trở nên nghiêm trọng và yên lặng một lúc lâu, Đại Tướng Mac Arthur mới chậm rãi nói :

— « Theo những tài liệu của chúng tôi, thưa quý vị, tôi tin rằng địch không phòng bị cần mật Incheon »

Ngừng lại ít phút, Đại tướng Mac Arthur thao thao bất tuyệt trình bày kế hoạch của mình một cách rất vững chắc và khoa học

— « Thưa quý vị, những chứng cứ của các quý vị vừa trình bày trước hội nghị về những gian

nguy mà chúng ta có thể gặp phải trong công cuộc đồ bộ tương lai vào bờ biển Incheon làm cho tôi thêm tin tưởng vào quyết định của tôi. Vì theo những tin tức mật thám lược được của cơ quan tình báo dưới quyền tôi thì địch tưởng rằng chúng ta không ngu dại gì dẫn thân vào cuộc mạo hiểm vô lý đó.

Thưa quý vị, còn về những lý do mà các bạn đại diện cho ngành thủy quân vừa trình bày về triều nước và các chướng ngại thiên nhiên mà chúng ta sẽ gặp phải rất quý.

Thưa quý vị, tôi đồng ý với các bạn đại diện thủy quân là những ý kiến của các bạn rất quan trọng và chính xác. Tôi nhìn nhận rằng cuộc đồ bộ vào hải cảng Côn Sơn ít nguy hiểm hơn vào bờ biển Incheon.

Nhưng thưa quý vị, với tư cách chỉ huy trực tiếp trận chiến Cao Ly, tôi nhận thấy cuộc đồ bộ vào Côn Sơn sẽ rất ít hiệu quả, vì chúng ta không thể cắt đứt nổi đường tiếp tế của địch quân.

Đại Tướng Mac Arthur nhấn mạnh.

• Sự chiếm đóng Incheon và vây Hán Thành sẽ cắt đứt đường

tiếp tế chính của địch, địch quân sẽ bị cô lập về phía nam bán đảo Cao Ly và sẽ đi đến chỗ tan vỡ.

Địch sẽ thiếu súng ống và lương thực, có thể sẽ bị ta đánh bại bằng một quân số ít hơn, nhưng được tiếp tế đầy đủ bởi quân đội Liên Hiệp Quốc.

Đại Tướng Mac Arthur lại dần từng tiếng :

— Thưa quý vị, giờ phút này là giờ phút lựa chọn.

Một là quý vị theo kế hoạch của tôi.

Hai là quý vị cầm cự một cách miễn cưỡng và đưa quân đội của chúng ta vào lò sát sinh, mặc cho địch tàn sát ở Phú Sơn và chiến tranh Cao Ly sẽ không bao giờ chấm dứt

Không ngập ngừng, Đại Tướng Mac Arthur chỉ vào bản đồ thế giới treo trong phòng hội nghị :

— Danh dự của Tây phương đương bị lâm nguy, hàng mấy trăm triệu người Đông Phương đương nóng lòng đợi xem kết cuộc.

Thưa quý vị, cũng chính tại Á Đông này, phe Cộng sản háo

chiến dùng làm bàn đạp để thôn tính Thế Giới Tự Do.

Nếu ta bị phe Cộng Sản đánh bại ở Á Đông, tương lai Âu Châu rồi đây sẽ tăm tối ; trái lại, nếu ta thắng, tương lai Âu Châu và Thế Giới Tự Do sẽ rạng rỡ.

Đề chấm dứt, Đại Tướng Mac Arthur lại dần từng tiếng :

— « Thưa quý vị, chúng ta hãy quyết định đi dù sự thực nó có phũ phàng, nhưng chúng ta sẽ có thể cứu sống hàng mấy trăm triệu sinh linh ».

Cuộc hội nghị đến đó bế mạc vì không có quyết định gì cả. Đại tướng Lawton Collins, Đô đốc Forrest Sherman và đoàn tùy tùng phó hội trở về phúc trình lại với Ngũ Giác Đài

GIỜ H

Ngày 29 tháng 8 năm 1950, Đại Tướng Mac Arthur nhận được một công điện của Bộ Tham Muo hỗn hợp tại Hoa Thịnh Đốn tới với những giọng vẫn tắt :

— « Bằng lòng... hãy điều động cho Thủy Quân Lục Chiến vào Incheon... »

Đợt đầu của thủy quân đồ bộ một cách yên ổn vào đó.



địch với sức kháng cự thật yếu ớt.

Bình minh 2 ngày sau, thành phố Inchon đã hoàn toàn bị chiếm đóng.

Sau 4 ngày cầm cự, địch quân bị ép vào gọng kìm, vội rút lui về phía nam bán đảo. Quân đội Liên Hiệp Quốc bắt giữ được 130.000 tù binh.

Còn về phía bộ binh và đoàn cơ giới hóa tiến một cách khoa học và vũ bão với một độ đường kỹ lục là 168 cây số ngàn về phía Bắc và sau 3 ngày đã liên lạc được với đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

Nội hơn 3 tháng, Đại Tướng Mac Arthur đã đổi hẳn được cục diện chiến tranh của Thế Giới Tự Do chống phe Cộng

xâm lăng, đương ở giai đoạn gần bại mà Đại Tướng Mac Arthur đã chuyển thành thắng và quân đội Liên Hiệp Quốc đã hoàn toàn làm chủ được miền Nam bán đảo Cao-Ly.

Đại Tướng Mac Arthur nguyên Tổng Tư Lệnh quân đội Liên Hiệp Quốc không những đã đại thắng phe Cộng ở Inchon mà ta có thể nói là đã cả thắng phe Cộng hoàn toàn về phương diện quân sự tại trận chiến Đại Hàn.

Mặc dầu nay ông đã thành người thiên cổ, nhưng chiến công của ông đã đưa ông vào hàng danh tướng của thế kỷ thứ 20.

✱ MẠNH PHỖ



MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI

□ Tựa bút của THUY

kéo lê dài đến chân chương. Năm tháng học trò thời già biệt, xa rồi những chiều vô tư nô đùa, những chiều mộng mơ nhạt cánh hoa soan ép vào lòng trang giấy.

Tình yêu có một uy lực mãnh liệt đến thế sao? Chưa khi nào đôi tay trống vắng như bây giờ. Tôi ngạc nhiên đến sửng sờ, làm sao ngờ được trong cuộc sống tình cảm của mình lại bị một

BUỔI chiều xuống thật nhẹ. Ánh nắng nghiêng dài trên thềm vắng, vẽ lên thẫm cỏ những đường nét nhịp nhàng, lung linh bóng lá. Hai hàng me trong sân trường thẳng tắp, cơn gió nhẹ thoáng qua lay động những chiếc cọng nhỏ xanh non. Một trận mưa lá me nhòa nhạt, bám vào mái tóc, êm dềm như bàn tay ve vuốt. Tôi vẫn ngồi đây, vẫn những chuỗi ngày lạnh nhạt

MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI

hình ảnh len vào ngự trị, làm xáo trộn, phá vỡ tất cả những ước muốn đang xây, những tương lai dự tính. Tôi yêu Nguyễn lúc nào, tôi cũng không biết được. Buổi sáng hôm đó, gặp Nguyễn, nắng mai rất đẹp, hay buổi chiều thứ hai kia, trời mưa ướt sân trường. Tôi không thể phân biệt được nồng độ tình cảm của mình, nhưng chắc chắn rằng những ngày kỷ niệm đó chỉ là những ghi dấu một tình yêu đã bắt đầu trong tiềm thức, ngay từ khi mới gặp Nguyễn lần thứ nhất. Tình yêu đơn phương, tôi không hề nghĩ rằng có thể một ngày nào đó, tôi sẽ phải yêu trong lặng lẽ trong cảm nín, như bây giờ, hiện tại. Những tình yêu đã qua đi trong đời, kể cả mối tình sâu đậm, chưa bao giờ tâm tư tôi bị chi phối nhiều đến như vậy. Có nhiều đêm thao thức, có xua đuổi nhiều hình ảnh Nguyễn ra khỏi não hồn, nhưng cuối cùng, tôi đành chịu thua. Tôi chợt nhớ đến câu danh ngôn của La Bruyère: « Cổ mà quên, tức là còn tưởng nhớ. Chỉ có đừng nghĩ đến, thì tình yêu mới quên được mà thôi ».

Nguyễn trước mặt tôi đấy, cùng không gian nhưng sao

ngàn trùng ngăn cách. Dân đắp ấy, như in đậm trong hồn, khắc sâu trong tim tôi. Là, Nguyễn không có gì đặc biệt cả, nhưng tình yêu trong tôi chột bùng nổ rạng ngời khi nhìn thấy Nguyễn cười lần đầu tiên. Đôi mắt cười theo môi, đôi mắt Nguyễn sắc và lạnh nhưng cũng ấm áp vô biên, tôi chết đuối trong vùng biển bao la đó. Vùng biển có chiều sâu khôn lường kia đã giam kín linh hồn tôi, siết chặt lại và ngàn năm không buông thả. Tôi chấp nhận cái chết đến từ từ, hoang mang nhưng vô cùng huyền diệu.

Nguyễn chẳng bao giờ biết đến tôi, thì trái lại, tôi chú ý Nguyễn rất rõ, theo dõi Nguyễn từng bước đi như một chiếc bóng, lẻo đẻo theo sau nhưng không làm sao bắt kịp được người.

Tôi nhìn Nguyễn đăm đăm, Nguyễn muốn đời trang nghiêm, chính Nguyễn đã quyến rũ tôi bằng cái lạnh lùng cố định đó. Chiếc mũi thẳng, gò má cao, nước da ngăm đen với dáng đi gầy hơi cúi xuống, nét mặt Nguyễn cương nghị nhưng buồn đến khắc khổ — có thể nói, thật sự mà nói, Nguyễn không đẹp —

MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI

nhưng tôi không thể tưởng tượng được, trên vùng điêu tàn kia, mỗi khi Nguyễn cười, tất cả bùng nổ hoa. Nụ cười của Nguyễn đã lôi cuốn tôi vào đam mê, đôi mắt Nguyễn đầy bóng tối, ấm áp và bình yên. Nắng chiều soi lên mái tóc Nguyễn hồng hồng, tôi liên tưởng đến những triền mây thu bay lơ đãng trên khung trời trong vắt, màu trời như màu áo Nguyễn chiều nay, xanh lơ ước vọng. Ngày xưa, tôi đã thuộc rất nhiều bài hát của Đoàn Chuẩn và Từ Linh ca ngợi màu xanh nhưng ngay từ bây giờ, ý nghĩa đó mới thực sự thành hình trong tâm tưởng.

Trước người mình yêu, không có gì là xấu cả, tôi chột mỉm cười, thật thê, ví dụ bây giờ Nguyễn mặc áo trắng, áo đen, áo hồng, áo tím, kể cả là màu tôi kỵ nhất tôi vẫn cứ yêu Nguyễn như thường.

Mi hồng nhòa, tôi gục mặt vào đôi tay. Tôi có lãng mạng lắm không? Tình yêu mây bay có bao giờ mình nắm được mà sao tôi vẫn ước vẫn mơ. Nguyễn đã có người yêu rồi, tôi biết, thật ra tôi chỉ tình cờ

biết được cách đây ba hôm, và tôi đón nhận tin ấy bằng một thoáng xao động nhỏ rồi bỗng đứng tâm hồn tôi bình thản lạ lùng. Tôi không thể phân tách nổi tâm trạng của mình lúc đó, buồn hay vui đây, nhưng tôi cảm thấy hình như có một vật rất nhỏ, dăm nhẹ vào tim.

Nguyễn đang ở xa tôi lại càng xa thêm muôn trùng. Linh tính tôi bén nhạy đến độ tôi đoán nhận được ngay người của Nguyễn ngay buổi sáng hôm đó, khi tôi thấy hai tia mắt trao gửi và chắc chắn hơn nữa, khi tôi bắt gặp hai người đón đợi nhau trước cổng trường. Tôi bỗng dưng ra giận Thu, cô bạn mới quen đã cho tôi hay chuyện. Thà không biết thì thôi. Ít nhất sự kiện trên đã gieo buồn cho tôi trong khoảng thời gian sau này, tuy không nhiều lắm nhưng cũng đủ nhạt nhòa những đêm dài thao thức, chép nhật ký và làm thơ.

Những bài thơ tôi viết cho Nguyễn, từ lúc ban đầu, chớm yêu, rất nhiều và chắc có lẽ những vần tiếp theo sẽ toàn là điệu buồn vô tận. Tình ái giả từ không một lần nghe

Nguyễn nói, không một lần trông thấy Nguyễn cười. Yêu đương vội đến vội đi chỉ một mình tôi hay biết, chỉ tâm tư tôi chợt vui chợt buồn. Nguyễn ơi có bao giờ anh hiểu được em không? Câu chuyện Thu kể cho tôi nghe không biết có nên tin? — « Thùy ạ, nàng của Nguyễn mới trở lại cùng cố nhân sau một chuyến phiêu lưu tình ái với kẻ khác, nhưng rồi anh chàng vẫn tha thứ và bây giờ thì coi bộ hai người thấm thiết lắm cơ ».

Hôm ấy vào lớp, tuy rất bình tĩnh, nhưng sao tôi không viết được một chữ, đầu óc quay cuồng. Tất cả sự việc xảy ra quá nhanh chóng, giấc mơ tôi đang xây thành hình thoáng chốc vỡ vụn như bọt nước trùng khơi. Yêu đơn phương, tôi vẫn linh cảm sẽ có một ngày như vậy, nhưng tôi không ngờ ngày đó đến với tôi quá sớm, bàng hoàng và tê buốt tâm tư.

Trong cuộc sống tình cảm, lần đầu tiên, mang một chứng tích chua cay. Bỗng dưng tôi nghĩ đến sự vay trả, vòng luân hồi lần quần, tôi đã từng gieo khổ cho những người yêu tôi, bây giờ, đến lúc tôi gặt hái tất cả những cơn gió về góp bão.

Thu còn muốn kể cho tôi rất nhiều về Nguyễn, con người được rất nhiều người yêu, nhưng tôi không dám nghe nữa, biết được như vậy đủ rồi. Tôi nói lảng sang chuyện khác mỗi lần Thu muốn nhắc đến Nguyễn, cô nàng vẫn thích lái vấn đề sang Nguyễn — xin từ chối thủ đầu thương.

Sự cao thượng của Nguyễn đối với người yêu làm nồng độ mến thương của tôi tăng dần đều. Nhiều lúc tôi hoài nghi, con người khác thần thánh ở chỗ đó. Có thể người ta cố ý bịa chuyện để bôi nhọ người con gái Nguyễn yêu, để nói xấu Nguyễn, và cũng để gián tiếp bảo tôi, Thùy ơi, mày

đã đặt tình yêu sai chỗ, Nguyễn có còn gì cho Thùy đâu. Dù sao tôi vẫn chưa nguôi yêu Nguyễn và có lẽ hình ảnh Nguyễn sẽ sống mãi trong tôi, suốt đời.

Liền tại, Nguyễn vẫn rất xa xôi, hai môi trường khác nhau tuy cùng không gian. Tôi biết Nguyễn quá muộn, chưa quen, chưa tìm hiểu thì khổ đau vội tìm về. Tôi chưa chất nghĩ đến câu : « mỗi khi yêu, người ta cứ tưởng là mỗi tình cuối cùng, mãi cho đến bao giờ gặp đúng mỗi tình cuối cùng, người ta mới biết là đang yêu lần đầu tiên ».

Những lần đến trường, tôi cố gắng không nhìn Nguyễn, tôi cố gắng quên đi Nguyễn, nhưng đôi mắt nồng say kia vẫn tìm về trong giấc ngủ, len vào mộng mộng nhòa lên từng trang vở, giòng thơ. Nguyễn ơi, người yêu của anh đó, đừng... em thấy anh nữa ! Tình yêu cho đi, còn lại mình em ôm nỗi buồn năm tháng, Vầng trời triu mến đã khép kín, em bơ vơ khóc ngoài vòng tay anh.

★ THÙY
(Saigon)



I DON'T KNOW HOW MY GRANDFATHER WAS ; I AM MUCH MORE CONCERNED TO KNOW WHAT HIS GRANDSON WILL BE,

ABRAHAM LINCOLN

(Tôi không biết ông-nội tôi là người thế nào. Tôi chỉ cần biết đứa cháu nội của ông sẽ là người thế nào).

★ ON VOIT QU'UN AMI EST SÛR QUAND NOTRE SITUATION NE L'EST PAS

CICÉRON

★ (Người ta nhận thấy một người bạn chắc chắn khi nào tình-trạng của ta không chắc chắn).

Dùng midol với các chứng đau nhức và cảm cúm
CƠ BẢN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐDDC



Giấc mơ Thiên Thần

Ôi huyền-diệu một trời xuân vừa đến,
Vuốt ve hồn bằng cửa ngõ thành-ihang.

Mở cho nàng, dành cho cô bé đó
Bước vào đi e ấp ngại-ngùng chi
Lối tháp, thoáng nắng không buồn bỏ-ngỡ
Tiền cảnh đây rồi mình theo dấu mà đi
Đây là những thân hình mang sức sống
Hoa là muốn là vạn nụ cười tươi.
Đơm kết trái bằng đôi người say đắm,
Ban cho nàng, cho cô bé xinh tươi,
Nàng mãi đưa tay hái những chùm trái đỏ.
Mắt không thôi nhìn những hoa ngát hương yêu.
Chân mãi bước trên con đường xanh cỏ,
Hồn dạt dờ bay theo tiếng sáo ru chiều,
Bỏ vào lòng cho đây không khoảng trống,
Uống cho nhiều cho say mắt đầy môi.
Trong khi gió cất lời ca vô vọng,
Rằng bước chân nàng thờ ơ quá đi thôi,
Gió ghen ư ? Gió ghen cùng cây cỏ.

Bảo rằng nàng không biết đến tên tôi.
Vi cứ mãi đùa vui cùng tất cả.
Mà quên rằng có kẻ vẫn đơn côi,...
Rồi một sáng khi chong hồn thiếu nữ,
Vẫn cứ ngỡ mình nàng công chúa ngày xưa,
Chân riu rít bước đi tìm hoàng tử,
Miệng liu lo câu hát vọng hư ngờ dờ.
Nhưng tất cả làm sao hoang vắng thế !
Vườn xinh tươi cây cỏ biển dâu rồi.
Chỉ còn lại vùng hoang vu nghĩa địa,
Quá rụng rời nàng chết giấc đi thôi.
Ôi giấc mơ tô hồng lên đôi má,
Mơ ở trong đời và trong cả trần gian,
Vườn thượng giới ở ngay trên đất lạ.
Tiền cảnh mắt rồi hồn nhưng nhớ hoang mang,
Đây tiếc nuối nên chỉ buồn nhiều lắm.
Vẫn vợ hoài chờ tiên giới nơi mơ ?
Cho nàng mãi là thiên thần áo trắng,
Biết bao giờ, hờ hững mộng hư vô....
Nàng chợt hiểu xuân giận hồn bất mãn.
Chỉ tại trời không thương nữa đó thôi,
Cây bỏ đi vì không còn duyên dáng.
Cỏ tránh xa hoài làm cô bé đơn côi,
Tóc thề đen, áo học trò vẫn trắng.
Dấu cũ mắt rồi buồn áo trắng bơ vơ,
Tròn tuổi mộng mà hồn đây hoang vắng,
Tiếc nuối nhiều có bé khóc làm thơ.

NHẬT-HUYỀN-THANH >
(Pleiku)

HỒ - XUÂN - HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

□ NGUYỄN - VỸ

(Xem P.T. từ số 202)

V—Kiêu-hãnh-tính của Phụ-nữ trong bài thơ « Đèo Ba Dội »

(Tiếp theo P.T. số 209)

HỒ-Xuân-Hương tả những chi tiết cảnh Đèo Ba Dội bằng bốn câu thơ, đã quá đủ. Cô có thể hoàn-toàn thỏa-mãn, nhìn thấy tinh hoa ngào ngạt của cô chảy thấm tràn trên tờ giấy bởi năm song song âu yếm bốn vần thơ. (1) Nhựa thơ lai láng chan hòa với men nồng đê mê của cảm hứng.

Khách yêu thơ cũng thỏa mãn trong niềm khoái lạc được khám

(1) Hồ-xuân-Hương làm thơ trên giấy bồi, loại giấy nội hóa sản xuất ở làng Bưởi, gần Thăng Long.

phá bí ẩn huyền diệu tinh vi của nghệ thuật chơi thơ.

Tuy tào nhân mặc khách nhận thấy Nàng Thơ Thăng Long bướng bỉnh, kiêu hãnh, vì tài hoa quán chúng của mình, vì phẩm giá cao quý của phụ nữ mà luôn luôn trong văn chương nâng gìn giữ, bênh vực, nhưng chúng ta rất thông cảm với thái độ tự chủ bất khuất của nữ sĩ, của tất cả nữ giới có ý thức, không chịu để người đàn ông coi thường.

Bản chất độc lập ấy có lẽ, — trên bình diện tâm lý, — là một hình thức tế nhị chống đối một

HỒ XUÂN HƯƠNG

mặc cảm. Không giáo, theo đó người « phụ nhân » bị hất hủi khinh khi.

Sự chống đối ấy rõ rệt nhất trong hai câu kết của bài thơ :

**Hiền nhân, quân tử, ai là
chẳng g..**

**Mỗi gối chồn chân cũng
phải trèo.**

Đề thách đố lại Không giáo, và luân-lý xã-hội của Không-giáo, Hồ-xuân-Hương không ngần ngại chỉ mặt ai là « hiền nhân quân tử » (ai, nếu không phải là mấy kẻ mô phạm tự hãnh diện là đệ tử của Không giáo, vênh vang tự xưng là quân tử, hiền nhân ?) Ai là chẳng...? Chẳng...gi ? Chẳng...khỏi cảm cảnh Đèo ? Chẳng...đê mê trước « cửa sơn đỏ loét bùm tùm móc » ? Chẳng...mẩn mó « hòn đá xanh ri lún-phún rêu » ? Chẳng...thích thú với « cảnh thông cơn gió thoảng », với « đầm đĩa lá liễu hạt sương gieo » ? « Ai » đó, — những « ai » đó, — thường chê...đèo cao, phải qua ba đợt,


nào cửa sơn, nào đá, nào móc nào mẻo, nhưng rốt cuộc rồi « mỗi gối chồn chân cũng phải trèo » !

Ha ha ! Tại sao lại mấy ông « hiền nhân quân tử cũng phải trèo » ?

Tại vì cái đèo chắn ngang hai miền Nam Bắc, thì trong muốn ra, ngoài muốn vào, để kết cảm giao duyên, không ai không thể không trèo !

Không ai không thể không trèo, ba trường cũng vượt ba đèo cũng qua. « Hiền nhân quân tử » có khác gì kẻ tục tử phạm-phu trước nhu cầu của thông lệ đó ?

Với một dụng ý ranh mãnh, Hồ-xuân-Hương muốn nhấn mạnh bốn chữ « mỗi gối chồn chân » để thử thách thầy trò cụ Không. Trèo Đèo Ba Dội, không phải chỉ là một cuộc thể thao riêng cho kẻ trai tráng, người thường-dân, bộn khai rừng, đốn củi, những người này chẳng phải mệt nhọc lung trong khi

 **Midol**
1560/57.1/000C

Tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

HỒ XUÂN HƯƠNG

làm công tác ấy. Hồ-xuân-Hương có ấn ý khác. Nàng thương hại, với một chút mỉa-mai, những bậc Thánh hiền, quân tử, râu tóc bạc phơ, tuổi tác đã trọng đã mòn, biết trèo đèo là một hành động liều lĩnh « mỗi gối chồn chân », nhưng « cũng phải trèo » cũng cố trèo, dù không sức mấy cũng... trèo! Đó là tác phong « cố đấm ăn xôi » của các cụ... hiền-nhân, quân-tử.

Thật là một thách đố trào lộng vô cùng thâm thúy!

Chúng ta phải hết sức ngạc nhiên nhận thấy rằng một phần tư thế kỷ XVIII, suốt cả thế kỷ XIX, qua đầu thế kỷ XX là thời gian Hồ-xuân-Hương ngự trị trong văn học Việt-Nam, bao nhiêu những ông Nghè, ông Cống, ông Trang, từ Lê Mạt, qua thời đại Quang-Trung, đến Hậu-Nguyễn, chẳng một bậc « hiền nhân quân tử » nào có khả năng đáp lại tiếng thơ kiêu hãnh, ngạo mạn, của cô gái họ Hồ!

Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn-Khuyến, Chu-mạnh-Trinh, Trần-kế-Xương, (chỉ kể vài kiệt bút của châm biếm, trào lộng) những « hiền nhân quân tử » ở thời đại hoàng kim của Văn Hán, Văn Nôm, sao không lên tiếng để bảo vệ danh dự của con người Khổng giáo, và của con người Nam nhi?

Có những người đã nhắm mắt khen bừa bãi thơ Đèo-Ba-Dội, có những kẻ đã nhắm mắt chê bừa cũng bài thơ ấy.

Nhưng không mấy ai tìm kiếm xem cái gì siêu phàm kinh ngạc, chứa đựng trong mấy câu thơ lắt léo của cô nữ-sĩ mặt rỗ ở túp nhà tranh làng Nghi-Tâm, em gái họ kỳ tài của Hoàng-đế Quang-Trung?

oOo

Hồ-xuân-Hương đã vượt xa Sapho, nàng thơ đắm tình khả ái bậc nhất của Hy-Lạp tiền sử, bậc nhất của loài người hiện đại.

Sapho, nữ-chúa cù lao Les-

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/BPDC

HỒ XUÂN HƯƠNG

bos, biến đục tinh làm chất khoái lạc của Thi ca. Hồ-xuân-Hương, trên bờ Hồ-Tây gợi đục tinh làm tác phong kiêu hãnh, và dùng Thi ca để siêu hóa đục tinh.

Sapho là người Đan bà nằm ẻo lả trong Thơ và Nhạc với tất cả huy hoàng của lửa thể đợi chờ rung cảm. Hồ-Xuân-Hương không hẳn thế. Nàng là đan bà với tất cả thơ, nhạc, trong lửa thể suy tư và kiêu hãnh. Cho nên Sapho thông biến mọi nơi và mọi thời kỳ. Hồ-xuân-Hương là thần tượng độc nhất qua thời gian và không gian.

Xin đừng quên rằng Hồ-Xuân-Hương không phải là một người, lăng lờ. Không có bài thơ nào-câu thơ nào của cô là lăng lờ cả. Không thể có một liên cảm nào giữa những vần thơ diễm tuyệt của cô và các loại văn chương nhằm nhĩ của một Cống Quỳnh, một Ba-Giai một Tú Xuất.

Đèo Ba Dội là bài thơ điển hình nhất của Hồ-xuân-Hương. Về tư tưởng cũng như về nghệ thuật, nó đã vượt đến một mức độ thâm-mỹ cao siêu tuyệt đối.

N.V.

(còn nữa)



Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc « Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 1-9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sớ sai ngoài da mà hết. Uống **Giải phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon
(K.N. BYT. số 3-9-5-63)

KHÔNG mái nhà



□ Truyện MẶC-TƯỜNG

Chiến cuộc khởi sự, cũng là lúc gia đình tôi bắt đầu suy sụp. Từ đó, mằm móng chia rẽ cũng mạnh nhà dữ dội vì sự tranh chấp quyền lợi. Anh em tứ tán mỗi người một nơi. Lúc đó tôi còn nhỏ và bị « giam » trong một trường giòng. Đến một ngày ông giám thị gọi tôi lên cảnh cáo lần thứ nhất vì tôi không đóng tiền nội trú. Rồi lần thứ nhì. Rồi lần thứ ba. Thế là tôi bị tống cổ ra khỏi trường ngay, chẳng chút do dự nương tay. Và không hiểu tại sao lúc đó tôi cảm thấy thù ghét hết thảy mọi người trên quả đất này. Tôi nhìn khuôn mặt ông giám thị, những thầy dạy, những bạn bè mà tôi hằng kính mến, sao bây giờ đều mang rõ cái vẻ « khó ưa » như nhau, tưởng chừng tôi có thể hành động sát nhân dễ dàng, không gợn tay chút nào.

Ra khỏi trường, lần đầu tiên đầu óc non nớt của tôi biết thù hận và ghê tởm đủ điều. Dường như tôi không để ý ới cái lý do chính, rất sòng phẳng là tôi không có tiền cho nên người ta mới cư xử với tôi như thế.

Thật ra thì trường hợp đó bây giờ chẳng có gì phải suy nghĩ cả.

Khi tôi về đến nhà, mọi người đối với tôi như xa lạ. Những lời đối thoại không còn gì thân thiết, ruột thịt anh em. Tôi tưởng chừng mình là một khách trọ, không hơn không kém. Và lẽ dĩ nhiên tôi không còn quyền hành tối thiểu của một người trong gia đình như xưa.

— Tùy mày, liệu ở đây được thi ở, hoặc muốn đi đâu cứ đi!

À ra bây giờ tôi phải tự lo lấy đời sống, chẳng còn ai có thể lo cho tôi được. Tôi nghĩ rằng đó

KHÔNG MỘT MÁI NHÀ

là lời cảnh cáo « hãy cút đi con » và tôi chợt thấy chua chát phũ phàng. Từ nay cuộc đời tôi sẽ ra sao? Tôi bắt đầu bước vào cuộc đời thực bằng những bước chông chênh mù mịt thế nào? Sao lại có thể như thế? Tình anh em đâu? Tôi phải có thái độ gì đối với anh tôi? Tôi nên ở lại hay nên ra đi? Và đi đâu? Anh Dư tôi thì bị « kẹt » ở miền ngoài. Tất nhiên tôi không thể theo anh ấy. Và cũng không thể trông cậy vào anh ấy điều gì. Khi bị đuổi ra khỏi trường, tôi không thể nào tưởng tượng được rằng anh Thuấn tôi sẽ hành động như thế đối với một đứa em. Hốt nhiên, tôi vùng dậy như con thú dữ sau một hồi im lặng:

— Anh không muốn tôi có mặt trong nhà này phải không? Hả? Hả?

Anh tôi có vẻ ngạc nhiên vì lần thứ nhất tôi có phản ứng thẳng. Anh nhìn tôi với vẻ bức tức:

— Mày muốn nghĩ thế nào cũng được.

Vậy là đúng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Từ lúc này tôi nghĩ ở lại hay đi không thành

vấn đề. Nhưng tôi phải nói cho anh tôi biết rằng tôi bất cần. Và tôi đã hiểu vì sao anh không muốn tôi có mặt trong nhà này.

— Chắc anh cũng biết là nhà cửa, gia đình của chúng ta không còn. Anh Dư thì ở ngoài kia. Ở đây chỉ còn có mỗi mình anh, thế mà tôi không sống chung với anh được thật là điều đáng buồn đấy.

— Tao cũng muốn mày ở đây với tao nhưng...

Tôi thấy cử chỉ anh ngượng ngập gần như không thể nói nên lời. Tôi liền cắt đứt:

— Anh đừng nói thêm gì. Tôi đã hiểu hết mọi sự... Ồ! thật giản dị quá.

Anh tôi ngồi im, ra chiều nghĩ ngợi. Tôi cũng không muốn nói gì nữa. Thật ra chẳng có gì nữa để nói.

Tôi nhìn qua bức rèm the giới hạn giữa phòng khách và phòng ngủ. Chị Thuấn đang đùa giỡn với mấy cháu như không muốn nghe thấy câu chuyện diễn ra giữa anh Thuấn và tôi. Nhưng chẳng phải thế đâu. Chính chị ấy đã theo dõi câu chuyện không bỏ sót một chi tiết con con nào.

Và hình ảnh lúc ẩn lúc hiện của chị đã tổ cáo điều đó.

Tôi buồn bã vô cùng, nghĩ đến cái thảm kịch gia đình không biết kéo dài đến bao giờ mới chấm dứt.

Tôi bước vào phòng trong chào chị dâu tôi một cách nhã-nhặn, ra dấu giả từ mấy đứa cháu. Bỗng chúng reo lên :

— Chú đi đâu hở chú ?

Tôi thấy trong lòng đau nhói như đột nhiên bị cắt đứt tất cả những thân yêu. Tôi nói với chính mình : « làm sao tao có thể bảo tại đây là ngoại lai, không phải là giòng họ con cháu tao ». Dù vậy tôi vẫn phải đi ngay sau đó.

Từ đây tôi chẳng còn gì nữa. Tôi bị đánh bật ra khỏi gia đình và tước đoạt quyền hành một cách dễ dàng. Tôi phải lưu lạc đến bao giờ và tìm kế sinh nhai cách nào ? Cả hai người anh tôi không sống chung được với ai, vì lý do này hoặc lý do khác. Thật là điều mai mỉa hết sức.

Tôi đi lang thang rày đây mai đó. Chẳng ở chỗ nào lâu dài. Chẳng tìm được sự sống bảo đảm. Tôi vẫn biết mỗi phút trôi qua là một tàn phá khủng khiếp

vậy mà tôi vẫn phải kéo lê cái đời sống vô gia cư, vô nghề nghiệp chính thức, chẳng khác nào một tên nô-lệ, bất lực suốt đời không thể làm gì theo mình, cho mình. Tôi ở tạm, ăn tạm và làm tạm. Đó là điều khiến tôi chẳng lúc nào được yên ổn. Cả đời sống hoàn toàn vô nghĩa. Có phải đó chính là nguyên-nhân khiến tôi mang thù hận trong người ? Thù hận của kẻ muốn vùng dậy chống đối, lật đổ hiện tại.

oOo oOo

Trong chu kỳ hai mươi bốn giờ của sự chuyển tiếp thời gian không ngừng, tôi chỉ thấy có mỗi buổi sáng là làm tôi thoải mái dễ chịu. Đường như buổi sáng xoa dịu được những phiền muộn đau thương của con người. Và dường như mọi tin tưởng, phấn đấu cũng bắt đầu từ đó.

Tôi vẫn thường thức dậy lúc trời còn tờ mờ sương, khói mờ khởi sự lại cuộc sống, về oải ngày qua, chẳng khác nào loài vật kéo xe trên con đường vụn dậm, đuối sức, dừng lại nghỉ ngơi, rồi lại tiếp tục cuộc hành trình không thể từ chối. Nếu

sáng nào lỡ bị men rượu hồi đêm hành hạ đến đời phải nằm dật dựa ời trưa thì, cả ngày hôm đó, chừng như tôi bị mất mát tất cả những gì có thể gọi là cần thiết để tiếp tục đời sống.

Ngồi nhìn ly cà phê phin nhỏ giọt chậm như lệ mỗi buổi sáng là thói quen mà ít khi tôi chịu bỏ qua. Và cứ thế, cuộc sống tôi chẳng có gì phải hấp tấp bồn chồn, từ việc ăn uống cho đến bất cứ cái gì khác cũng vậy. Và đó là nguyên nhân khiến tôi trở thành một « chương mắt » đối với những người chung quanh.

Tôi nhớ hồi còn ở nhà, có lần anh Thuấn tôi hẳn học vì không chịu nổi thái độ sống của tôi : « đời sống là phải nhanh tay lẹ chân, tranh giành từng tí ti còn không thăm vào đâu. Cứ sống ung-dung « dặng không mưng mặt không lo » như vậy thì suốt đời chẳng chạy kịp theo ai, chẳng làm được việc gì hết, « Tôi cười và bảo thêm : » Ừ. anh cũng có lý đó ; nhưng tôi thì khác. Tôi không phải là con cừu. Tôi không thể nhập đàn dê bị lừa vào cái thế cuộc bần thủ. Tôi sống cuộc sống của tôi. Tôi chỉ thích thế. Đàng lẽ tôi phải

nói thẳng với anh tôi điều đó. Đàng này tôi lại im lặng bỏ đi.

Cho đến bây giờ nhìn lại thảm kịch đang diễn ra trong gia đình, tôi mới nghĩ được rằng thái độ im lặng quá mức đôi khi cũng là nguyên nhân của sự lầm lẫn tai hại.

Buổi sáng cuối đông mặt trời lên chậm, khi trời mát mẻ và lắng dịu. Khu phố thức dậy với những người sinh hoạt thường lệ của nó. Tiếng kèn quen thuộc của người bán bánh mì dạo liếng khuia động ly ách trong quán cà phê. Tiếng động cơ xe của những người đến sớm theo giờ giấc định kỳ. Mùi trầm hương phảng phất đầu dây chọt mang tôi về quê hương thơ ấu. Một dĩ vãng quanh quất tiếp nối không cùng bỗng nhiên bừng sống dậy như một thực tại tưởng chừng tôi có thể nắm giữ không thiếu sót một chi tiết nào.

Một ngôi nhà rộng rãi trong một khu vườn bình lặng ven sông. Cây trái xanh tươi nảy nở. Thỉnh thoảng vài con tàu xuôi được đi qua. Mang hành khách và hàng hóa từ miền này qua miền khác một cách thanh thản an nhàn như không có gì vội vã hối thúc. Lũ trẻ vui đùa

hái hoa bắt bướm. Được ông bà cha mẹ nuông chiều, săn sóc. Những ngày lễ. Những mùa hè. Nhất là những ngày xuân, lũ trẻ tè tẹt, gia đình sum vầy ấm cúng. Và về một phương diện, chẳng còn gì hạnh phúc hơn.

Rồi một ngày chiến tranh khởi sự, bùng nổ dữ dội, làng mạc điêu tàn, bom lửa thiêu hủy hầu hết. Ngôi nhà và khu vườn kia đổ nát. Con sông kia bị cô lập vắng bóng tàu bè. Lũ trẻ lớn lên không còn ông bà cha mẹ, chúng cũng chết dần theo thời cuộc xô đẩy dồn dập. Những đứa còn sống sót, vì lý do nào đó, phải ở bên này hoặc ở bên kia, và bắt đầu thù hận tranh giành cái gia tài của ông cha để lại. Mìn kịch kéo lên, trên sân khấu nhân vật định thanh toán nhau như mang sẵn trong mình một mối thù truyền kiếp. Nhưng lại là anh em ruột trong một gia đình, từng ngậm chung vú mẹ và lớn lên dưới một mái nhà.

Tôi uống cạn tách cà phê đã nguội tự bao giờ. Bỗng dưng tôi thấy buồn chán vô cùng. Tôi không muốn vào sở làm. Tôi đi

lạng thang theo hàng cây đầy xác lá khô, ngửi tức giận hai anh tôi không chịu được. Tại sao tôi không thể sống chung với họ?

Tại sao?

Tôi đi nhêu ngoa qua nhiều đường phố, vào nhà sách xem sách cộp, xem hình quảng cáo phim chiếu bóng. Mọi người đối với tôi đều xa lạ như thể chẳng có gì liên hệ « dính dáng » nhau trên dãy đất này, như thể tôi là một loài cây mọc trong một « rừng cây » chen chúc...

Buổi trưa tôi ghé tiệm ăn uống. Lấy chừng rồi đi thẳng về nhà trọ. Ông chủ nhà thật không thể chịu nổi. Khi mời đến, tôi thấy khó « thờ » hết sức. Nhưng riết rồi cũng quen dần. V. lại, tôi nghĩ kiếp sống trọ thì phải thế, và chỗ nào cũng như chỗ nào. Cuộc sống lưu lạc hơn mười năm qua đã cho tôi biết thế nào là nỗi khổ của kẻ không nhà cửa và cũng biết thế nào là tủi nhục của kẻ không còn quê hương đích thật.

Tôi đến sở trễ mất nửa giờ. Mọi người đang tiếp tục phần công việc của mình. Tiếng máy

chữ lách cách từng hồi. Không khí quen thuộc không biết tự bao giờ. Lão kế toán trưởng cầm đầu vào máy tính, quay rền rẹt. Một hồi lão ngước lên nhìn tôi, sửa lại gọng kính trên khuôn mặt lúc nào cũng làm ra vẻ quan trọng như thể sắp tuyên bố vớ nhân loại, chốc nữa đây trời sẽ sập! Tôi ngó chỗ khác như không để ý sự có mặt của lão trong phòng. Bình thường, lão đã không ra tôi vì tôi hay bỏ đi ngang xương lúc lão đang thao thao bất tuyệt. Bây giờ nhân cơ hội tôi bỏ sở không báo lý do và còn có vẻ xem thường lão nữa. Lão tăng háng một tiếng trước khi cất giọng:

— Lại nghỉ nữa hả?

Tôi chỉ cười trừ. Không nói tiếng nào. Lão có vẻ bực dọc lắm.

— Ông Giám đốc gọi anh đấy.

Tôi gạt đầu, và cầm cúi dịch xong một đoạn trong bức thư phúc đáp nha hỏa xa về việc đấu thầu cung cấp than đá của ông Giám đốc. Tôi đã biết lý do ông gọi tôi nên chẳng cần vội vã, và cũng chẳng có gì để suy nghĩ.

Một hồi tôi đẩy cửa bước vào. Ông đang phi phà điếu xì gà có vẻ chờ đợi tôi từ nãy giờ. Ông chào tôi theo phong tục cổ hữu của người Pháp. Xong xuôi, ông chia tay chỉ chiếc ghế nhỏ đặt trước bàn giấy hình ban nguyệt của ông:

— Mời anh ngồi.

Tôi cảm ơn ông và ngồi xuống tự nhiên. Giọng ông trong và rõ ràng:

— Tại sao anh vắng mặt ở văn phòng mà không báo trước?

— Thưa ông, vì bất ngờ.

— Không phải lần đầu tiên mà đã nhiều lần như thế. Anh thử nói lý do vắng mặt?

— Lý do? Thưa ông đương như chẳng có lý do nào để tôi có thể nói với ông được.

— Lạ chưa. Thế tại sao anh vắng mặt? Tôi chỉ muốn biết vậy thôi.

Tôi không ngạc nhiên khi ông lớn tiếng và có vẻ bực bội. Tôi bình thản trả lời:

— Thưa ông, thật ra điều đó chẳng phải tôi muốn.

— Ồ; Anh có điên không? Xin lỗi anh, tôi chẳng hiểu anh.

muốn nói gì ? Tôi chỉ hỏi anh tại sao anh vắng mặt ?

Tôi không biết phải trả lời thế nào cho xong để có thể ra ngoài sớm chừng nào tốt chừng nấy. Tôi nhìn thấy ông có vẻ cũng muốn kết thúc câu chuyện cho được việc. Tôi liền nói :

— Thưa ông, tại vì... tại vì tôi muốn nghỉ.

Ông trở mắt nhìn tôi. Tôi vẫn ngồi bình tĩnh như không có gì xảy ra. Ông dụi vội vàng điếu xì gà vào chiếc gạc tàn bằng thủy tinh lớn :

— Tôi chưa từng gặp người nào như anh. À... À anh muốn nghỉ luôn ?

— Vâng.

Ông gục gặt đầu liền tiếp và hai tay thái mái tìm chiếc bật lửa. Tôi vừa đứng dậy thì ông nói :

— Vậy là xong. Anh có thể đi ra ngoài.

Tôi còn nằng ná :

— Cảm ơn ông. Ông có thể vui lòng cho tôi nghỉ ngay chiều nay ?

— Được ! được !

Tôi cảm ơn ông một lần nữa rồi khép cửa lại. Tôi ngồi vào chỗ làm việc, rút thuốc ra hút. Lão « xếp » nhân viên có vẻ như muốn hỏi tôi « chuyện gì đã xảy ra » nhưng chợt thấy tôi ngó lơ đi nên thôi. Tôi nhả khói liên miên và có ý nghĩ với chiếc bàn : « ngày mai tao không còn đây nữa. Lễ dĩ nhiên rồi sẽ có người khác đến thế ». Thật ra thì tôi không có ý định nghỉ hẳn đây. Nhưng bây giờ là chuyện đã rồi, và chẳng có gì phải thắc mắc.

Buổi chiều xám ngắt, thành phố chui rúc dần vào bóng tối phủ phàng. Những ngọn đèn trơ vơ dưới khoảng trời rộng, ánh sáng yếu ớt chống chọi màn đêm một cách mệt mỏi. Ngày mai tôi phải làm gì đây ? Tôi đã làm nhiều chỗ. Và chỗ nào cũng chung đụng với bọn người luôn luôn mang sẵn trong mình một tinh thần nô lệ, đường như suốt đời họ chỉ biết có mỗi việc khom lưng cúi đầu.

(còn nữa)

TRÁI ĐĂNG

● KIM-HAI (Huế)

CÒN đường trườn dài, nằm im lìm, nhòe nhoẹt giữa 2 hàng cây kiền rủ lá, ôm quanh chân thành rồi chui qua chiếc cổng lớn cũ kỹ hướng dần ra bờ sông Bến sông mờ sương, màu sương âm đục phủ lấp cảnh vật, gió nổi lên từ phía sông, xô nghiêng những hạt mưa nhỏ như kim đập vào mặt Hiền. Chiếc mũ áo mưa quá nhỏ, không đủ che mái tóc, bị gió đánh tung, làm ướt đầm. Tuy nhiên, Hiền để mặc, nằng nằng bặt nghĩ đến những lời kể về và an ủi của chị Tâm (chị họ Hiền). Càng nghĩ Hiền càng muốn khóc. Tại sao như vậy được, chị Lan có can đảm chia sẻ nằng và Minh à ? Chị Lan thương Hiền lắm — Hiền không ngờ được. Hiền chỉ muốn khóc. Hèn gì Minh không viết thư cho

Hiền nữa. Hiền giận Minh và lo sợ không cùng, Tư tưởng rối bời, tìm Hiền nhói đau khi nghĩ rằng. Minh không còn yêu nằng nữa!

Đã gần đến nhà. Hiền bắt đầu thấy những ánh đèn nê-on đầu xa, nơi đó, đêm không xóa được dấu vết của phố xá. Hai dãy phố đột nhiên nhỏ cao lên. Những cột điện âm thầm đối diện gờ. Hiền cái cảm giác buồn nằng, tế chần của tháng đầu đến Huế.

Bước lên thềm nhà, Hiền còn nghe rõ tiếng kèn trompette nức nở vắng lại từ rạp chiếu bóng cuối phố, Hiền đứng lại nghe cho rõ, song cơn mưa ào ạt kéo đến sau lưng đã che lấp tất cả. Hiền bước vào nhà. Ba mẹ đi vắng,



chị Lan và anh rẽ nàng đọc báo, nhà không có một tiếng trẻ đùa. Hiền có linh cảm là lạ. Nàng nghĩ thầm — Thật là bậy, nếu nhà đang chờ cơm — Hiền lên tiếng chào chị và anh rẽ. Chị Lan tờ báo đặt xuống.

— Em vào thay đồ đi. Cả nhà ăn xong rồi chỉ còn em thôi.

Hiền nhìn chị như thăm, chị không còn thương em nữa sao? Em chỉ có Minh, thế mà chị định tách rời. Ý nghĩ đó khiến Hiền giận dỗi và khổ sở, mắt long lanh sáng rực. Hiền muốn hét to lên nhưng nàng chỉ nói.

— Vàng.

Chị Lan bước vào phòng Hiền

— Em ăn cơm không? Chị bảo dọn.

— Thôi chị à, em đã ăn dưới chị Tâm rồi.

Hiền quay lại, chị Lan vẫn còn đứng đó. Hiền ngạc nhiên:

— Hình như chị muốn nói với em điều gì?

Chị Lan ngồi xuống giường, tay mân mê nếp chăn.

— Em thay đồ đi, chị không vội lắm.

Hiền quay lại, lặng lẽ ngồi xuống bên chị. Sau một giây im lặng, Hiền đọc rõ nét mặt bối rối trong mắt chị khi hỏi Hiền:

— Hiền, em có nhận được thư Minh?

— Tại sao chị lại hỏi em việc đó? Hiền thông thả.

— Chị xin lỗi em?

Mặt nóng bừng, óc choáng váng — Hiền ngồi im một lát rồi nói rõ ràng từng tiếng một.

— Thôi được, chị muốn biết sao? Ba tháng rồi, không tin tức, không thăm hỏi.

— Nghĩa là...?

Hiền nói nhanh cố giấu nước mắt.

— Nghĩa là Minh không còn yêu em nữa chứ sao. Minh chắc muốn đoạn tuyệt hẳn với em. Chị bằng lòng chưa?

Chị Lan khoác tay, lắc đầu:

— Chị không cố ý hỏi em việc đó, phải không?

Chị Lan gật nhẹ:

— Hiền, ba định nói với em, song ba nghĩ rằng, chị em gái nói dễ hơn.

Hiền đưa mắt dò hỏi:

— Cậu Tân định đi hỏi em đó. Ba mẹ bằng lòng cả. Hiền đứng

phắc đây — Bắt đầu rồi đây.

— Còn ý chị ra sao? Phải cần ý em nữa chứ. Chị Lan tiếp tục nói, trong lúc tay chị mân mê hoài quyển sách hình nhỏ của Hiền.

— Riêng chị, chị mong muốn như vậy, nên chị khuyên ba mẹ nhận lời, chị chắc em sẽ không từ chối một người hoàn toàn như Tân.

— Hừ, hoàn toàn.

Chị Lan nắm lấy 2 bàn tay Hiền bóp nhẹ:

— Em giận?

Hiền mỉm cười chua chát:

— Không, em không giận, em đang nhớ Minh.

— Em nên cầu nguyện cho Minh hay hơn.

Hiền không trả lời, nàng rùng mình khi nghĩ: nếu mình thua cuộc. Lỗi tại Hiền chăng? Minh ơi, một phần lỗi do anh đó. Anh không giúp gì em cả. Anh để em đơn phương trong những giờ phút cô đơn, dằn vặt nhất. Chẳng lẽ em tự đem nhớ thương để chống cự những việc trái lòng ư? Bây giờ mới mở đầu thôi. Chẳng hiểu sẽ còn gì nữa đây?

Tay Hiền rung mạnh, nhói đau. Hiền kêu lên:

— Chị!

— Em nghĩ sao cho ba biết?

— Em không bằng lòng. Xin chị để em nói tiếp. Em yêu Minh, chị đã biết rồi. Vì vậy em không yêu Tân được, mặc dù em biết Tân giàu, giỏi, chừng đó đủ để cả nhà trả lời với bên Tân. Chị Lan, chị giúp em đi.

Tiếng chị Lan bén và sắc:

— Phải, chị biết em yêu Minh, nhưng có gì đảm bảo tình yêu đó sẽ đem đến hạnh phúc cho em đâu?

Hiền nghẹn ngào:

— Chúng em yêu nhau, đó là hạnh phúc.

Chị Lan cười nhỏ, mỉa mai:

— Đó chỉ là ảo tưởng, em lớn rồi, thế mà bao năm qua, em đâu có tự định đoạt được đời em, vì vậy, ba mẹ phải làm công việc đó. Ba mẹ thương em, chọn Tân, ba mẹ và cả nhà đã nghĩ kỹ lắm rồi. Em nên bằng lòng Tân, đừng để ba mẹ mang tiếng ép ửng con.

— Vàng, em biết ba mẹ thương em vô cùng, ba mẹ đâu nỡ để em khổ. Vậy chị nói giúp với

ba là em không thể lấy Tân được.

Chị Lan đứng phắc dậy, giận dữ.

— Cô nên nói với ba điều đó, tôi không biết gì cả. Riêng tôi, tôi giúp cô bằng ý nghĩ rằng: Cậu Minh phụ cô rồi, ngồi đó mà chờ. Nó lang bang ghê lắm, ai mà chả biết. Ba tháng nay, nó có thêm thắm có một tí đâu.

Hiền nắm chặt thành bàn học, nói như hét.

— Chị đừng nói xấu Minh, em đã biết tất cả, chính chị, hành động do chị khiến Minh không gởi thư cho em nữa,

— Tôi đã làm gì...? Cô đã biết gì?

Hiền nói trong tiếng nấc.

— Không, em biết chị thương em lắm, song tại sao chị lại làm thế? Em đã biết cả. Khi chị đi Saigon chị đã nói gì với Minh, chị đã sắp đặt cho Tân gặp Minh, dọn đường để Tân xỉ vả Minh nặng nề như thế nào, em rõ hết! Tại sao chị đối xử với Minh như vậy? Minh có làm gì phật ý cả nhà đâu? Minh đàn hoàng, đứng đắn chị cũng hiểu mà. Minh chỉ có tội yêu em thôi.

— Đó là lỗi của Minh và sự tình cờ.

— Tình cờ, sao chị không thuật lại cho em hay?

— Nhưng chị bảo không có gì đáng tiếc cả mà.

Hiền cười chua chát:

— Phải, không sao cả, vì Tân đã thắng. Tân thắng là mục đích của chị. Mà tại sao, chị không nhân cơ hội đó xét người cho em nhờ? Tân đâu phải là người yêu của em, thế mà Tân la mắng xỉ vả Minh tàn tệ. Chắc chị cho phép. Hơn thế nữa, em không thể tha thứ cho Tân một chút nào. Vì Tân dám nhận là vị hôn phu em.

Chị nghe được, nhưng chị không cãi chánh để Minh tin là thật. Chị không thấy Tân xấu tính đến thế sao mà còn ép em?

Chị Lan luống cuống:

— Ai bảo em như vậy? Nhưng thôi, em cứ trả lời với ba hay hơn. Chị không dự vào nữa.

— Khi nào chị cũng không biết không biết... Chị không biết mà khi xúi ba, xúi mẹ gả em cho Tân à?

Chị Lan giận dữ la to:

— Đáng lẽ cô biết ơn tôi mới phải, Tân là một bác sĩ, tương

lai rục rở, cô chê, chê để nhào vô cậu Minh, nó hơn gì Tân chứ?

Thốt nhiên, Hiền cảm thấy mình trở nên bình tĩnh lạ, trí óc thật sáng suốt, mặc dầu toàn thân nghe lạnh toát.

— Chị đừng la lớn vậy, em van chị. Em biết Minh đâu bằng Tân, nhưng em yêu Minh. Sao chị không nhớ lại ngày xưa, chị đã bị ép buộc, em xin lỗi chị, chứ theo em, chị lấp anh Nam mà chị đâu có yêu anh ấy, chị sống tế nhị và buồn phiền tháng này qua năm kia. Bèn một người chồng ốm yếu, khô khan, chị bằng lòng lắm sao?

Chị Lan cuối mặt:

— Em đừng hờn, Hiền, ba em đã định, em phải theo ý ba. Không ai cãi lời ba được, kể cả mẹ và chị. Thôi em nghĩ đi, chị phải lo cho mấy cháu.

Cánh cửa khép lại từ lâu, Hiền vẫn còn đứng sững cạnh giường. Trí óc trống rỗng, Hiền không khóc được nhưng chỉ có cảm giác nhảm chán và mệt mỏi vô cùng.

Hiền chậm chạp đến bên cửa sổ, mở tung 2 cách cửa. Gió lạnh lùa vào đem theo những hạt mưa nhỏ, công buốt.

Ngoài vườn toàn một màu

xám đen, qua tiếng rì rào của mưa gió. Hiền nghe như có tiếng lá chạm nhau run nhẹ. Hiền chợt run lên, không hiểu Minh có hiểu cho Hiền không, bao cánh thư gửi đi lại trở về, đơn vị chàng thay đổi chỗ liên miên. Chắc Minh không bao giờ tha thứ cho Hiền cả. Vì Minh đâu có biết sự thật. Tình yêu Minh cho Hiền đã đổi bằng oán ghét, Hiền phải làm sao đây? Rồi ngày mai nữa, trước cha già nghiêm khắc và độc đoán, phải trả lời dứt khoát. Hiền run sợ quá. Đành rằng tình yêu là sức mạnh đáng kể, nhưng Hiền vẫn lo âu, những lo âu, hải kinh bắt nguồn rễ từ lối giáo huấn nho phong. Trước Hiền, hai chị nàng đều phải lấy chồng do cha mẹ định. Hiền chứng kiến tận mắt nỗi đau khổ, dẫn vật của hai chị. Vì thế Hiền muốn lần tránh, chối bỏ.

Hiền đóng cửa và tắt đèn. Phòng tối đen và lạnh, Hiền ngủ thiếp đi cùng lúc với những ác mộng trong đêm.

oOo

Buổi sáng sau, trời vẫn âm u ướt và lạnh ngắt. Bầu trời xám đậm, nhàn nheo. Cảnh vật buồn tênh, Hiền thức dậy một lượt

vội cơn mưa đầu ngày. Trưa nay, Tân đến chơi rồi dùng cơm tại nhà, Hiền tự hỏi mình phải làm gì đây? Về ngoại chơi hay ở lại. Quyết định cuối cùng giúp Hiền thêm can đảm. Nàng phải thành thật với tất cả.

Đang sắp xếp những đồ đạc trong phòng, chị Lan vào rủ Hiền đi chợ. Sau một phút ngần ngừ, Hiền khoác áo mưa theo chị. Đường xá bóng láng sạch sẽ sau những cơn mưa bao nhiêu thì nhà cửa lại âm默默, bần thiêu hơn bấy nhiêu. Người đi lại thưa thớt, vội vàng — Hiền lo đêngh ngắm dung nhan thành phố và nghĩ thầm; sao hôm nay phố trông tiêu tụy quá!

Gần đến chợ, chị Lan bảo Hiền:

— Trưa nay, Tân đến ăn cơm.

Hiền cúi mặt nói nhỏ:

— Tùy chị và ba mẹ, vả lại Tân có mời chị ăn ở Sài Gòn, bữa nay chị nên mời lại.

Chị Lan định nói gì, song thôi vì đã đến chợ. Hiền thoái thác không vào chợ, chỉ đứng bên ngoài chờ.

Mưa lạnh đến se da, Hiền thu

2 tay vào túi áo mưa nhìn về phía cầu Tràng Tiền lơ mơ trong sương. Năm ngoái, cũng vào tháng này, Minh nghỉ phép về Huế. Cả hai, Minh và Hiền, đã tìm thấy những thú vị riêng của cảnh mưa bay, đã thưởng thức được tất cả sự kỳ ảo trong mỗi phong cảnh một, lẽ dĩ nhiên tình yêu cũng đóng góp không ít vào lối nhìn đó, bởi Hiền đã đi qua những khung cảnh ấy vào mùa mưa năm nay nhưng Hiền chỉ thấy buồn nản thôi, ma lực hấp dẫn không còn nữa vì tình yêu cũng đã theo dòng.

Bây giờ, chỉ còn mình Hiền với xót xa và kỷ niệm. Tình yêu vượt mất, đau khổ kéo đến chia phần. Hiền muốn bằng lòng số phận cho xong, vật lộn với trái ngang, với gia nghiệm mãi, dòi khi, Hiền chợt thấy mình trở về đến kinh hoàng. Hiền muốn tìm Minh khuyến khích, Minh lại ở quá xa không nhất định, Minh lại đổi, hơn trách Hiền. Một mình Hiền chịu khổ, khổ mà không dám than van, trách móc kể lể với mình ư? Hiền không đủ can đảm, than trách Minh làm gì khi Hiền tự biết

minh rồi chỉ làm khổ Minh thôi. Những lời an ủi, câu yêu thương, mâng mằm bên rề quá sâu, thời lẽ dĩ nhiên, niềm thất vọng sẽ lớn to vô cùng. Hiền biết như vậy nên âm thầm và cảm lạnh.

ngày dài dần vật và u sầu. Hai phương trời đã hoàn toàn cách biệt, khó hàn gắn những đổ vỡ vì lối đi về mù sương dày bịt như phố Huế trong mùa đông lạnh giá.

★ KIM-HAI
(Huế)

Trước mắt hiền, một chuỗi

PHÂN - U'U

Gia đình chúng tôi rất đau đớn khi được tin:

BÁC-SĨ Trần Văn Nu

Cựu Trưởng Ty Y-tế Châu-Độc đã tạ thế ngày 23-6-68 tại Châu-Độc.

Thành thật phân ưu cùng tang quyến và cầu nguyện cho hương hồn B.S. được tiêu diêu nơi cực lạc.

- ★ PHAN-THỊ-ÚT tự Mười Phụng
- ★ LÊ-THỊ-LỄ
- ★ NGÔ-QUANG-PHƯỚC

Điêng midol *tri các chứng đau nhức và cảm cúm.*
1360/BY.T/ĐPDC *CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY*

Thơ Lên Ruột

Diệu Huyền

1. — Hai ông

Ông Thiệu khó chịu với ông Kỳ.
Ông Kỳ làm-ì với ông Thiệu.
Hai ông lúc làm găng, lúc đầu dậu,
Dân chúng hỏi nhau: ông Kỳ, ông Thiệu,
Giữa hai ông,
Liệu có đảo-chánh hay không ?
Rồi Nội-các Lộc đỡ cái đùng !
Một lô Tà bi Rốc-kết,
Bắn lăm, sáu ông chết !
Dân chúng bàn-tán xôn-xao :
— Tại sao nhỉ ? Tại sao ?
Rồi Nội-các ông Hương,
Ngào-ngạt lên hương..
Cam kết.., không liên-kết..
Dân chúng hoang-mang :
Một loạt thay-thế : ông Loan
Thay-thế : ông Khang
Thay-thế : ông Cửa
Và 9 ông Cờ 9 quận Công-an.
Và còn nữa, còn nữa..
Nhưng ông Hương có ba cái tặc:

Hăm-he từ chức (không chính-thức).
Ông Tướng Vỹ cũng có cái tặc
Lăm-le từ chức, (cũng không có thực)
Dân chúng lo sợ đảo hăm
Đào hăm, đảo hăm, đảo hăm...!

Việt-cộng pháo-kích rầm rầm,
Rầm rầm, rầm rầm, rầm rầm!..
Sập nhà, sập cửa, ầm ầm.
Buo người chết chóc, máu chảy dầm-dầm,
Thịt nát bầm-bầm,
Bao cát leo-thang, leo thang...!
Dân chúng hoang-mang
Thì thăm, thì thăm :
— « Đảo chánh ? Sắp sửa đảo chánh ? »
Nhưng ông Kỳ định chánh :
— « Khoan, khoan ! V.C đang đánh.
Ta đang diệt Cộng.
Chưa có đảo chánh. »
Bao cát vẫn leo-thang.
Dân chúng vẫn hoang-mang :
— « Sẽ có ngày đảo-chánh ? ? »
Ông Thiệu cứ lo-liệu..
Ông Kỳ cứ chi..
Ông Hương cứ uy-uy..
Dân chúng xăm xi.. xăm xi..
Diệu-Huyền cười : Hì hì hì hì !

II.— Pháo kích Saigon

VC pháo-kích Saigon.

Mấy trăm người chết, trẻ con, đàn bà,
Thiếu-niên, thiếu-nữ, cụ già.
Những anh lao-động, những bà có mang.
Còn người trưởng-giả, giàu sang.
Nhà cao cửa rộng chẳng can có gì !
Pháy-pháy họ sống, bởi vì
Bê-tông họ đủ tiên-nghi xây hầm,
Rốc-kết rớt xuống âm âm,
Bay một mái ngói, đổ rầm mái hiên.
Gia-đình họ vẫn bình yên.
Chỉ chết lũ đói ngoài hiên ngủ nhờ !
Dân thất-nghiệp, vô gia cư.
Gái, trai, già, trẻ, dạt dờ chết oan !
Lại kia trong xóm bình-dân,
Buôn thúng, bán mẹt, công-nhân, thợ-
thuyền.

Đêm đêm pháo-kích liên liền.
Đạn rơi, lửa cháy, xóm giềng hỏi ói !
Bao nhiêu nước mắt mờ-hối !
Tiêu tan sản-nghiệp, ôi thôi còn gì !
Hỏa tiễn 122 ly,
Dân nghèo, dân đói, tặng chi món này ?
Rơi đầu, nát thịt, phanek thây.
Xác người vô tội, máu tráy não-nùng !
Chiến-tranh, pháo-kích, hải-hùng !
Nghe tiếng kêu réo oan hồn khắp nơi ?

Mỹ ném bom Bắc-Việt một thời,
Dân Bắc cũng bị bao người chết oan.
Điệu-Huyền tím ruột, bầm gan,
Cũng kén người Mỹ chớ toan ném bira.
Giết người vô có ai ra ?
Thường dân lam-lũ, giết bira ai khen ?
Thối, thối, đừng thụt nữa ghen.
Chơi trò pháo-kích bao phen chán rồi,
Đánh nhau mặt trận hải hời.
Hai bên súng đạn, hạ hồi giải-phân,
Chơi chi pháo-kích thường dân ?



III.— Tham nhùng!

Tham nhùng!

Mi là ai, tên là THAM.NHÙNG ?
Mi là chi, phải giống loi-nhoi ?
Giống sáu, giống một, giống dòi,
Phải loài chui rúc, phải nòi hôi tanh ?
Mi bằm chút oai-danh căn-bã,
Mi xe-xua chức cả, quyền cao,
Đề vơ, đề vét, đề cào,
Đề moi, đề khoét, đề đào, đề... AN !

Có tất ăn, ham ăn số dách,
 Vói, xi-măng, ngói, gạch, cũng ăn,
 Những đồ cứu-trợ nạn nhân,
 Mùng, mền, gạo, sữa, mì ăn không thừa,
 Mì ăn lộn, ăn lữa, ăn quít,
 Ăn chận đầu, chận đít, chận đuôi,
 Ăn sao ăn ác, mi ôi,
 Của người nghèo đói nuốt trôi sao đành ?
 Họ nhà THAM, ăn dành, ăn dặt,
 Dương oai-quyền thế lực, hư-danh,
 Ăn ~~ơ~~ cấp chú, cấp anh,
 Ăn lên chín bậc Công khanh bá hầu,
 Ăn ô-tô, nhà lầu, gái đẹp,
 Ăn hột xoàn, chuỗi ngọc, kim cương,
 Le-hoe chỉ mấy đồng lương,
 Mà mi vẫn sống đế-vương một ~~trai~~ ?
 Mi hút máu đồng bào đói khổ.
 Mi dám kêu « phục-vụ nhân dân » ?
 Mẹ cha mi, lũ bất-nhân !
 Chỉ lo buôn nước, lán dân, làm

DIỆU-HUYỀN

LÀM GÌ CHO LẮM TIỀN TRONG LÚC NÀY ?

■ *Phiếm luận của TRỌNG-TÁU*

Phải nhìn nhận rằng từ dạo
 đầu năm đến bây giờ, trước tình
 thế xáo trộn đến cực độ của đất
 nước, trước cảnh tối tăm mù
 mịt-tối hơn đêm 30 Tết, đen hơn
 mồm chó mực - trong các địa
 hạt chính trị, kinh tế, xã hội.v..
 v..., mọi hoạt động của người
 dân hầu như bị tê liệt... nếu
 không muốn nói là ở trong tình
 trạng nghẹt ống khói. Bởi không
 thông suốt nên tiền bạc cũng
 ngừng luân chuyển luân đề chui
 vào các chỗ kín mà ăn náu chờ
 một ngày mai sáng sủa. Ông nhà
 giàu thừa tiền thì họ thủ thế
 không làm ăn kinh doanh. Các
 nhà băng, chủ nợ « xanh xit đít
 đui » cũng không đại gì chơi các
 trò « lộn nhà thả ra mà đuổi ».
 Họ bắt đầu ăn nhín... vì sợ
 « đói ».

Chỉ khổ cho mấy tay « đơi »
 gia truyền, đơi 72 phần đầu.
 Một khi tiền bạc trong mấy cái
 bóp bự « ngừng lưu thông » thì

các tay « đơi chuyên nghiệp » còn
 nước non xơ mũi gì nữa chớ.
 Tiền bạc của các tay nhà giàu
 cố chịn đi dạo mát khắp nơi thì
 mấy-thằng đóng khổ mới mong
 dính tay ăn ké chát dính cho có
 mà xài qua ngày đoan tháng..

Bàn đến chuyện « làm gì cho
 lắm tiền trong lúc này », người
 ta có thể cho mình là mêt thằng
 điên, không ưu thời mẫn thế
 chằng ? Không, trong những thế
 cờ bí, lắm khi người ta đã tìm ra
 được nhiều lối thoát rất hay. Và
 chưa biết chừng chính vào lúc
 thiên hạ không biết mò dâu cho
 ra tiền, lại là lúc ta có cơ làm
 giàu nhanh chóng vậy.

Kế « tiêu tiền » này thử mao
 muội đưa ra một vài kế hoạch
 kinh tài chớp nhoáng để giúp
 chớ giới đóng khổ chặm dứt bài
 ca « Con cá » muôn thừa.

Trong lúc này, cộ vai nghề
 được coi như là nghề « được
 mùa », hái ra tiền... cũng như

đạo nào, nghề « Sô-Nách » đã có một thời vàng son của nó.

Trước hết là nghề may « Sô-Mi Sáu Tấm ». Bởi quý vị chủ nhân tiệm may đồ Tây, đồ Ta, đồ Đầm, Lu-Din, Mini-Duyt... v.v. quý vị hãy nên chuyên một may đi thì vừa. Lúc này món y phục hợp thời trang và ăn khách nhất chính là loại sô-mi nói trên. Thầy vị-tiền trừ hàng kho vãi vốc, rất dễ bị Hỏa Tiễn thiêu rụi, quý vị hãy lo kiếm ván đủ loại đủ màu mà may sô-mi. Một chiếc sô-mi, cho dẫu là loại « Mông-Te-Guy » của Pháp, giỏi lắm cũng chỉ phát mại được « 5 thước » là cùng. Đẳng này sô-mi gỗ loại vừa, xiu xiu cũng phải dăm bảy chục ngàn, ấy là chưa kể các loại « đờ luych », loại áo « đúp » có lót kẽm nữa đó.

Nghề gì cũng vậy, hễ có lắm người ra thì ắt phải có cạnh tranh và lối tranh thương sau đây sẽ giúp quý vị khuyếch trương nghề nghiệp một cách rất ư là lương thiện. Thay vì bán một sô-mi gỗ 60 ngàn đồng, quý vị thợ may (sô-mi gỗ) nên bán 1 lần 2 cái với giá 100 ngàn và đăng quảng cáo trên các báo

(ngay cạnh các cột báo đăng cáo phó) như sau :

«Chuyên may Sô-Mi Gỗ. Cát khéo, may hay. giao đúng hẹn. Bán một biểu một. Khỏi giặt t. khỏi ủi mà vẫn không mất li».

Quý vị nên nhớ rằng, các ông nhà giàu, vốn dĩ ưa lo xa. Rồi trong nhà họ có một người « đi ngủ với dun mà họ có phải mua một áo ngủ bằng gỗ. thì cái sự biến thêm một sô-mi sáu tấm thứ hai sẽ được họ hoan nghênh nhiệt liệt. Chả là lúc này Hỏa Tiễn của V.C ngay nào cũng không ngớt xô số vào Đồ Thành Vì vậy dù cho có phải bỏ tiền ra tích trữ ở trong nhà dăm ba cỡ « hậu sự », cũng là hợp lý lắm.

Nhiều vị thợ may sẽ nói : « Bộ muốn mở một tiệm may quần áo ngủ (với dun) ít tiền lắm sao ? Kể « tiền tiền » này cũng xin thông cảm với quý vị về điều đó. Nhưng ta đã có cách ! Nếu quý vị nào ít vốn quá, xin hãy hành nghề một cách linh động như sau :

Quý vị nên mở một tiệm may chuyên bán áo ngủ (với dun) loại « ốc-ca.đông », vừa ít vốn

vừa bán được giá rẻ cho hợp với túi tiền của mọi người, dễ được tiếng là nhân đạo Số là lúc này từ người giàu đến kẻ nghèo không ai còn thiết đến chuyện trang bị nhà cửa cho đầy đủ tiện nghi như trước nữa Quần áo đồ đạc của nhà nào nhà nấy cũng đều được chui gọn vào trong các túi vải thật bự để phòng khi chạy cho dễ. Vì lẽ đó, các tú áo hầu như hết xài Quý vị có thể rảo khắp mọi nhà ga mua những chiếc tú đứng đó, đem về biến chế ra thành sô-mi gỗ. Tú 2 buồng thì làm 2 cái, 3 buồng 3 cái v.v... chỉ cần ráp thêm vào vài miếng ván phụ nữa là đủ. Chưa biết chừng các loại sô-mi gỗ chính cống nữa là đẳng khác.

Nghề thứ hai, mau làm giàu nhất hiện nay là nghề bán « cu-ron ». Tuy nhiên, cũng cần phải có mảnh lối nghề nghiệp thì mới sống oanh liệt. Về phương diện kiếm mối, cũng giống như nghề bán áo ngủ... với dun, cần phải có cái « phờ-ic-còm-méc-xi-an » tức là phải « thịnh » trên phương diện thương mại. Cần phải biết chăm

chủ theo dõi các tin tức trên báo hàng ngày. Mỗi khi có nơ nào bị pháo kích, nơi nào đụng độ, hoặc có tai nạn xe cộ v.v... quý vị phải tìm cách đến ngay từ tốc như anh nhà báo săn tin, đề... xem có ai tử nạn không ? Các nạn nhân ấy chính là khách hàng béo bở của quý vị vậy. Điều cần nhất, chỉ nên kiếm tới các tang chủ nào có máu mặt và địa vị mà thôi. Ngoài ra, cũng cần phải biết kiếm ra cái thân bằng quyến thuộc, nhất là cái kẻ từng chịu ơn người chết.

Quý vị cùng có thể xung vào những ban xã hội của các đoàn thể để tạo cho mình một hoàn cảnh thuận tiện đi thăm viếng các bệnh viện. Nơi đây sẽ có rất nhiều thân chủ tương lai của quý vị. Quý vị có thể hỏi thăm các bệnh nhân xem họ sắp « đi doong » chưa để mà trao « các-vi-sít » (loại quảng cáo),

Quý vị khai thực ngành bán « cu-ron » cũng nên tổ chức một đoàn quân thám thính, chuyên theo dõi các đám ma lớn. Nơi đây người ta có bán lại những « cu-ron » mới xài. Những thứ này chỉ phải trả 1 phần 3, hoặc phần

LÀM GÌ CHO LẮM TIỀN

uỷa theo giá chánh thức, mà khi bán ra vẫn nguyên giá. Muốn cần thận hơn, quý vị có thể điều đình với các tang chủ, cho người của quý vị đi theo để gìn giữ các «cu-ron» đó khỏi bị hư hỏng. Chỉ cần thay cái ruy băng «tím là «cu-ron» lại thành mới, còn những lời «chúc tụng» thì cáu nào chẳng giống cáu nào. Một vốn bốn lời, ngành thương mại này bỏ lắm, quý vị còn đợi gì không nhào dò?

Lúc này «đăng xính» bị đóng cửa, đài phát thanh bị bẽ nứt, nhạc sĩ ít việc làm. Quý bạn nhạc sĩ nên xoay nghề sáng tác nhạc ra bộ môn «Nhạc Tổng Tàng» đi thì mới có ăn. «Nhạc Tổng Tàng» có thể làm theo lối nhạc buồn hay giạt gân cũng được, tùy theo sở thích của từng gia chủ. Tỷ dụ như những bà vợ muốn thực sự «tống tiền» ông chồng thì phải cống hiến các bà đó loại nhạc vui nhộn cho hợp thời hợp cảnh. Liên đoàn nhạc công cũng vậy, quý bạn còn chờ gì mà chưa thành lập các đội «kèn đám ma»?

Các quảng cáo viên từ hồi sau Tết không ngót than thở là

minh không lấy được quảng cáo vì «số cái nhà buôn hoạt động trong tình trạng tắc tị. Xin «mét» quý bạn một ngõ thoát:

Quý bạn hãy đặt lại vấn đề với mấy ông nhà báo, là từ nay trên phương diện «Cáo phó», họ cũng phải coi đó như là một món hàng quảng cáo và quý bạn có quyền đi lấy về ăn hoa hồng. Nếu nghĩ xa ra, các ông quản lý phải dành đất sống cho các bạn trong địa hạt đó. Cần phải iết nuôi nhau trong những «hi khốn đốn chớ». Bảo rằng «Cáo phó» cũng là một hình thức quảng cáo thiết tưởng cũng đâu đến nỗi là quá đáng. Thật vậy, nếu không có dịp chia buồn liệu thiên hạ có biết rằng ta quen với ông này ông kia không? Và thiếu gì người đã đăng cáo phó với mục đích phơi bày địa vị và sự quan trọng của gia đình mình? Quảng cáo lúc này hơi hiếm nhưng «cáo phó» thì nhiều đấy, và các báo đã được bù trừ vào chỗ đất đăng quảng cáo bằng các ô «cáo phó» to tổ bố đấy, mấy bạn quảng cáo viên à!

Nghề làm hầm nổi (bán bao cát) là một nghề mới! Khi mà

LÀM GÌ CHO NẮLT TIỀN

Cung yếu hơn cần thì giá cả ắt leo thang. Cát hiếm, kiếm đâu ra cho có cát rẻ? Tại sao không nộp đơn với nhà nước, bao thầu tất cả các núi rác ở Đồ Thành, đốt thành than tro để thay thế cát. Còn túi vải thì lo gì, thặng dân đen Giao Chỉ nghèo mặt rệp thiếu gì «bị gậy». Mua lại các bị ăn mỳ đó mà làm bao sẽ rẻ chán.

Cuối cùng, xin mét trên quý vị một nghề mới lạ khác. Đối với các bà mê tin dị đoan, quý vị có thể lên núi Tà-Lơn, đặt mấy ông Đạo sĩ trên đó sản xuất cho một loại bùa «súng bắn không lũng, hỏa tiễn nổ vẫn tro, lửa đốt không cháy, đem về bán cho thiên hạ đeo làm... bùa hộ mạng. Dám chắc bùa này sẽ bán đắt hơn tôm tươi.

□★



Sách mới: Nhà xuất-bản Sống Mới vừa cho phát-hành tác phẩm giáo-khoa GIẢNG VĂN ĐỆ TAM của **Bằng Giang, Thăm Thệ-Hà, Xuân-Tước** với nội dung vô cùng phong phú.

Quý vị giáo-sư phụ-trách môn Việt-văn lớp Đệ Tam cần tài-liệu giảng dạy, xin liên-lạc với địa chỉ trên, chúng tôi sẽ giữ sách trang lặng quý vị.

Tuổi Trẻ và Chiến Tranh

(Kết Thúc loạt bài phỏng vấn bạn trẻ)

★ Thu-Mai

Cuộc tiếp xúc của chúng tôi với các bạn trẻ để tìm hiểu về những vấn đề sống và ý nguyện thầm kín, đến đây kể như tạm chấm dứt. Chúng tôi nói tạm chấm dứt, vì nếu hoàn cảnh thuận tiện chúng tôi sẽ gặp lại các bạn, nhất là các bạn sinh-viên, trong những vấn đề khác sôi động hơn.

Đáng lý theo chương-trình dự định của chúng tôi, cuộc điều tra phỏng sự sẽ còn tiếp tục. Những cuộc tiếp xúc vừa qua chỉ mới là giai-đoạn đầu, Giai-đoạn sơ khởi.

Nhưng tình hình đất nước đã thay đổi đột ngột từ sau biến cố Tết Mậu-Thân. Tất cả mọi dự tính đều còn phải tùy thuộc theo tình hình đất nước hiện tại. Lúc này là lúc chúng ta cần bắt tay vào việc và phải hành động chứ không thể ngồi nhìn hiện cảnh quê hương bằng đôi mắt thản nhiên, hoặc dùng những ngôn từ lớn cho «hợp thời trang.» như trong thời gian qua được nữa.

Các bạn đã hô hào : Tuổi trẻ chúng ta có quyền bàn, có quyền đòi hỏi cách-mạng những hiện tại đồ nát, mục thối. Có quyền đòi hỏi tự-do bình đẳng.

Chúng tôi có thể tóm tắt tất cả những ý-kiến của các bạn trẻ, trong cuộc tiếp xúc của chúng tôi vừa thành một câu :

— Tất cả đều muốn được tự-do -- tự-do trong sự hòa đồng của luân lý truyền thống Dân-tộc và tiến bộ, — cũng như cách-mạng tất cả những gì lỗi thời ngăn chặn sự tiến hóa của Quốc-gia xã hội-

TUỔI TRẺ

Nhưng muốn Cách-mạng thành công, thì việc đầu tiên của chúng ta phải làm ngay bây giờ, là nỗ lực, và nếu cần thì phải hy sinh, để bảo vệ tự-do và Dân-tộc. Sau đó, mới mong cải thiện được hữu hiệu và bền vững những việc lớn lao khác. Chứ bây giờ mà ngồi đấy hô hào suông phải thế này, thế kia, chỉ là vô ích. Hoài công.

Cuộc biến cố Tết Mậu-Thân vừa qua đã cho chúng ta thấy điều đó và một sự chọn lựa dứt khoát. Một là đồ máu để giành tự-do, hai là ngồi yên chờ Cộng-sản tràn vào đầu cái ách độc tài của họ.

Chắc chắn là trong giờ phút này chúng ta — dù là người vô ý thức đến đâu đi nữa, cũng đã thấy rõ chế độ Cộng-sản là thế nào. Sắt máu hay là thiên đường !

Trước ngày con cháu bác Hồ tổng công kích Saigon và các tỉnh miền Nam, quả thật đã có nhiều người phản đối cuộc chiến này, bảo là chiến tranh huynh đệ, người Việt giết người Việt — Nhất là các bạn trẻ ở thành phố, dù các bạn ấy chưa hề thấy và hứng nhận những tang tóc xót xa của chiến tranh. Các bạn ấy đã quên mất rằng bạn trẻ chúng ta là những người được ưu đãi nhiều nhất trong hoàn cảnh đất nước tang thương hiện tại.

Tại sao các bạn không tự hỏi là trong khi bao nhiêu thanh niên đồng trang, đồng lứa, cũng là thanh-niên Việt-Nam, đã vứt bỏ sau lưng tất cả những niềm vui, hạnh phúc cá nhân, đổ từng giọt máu tươi lòng đất mẹ, hy sinh xương trắng, thịt tươi, vun bồi từng tấc đất quê hương, đem bàn tay cò non giữ chặt cò súng để bảo vệ tự-do no ấm cho mọi người. Ngày đêm luôn luôn đối diện với cái chết, sống gian khổ nơi thâm sơn cùng cốc. Cả năm không được thấy mặt người thân, không thấy thành phố được một lần,

Trông lúc đó, tại sao ta lại được ngày hai buổi cắp sách đến trường, được sống yên lành ăn ngon, mặc đẹp, và hưởng những thú vui trường giả? Trong khi họ cũng như ta, họ lại phải chấp nhận những hy sinh quá lớn, quá to tát. Như vậy có thể gọi được là bất công chăng? Thật là tủi nhục, khi những người tự xưng mình là người trẻ của thế hệ hôm nay được sống an nhàn ở thành phố, dám cầm bút viết mà không thẹn: « *đồng lương mạt hạng của tên lính đánh thuê* » trên chính phần đất yêu dấu này!

— Ai là người « *lính đánh thuê* »? Và « *đánh thuê* » cho ai? Hãy nói cho rõ, — đừng xuyên tạc một cách vô trách nhiệm!

Chúng tôi cũng không quên được ý kiến của hai bạn trẻ mà chúng tôi đã phỏng vấn:

— Anh nghĩ thế nào về vấn đề quân dịch?

— Tôi sẵn sàng đi lính nếu có lệnh gọi, nhưng tôi vừa mới nộp đơn xin hoãn dịch xong.

— Đây là cuộc nội chiến, người Việt giết người Việt, nếu tôi không muốn tham dự, nếu đi lính vì một lý tưởng cao đẹp thì không cần gọi, tôi cũng sẽ đi!

Với tất cả những bạn hào hùng phản đối chiến tranh hiện tại, chúng tôi có thể nói ra rằng: Chúng tôi hoàn toàn nghi ngờ cái thiện chí của các bạn đó. Luận điệu ấy phải chăng là cái vỏ để che đậy sự sợ chết và bảo vệ sự sống an lành ích kỷ cá nhân của mình? Các bạn không thấy Bắc-Việt tổng động viên cả lớp trẻ 15, 16 tuổi và nhỏ hơn nữa đó sao?

Không một người Việt Nam nào mà không mơ ước và mong muốn hòa bình. Nhưng ham chuộng hòa bình không có nghĩa là đầu hàng những kẻ thù của lý tưởng tự-do. Đừng kêu gào hòa bình một cách ngây thơ, vô ý thức. Sẽ không bao giờ có hòa bình, nếu cứ ngồi một chỗ, mà miệng la oai oái là tôi muốn có hòa bình. Cũng đừng đem những người đi trước ra chửi bới, bảo rằng chính họ đã gây ra chiến tranh, bắt mình hứng nhận đau thương tang tóc-

Đâu phải chửi bới như thế rồi sẽ có hòa bình? Chỉ còn hứng kẻ mù-quáng, mới không nhận chân đây là chiến tranh giữa hai ý thức hệ. Mọi vật trên trần gian này đều có giá, mà nhất là hai chữ hòa bình lại càng cao giá, có thể nói là vô giá. Vì thế muốn có hòa bình thì phải trả một giá rất đắt. Món hàng đắt giá đó buộc người mua phải trả bằng xương, bằng máu, bằng sự hy sinh cao ngút ngàn.

Cuộc chiến này ai cũng có thể hiểu là không phải như cuộc nội chiến thời Trịnh-Nguyễn, mà là chiến tranh giành lấy phần đất tự do này, giữa người tự-do dân chủ và Cộng-sản độc tài.

Từ hôm Tết đến nay Cộng-sản tàn sát biết bao nhân dân Việt Nam yêu tự-do trên khắp lãnh thổ, tại sao không thấy có bạn nào đứng lên hô hào phản kháng với Cộng-sản? Đêm ngày Cộng-sản pháo kích vào thành phố giết hại hàng ngàn dân lành vô tội. Vì lý do gì lại không xuống đường, lớn tiếng phản đối cho dân nhò?

Đây chỉ là những chuyện trong dĩ vãng. Giờ đây, với hiện cảnh chua xót của quê hương, tình trạng buồn nôn đó sẽ không có môi trường và lý do để tồn tại. Tất cả bạn trẻ, những thiên thần có sức mạnh vạn năng, đã ý thức được sự việc. Bằng chứng hùng hồn nhất là sau ngày biến cố Tết Mậu-Thân, chúng tôi đã gặp những bạn từng hô hào chống đối chiến tranh, quân dịch, bây giờ lại tự ý đi trình diện nhập ngũ và trong thời gian chờ đợi làm thủ tục hành chánh, đã hăng hái băng mình trong lửa đạn để cứu những người cùng khổ, bàn tay chưa hề sạm nắng nay đem ra xúc-



Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/671/6600

TUỔI TRẺ

đất, gạch đỏ, góp tay dựng tạm một mái nhà đơn sơ để sưởi ấm đôi chút những tâm hồn chết lặng vì chiến cuộc.

Một số bạn gái trước kia chỉ biết vui chơi, không cần biết là đất nước này đang có chiến tranh, chiến tranh là cái quái quỷ chi chi. Chiến tranh chỉ có trên báo chí, ti vi, radio, chứ không có với các cô. Với các cô chỉ có thời trang và sống vui bay bướm. Nhưng bây giờ mọi việc đã đổi khác. Mini, patte, pô lô, vút vào một xô, lộ bộ bà ba đen, chiếc nón lá làm hành trang đi cứu trợ.

Những bàn tay thắp bút trắng ngần giờ đây lem luốt những đất bụi, thuốc đỏ, mùi é-tê thay cho mùi nước hoa No 5 và gót sen không còn thấy nhẹ lướt trên đường phố, mà chỉ thấy dầm lên sinh lầy đá sỏi.

Cũng có những người lấy việc cứu trợ làm cái mode. Mặc pô-lô, mini đi vác cuốc, xúc đất để chụp hình, và khi chụp xong rồi thì xách Honda, cùng với một bạn trai, bay bướm trên phố hoặc ngồi tâm sự vụn trên gạch ngói đồ điêu tàn.

Nhưng những người đó thì nói đến làm gì, họ không phải là những phần tử đáng lưu tâm. Rồi tất cả sẽ bị đào thải, vì hiện cảnh V.N đau thương không thể nào chấp nhận được thái độ vô-ý thức đó.

Bây giờ, có một vấn đề đang làm xáo trộn trong giới trẻ chúng ta. Đó là chuyện: Tổng-động-viên. Người thì hoan hô nhiệt liệt, kẻ thì phản đối rầm rầm.

Tại sao lại phản đối? Vì sự học bị dở dang!

Dùng midol *Để các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/8Y1/9PDC

124

TUỔI TRẺ

Đồng ý! Nhưng cứ mãi ở trong tình trạng này Cộng-sản cứ đánh phá cù nhầy mãi, ngày đêm pháo kích rầm rầm rầm mà các bạn muốn ngồi yên để học được không đã? Các bạn lo sau này sẽ thiếu tri thức khi tất cả đều đi lính!

Tri thức của các bạn đó sẽ được làm gì khi Cộng-sản đã chiếm được miền Nam tự-do này?

Sao không nghe thấy một bạn trẻ nào ở Hà nội phản đối chính quyền Cộng-Sản bắt họ đi lính, không để họ yên ổn lo việc học?

xxx

Vấn đề tổng động viên con trai đã được ban hành, còn con gái chúng ta thì sao?

Giờ đây không phải là lúc chúng ta ngồi đây mà than khóc cho những đồ vớ vàng son, hay đòi phát huy nữ tính. Than khóc và phát huy nữ tính trong lúc này có giúp ích cho chúng ta được gì không? Hãy sống thích ứng với hoàn cảnh hiện tại. Hãy nhìn phụ nữ Do-Thái, tuy hoàn cảnh đất nước chúng ta không giống Do-Thái, nhưng phụ nữ Do-Thái dám cầm súng bảo vệ quê hương thì tại sao chúng ta không dám làm? Lịch sử Việt của chúng ta há không có những phụ nữ góp phần bảo vệ Quốc-gia Dân-tộc thoát ách xâm lăng là gì. Gương Hai Bà Trưng, Nguyễn-thị-Giang còn đó, lẽ nào chúng ta không nhìn thấy?

Đất nước lâm nguy mọi người ai ai cũng có trách nhiệm chung lo. Không riêng gì con trai, con gái chúng ta vẫn có trách nhiệm. Đừng quan niệm sai lầm và hời hợt, rằng chuyện bảo vệ quê hương đã có các chiến sĩ. Cuộc chiến tranh này là cuộc chiến toàn diện. Nếu muốn có hòa bình, tự do thì tất cả mọi người phải đóng góp công lao tùy theo khả năng của mình.

Đừng đổ trách nhiệm cho người khác, tự mình không ý thức được trách nhiệm thì làm sao người khác ý thức được cho mình?

Dùng midol *Để các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/8Y1/9PDC

PHỔ-THÔNG - 210

125

MÌNH ƠI (tiếp theo trang 10)

— Một mỗi cũng có, những lý do khác cũng có.

Sau các cuộc chiến tranh vô cùng khùng khiếp, chống Đức, chống Nhật, chống Cộng Sản Bắc Hàn (có Trung Cộng và Nga Xô giúp sức), lần này người Mỹ có vẻ ngán chiến tranh. Nhất là thứ chiến tranh du kích ở Việt-Nam không giống như các chiến tranh cổ điển ở Đức, Nhật và Cao-Ly. Dù là một quốc gia giàu mạnh bậc nhất trên thế giới, nhưng chiến tranh ở Việt Nam cũng đã làm cho Mỹ hao tổn quá nhiều về nhân mạng cũng như về tài chánh.

Tháng 1-1967, Tổng thống Mỹ thuyết trình trước Quốc hội (Congress) đã thõ ra :

« Những phi tổn nặng hơn nữa, những thiệt hại lớn hơn nữa, những lo sợ khủng khiếp hơn nữa, còn đang chờ chúng ta, vì kết-cục không phải là bây giờ... »

Diễn bằng con số, thì chính phủ Mỹ đã bỏ ra « tiền rừng bạc bể » — danh từ này thiệt là đúng vì từ trên rừng, xuống đến bể Mỹ đã rải rắc biết hằng hà sa số nào là đô la để tổ chức cơ cấu chiến tranh chống Cộng ở Việt Nam ! Vì chiến tranh này mà thuế lợi tức của tư nhân và các công ty Mỹ phải tăng lên 60%. Năm 1966, chiến tranh đã tốn hết 100 tỷ francs, gấp 30 lần tất cả số phí tổn của Pháp trong trận giặc Algérie ! Năm 1967 số phí tổn lên đến 675 tỷ ! Một con số quán quân ! Từ tháng 7-1967 đến tháng 7-1968, chiến tranh Việt Nam chiếm hết 1/5 ngân sách của Hoa Kỳ, — 109,5 tỷ fr. — nghĩa là tổng số ngân sách của nước Pháp niên khóa 67-68.

Johnson đã phải nói với Quốc hội Mỹ :

« Chúng ta phải nhẫn nại, rất nhiều nhẫn nại...! »

Về chiến cụ, so sánh toàn thể số máy bay trực thăng của Pháp đem sử dụng hết vào trận Điện Biên Phủ, chỉ có 11 chiếc (mười một), và số trực thăng của Mỹ hiện sử dụng ở Việt Nam là 3.500 chiếc, thì đủ thấy tổng quát số chi phí về chiến cụ của Mỹ ở Việt Nam, chỉ kể từ năm 1964, đã kinh khủng đến mức nào không ai có thể tưởng tượng được ! Kể số thiệt hại, phi cơ và trực thăng Mỹ đã bị hạ gần 1.000 chiếc, số người Mỹ chết trên 20.000 và quân đội Mỹ đóng trên lãnh thổ miền Nam đến gần nửa triệu.

Số tiền thất nhân mạng và chi phí về tiền bạc như thế đối với nước Mỹ thật chẳng thấm vào đâu. Nhưng từ tháng 7-1967 thấy chiến tranh còn lâu dài (Hà nội cứ hăm dọa : có thể đánh 10 năm, 20 năm !) một phần lớn dư luận Mỹ bắt đầu chán nản... Kể đó, cuộc nổi dậy của những phần tử Da Đen trong phong trào *Black Power*, cuộc tranh cử Tổng thống của các ứng cử viên chủ hòa, như Mac Carthy, Robert Kennedy, chuẩn bị cuộc bầu cử tháng 11-1968, và những dấu hiệu không mấy lạc quan của tình hình kinh tế, đã khiến cho tổng thống Mỹ Johnson từ lập trường chủ chiến dần dần chuyển qua đường lối chủ hòa. Mặc dầu Mỹ không phải là kẻ bại trận trên chiến trường, và quân lực Mỹ, Đồng Minh, và Việt-Nam Cộng-Hòa vẫn dư sức đạt đến chiến thắng cuối cùng chống Cộng Sản, nhưng Hoa-thịnh-Đốn muốn lút thang chiến tranh để điều đình Cộng sản, vì những lý do trên kia, hoàn toàn thuộc về tình hình nội bộ của Mỹ. Cho nên, sau khi bức thư của ông Johnson gửi riêng cho ông Hồ-chí-Minh tháng 2-1967 không được đáp ứng, Tổng thống Mỹ vẫn tiếp tục « nhẫn nại » và « nhẫn nại » kêu gọi thương thuyết hòa bình. Ngày 29 tháng 9-1967, tại San Antonio, trong bài diễn văn đọc trước Hội nghị National Legislative Conference, ông Johnson tuyên bố :

« Tôi sẵn sàng gửi một đại diện tin cậy của Mỹ đến bất cứ nơi nào trên quả đất này để nói chuyện công khai hoặc bí mật, với một phát ngôn viên Hà nội »

(I am ready to send a trusted representative of America to any spot on this earth to talk in public or private with a spokesman of Hanoi).

Đại đa số dân chúng Mỹ tán thành lập trường đó. Nhưng, để trả lời Mỹ, ngày 17-7-1967, ông Hồ-chí-Minh ký sắc lệnh tổng động viên các lực lượng trừ bị Bắc Việt để tăng cường chiến tranh theo « Quyết nghị số 12 » và gửi vô miền Nam 5 sư đoàn quân chính quy.

Thái độ mà các báo Sài-gòn gọi là ngoan cố của Hà nội, thực ra, theo chủ trương của Cộng sản Bắc Việt, có hai ý nghĩa :

1)- là một mưu mô tăng cường áp lực đối với Mỹ mà những đề nghị cầu hòa liên tục và khẩn cấp của ông Johnson đã tiết lộ rõ rệt tâm trạng lo sợ chiến tranh của Tổng thống Mỹ cũng như của phần đông dư luận dân chúng Mỹ.

2). là thực hiện kế hoạch của Võ-nguyên-Giáp.
Hà nội đã thành công ở điểm 1, nhưng ở điểm 2 thì chưa biết ra sao.

Thành công, vì do áp lực đó, (hăm dọa tăng cường tiềm lực chiến tranh,) nên ngày 31-3-1968 tổng thống Mỹ tuyên bố ngưng oanh tạc miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, đề tỏ cho Hà nội thấy rõ một lần nữa, cái thiện chí hòa bình thành thật của Mỹ, và đề kêu gọi Hà nội, một lần nữa, quyết định về đề nghị của ông trong bài diễn văn ở San Antonio.

Và lần này, Hà nội chấp nhận. Được tin như cởi tấm lòng, ông già Johnson, thở ra một hơi nhẹ nhõm, trong lời tuyên bố ngày 8-5-1968 với Thủ tướng Thái lan qua thăm Mỹ :

« There is a fresh breeze of hope circulating around the world »

(Có một làn gió mát của hy vọng thổi khắp quanh thế giới)

Bà Tú cười mỉa mai :

— Một ông Tổng thống Mỹ mà ngày thơ ngớ ngàn thế !

— Chưa hẳn là ông ấy đã ngợ thơ. Vì ở địa vị của một tổng thống chỉ còn mấy tháng nữa hết nhiệm kỳ, muốn có tham vọng để lại trong Lịch sử một « thành công » nào đó với dân chúng Mỹ, thì dù phải phản bội các bạn đồng minh của Mỹ, ông cũng chẳng cần. Ông chỉ muốn được nhân dân Mỹ tôn ông là bậc ân nhân cứu Mỹ khỏi bị sa lầy, nên ông đã thò lộ một thỏa mãn niềm nở thấy Hà nội vui lòng chấp thuận qua Paris ! Nhưng, như đã nói trên, Hà nội chỉ coi cuộc gặp gỡ với Mỹ ở Paris là một bước đầu của một chiến lược có 3 giai đoạn, mà Mỹ sẽ là một kẻ bại trận nhục nhã trước nhất, nếu Johnson nhất định phản bội các đồng minh của Mỹ và thế giới Tự do.

— Ba giai đoạn gì, hả Minh ?

— Ba giai đoạn trong kế hoạch của Võ-nguyên-Giáp :

1. — « Tổng phản công »

2. — « Tổng khởi nghĩa »

3. — « Thống nhất » dưới quyền lãnh đạo của Đảng (đảng Cộng sản Bắc Việt).

Cuộc hòa đàm ở Paris, theo kế hoạch ấy, còn tùy thuộc vào kết quả (thành công hay thất bại) của kế hoạch trên

(CÒN MỘT KỶ NỮA)

Hãng B. G. I. THÀNH CÔNG, THỊNH VƯỢNG

Kính chúc Quý Vị

và
HẠNH - PHÚC



Còn non còn nước còn dài

Còn Xuân : Nước Ngọt muốn chai còn đầy,

La - ve hương dịu còn say,

Quả Xuân vui hưởng thêm ngày Xuân tươi,



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31.33 đường Lăng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 31 -thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu.phieu hay thư từ tiền bạc xin để :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẬP-CHÍ PHỔ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão — Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 25 đồng

Công số : 40 đôn